

CORNELL
UNIVERSITY

JUL 23 1970

LIBRARY

NEUROTONIC

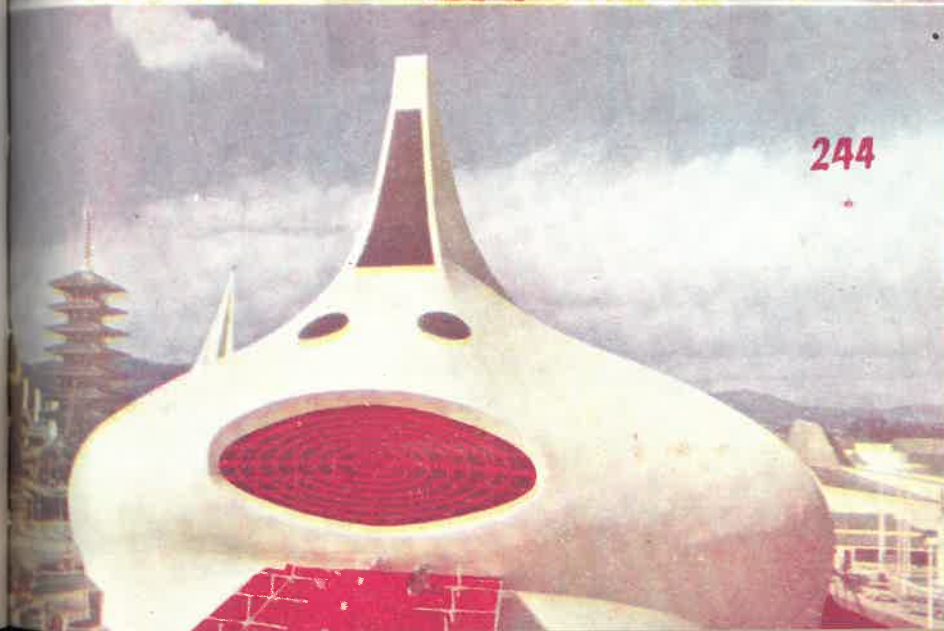
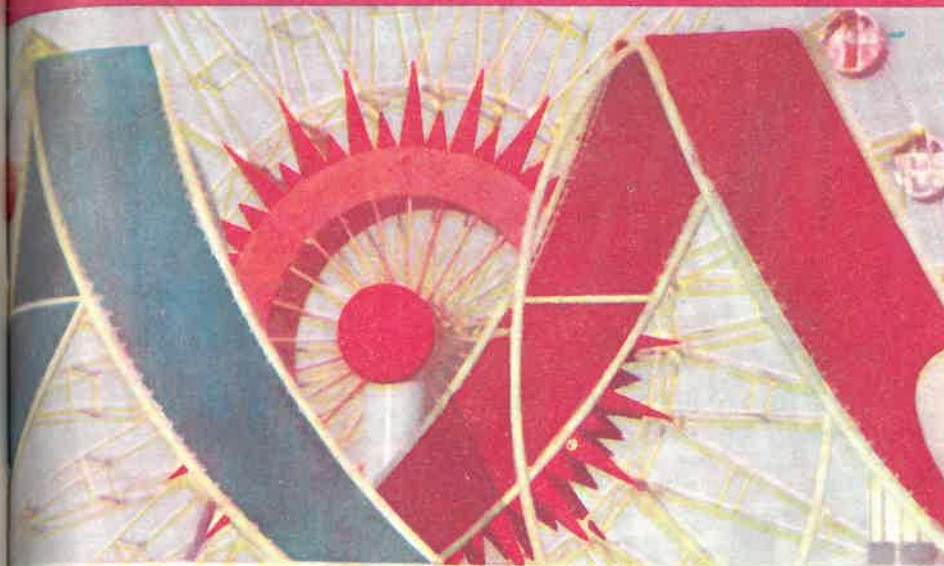
Từ thôn quê đến thị thành
Sĩ, Nông, Công, Thương chạy dành **NEURO**

NEUROTONIC

- ★ BỒI BỒ ÓC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ★ GIẢI VÊ CẢM LẠC

156-11
P95
P57
THÔNG

Giám đốc, Chủ bút: Nguyễn Vỹ



244

đọc

Thăng
bờm

để biết giá trị của cái



quạt mo

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN TAY DUNG VĂN-HOÀ VIỆT-NAM
PHO BIEN VAN-HOA ĐONG TAY KIM-CO

● *Giám-đốc, Chủ-bút; Nguyễn-Đức*
Sở-sạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lao — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 244 — 1-5-1970

1 — Nhân ngày kỷ niệm Lao-dộng	Đông-Tùng	6 — 10
2 — Cầu tạo Cung trăng	Võ-quang-Yến	11 — 16
3 — Chiếc nốt ruồi	Ng-hữu-Trọng	17 — 24
4 — Quê-hương (thơ)	Hoài-Thi	25
5 — Một chuyến đi thăm các lăng tẩm các vua nhà Nguyễn	Tr-lê Nguyên-Vũ	26 — 32
6 — Tảng Bạt Hồ	Lâm-hữu-Ngân	33 — 40
7 — Chúa Trịnh và chúa Nguyễn	Anh-Thư	41 — 46
8 — Bền trời (thơ)	Lê-thủy-Hồng	47
9 — Hàn Tín có phải là một thằng vô liêm sỉ không ?	Đông-Tùng	48 — 54
10 — Mấy câu chuyện về váy	Cử-Tạ	55 — 59
11 — Tóc trắng lòng son (thơ)	Tống-anh-Nghị	60 — 61
12 — Kiếp sanh tử các loài vật (t.t.)	Tin-Khanh	62 — 67
13 — Tình con Vượn trên Tuyết-Lĩnh-Sơn	Ng-tiến-Trợ	68 — 76
14 — Bài ca đưa tiễn (thơ)	Ngô-Cang	77
15 — Vua Nam-Chiếu	Ng-tiến-Trợ	78 — 83
16 — Kỷ niệm còn... (thơ)	Châu-phong-nhất-Chi	84

7 — Con cò trong Văn chương VN	Ng-tấn-Lộc	85 — 88
18 — Căn phòng bí mật (t.t.)	Giang-Tân	89 — 96
19 — Đêm chia xa của 2 đứa (thơ)	Châu-Giang	97
20 — Độc hành (truyện ngắn)	Lưu-trú-Giang	98 — 104
21 — Hồ-xuân-Hương	Nguyễn-Vỹ	105 — 109
22 — Sinh khí văn nghệ	Hoàng-Thắng	110 — 114
23 — Chọn lựa	Nguyễn-ngọc-Anh	115 — 119
24 — Phong hóa Phù-Mỹ	Thân-tri-Thiện	120 — 126
25 — Sách báo mới		127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt,
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.

P.T.

Nhân ngày Kỷ niệm Lao-Động Quốc-Tế, 1-5

chúng ta thử tìm hiểu quan niệm
giá-trị lao-động của đấng
Jésus Christ qua câu nói của Người :

**«Con hãy sống bằng
mồ hôi trán của con»**

(Vis à la sueur de ton front) •]

● ĐÔNG TÙNG

ĐIỀU mà mọi chúng ta phải ghi nhận trước nhất ở lời nói của Đấng Christ là lời nói của chính giai cấp Lao-động, xuất phát từ dưới mái nhà dột, trên cột nhà xiêu. Vì bọn người chuyên sống trên lâu dài nguy nga tráng lệ, ngồi mát ăn bát vàng, thì không sao thông cảm nỗi giá-trị lao động một cách sâu sắc như thế được.

Thiệt vậy, «Lao động là sáng tạo» đó là một

chân lý. Lịch-sử nhân loại đã hơn một lần chứng nghiệm thực tiễn đó. Một bàn tay giơ lên, một sự vận dụng của cơ thể, não bào... tất cả biểu thị nỗ lực không ngừng của nhân loại trên bước đường tiến hóa.

Trên đường tiến hóa không ngừng của lịch sử nhân loại, song song với cuộc đấu tranh giữa người với thiên nhiên để sinh tồn và phát triển cũng như con người phải đấu tranh với con người, cũng chỉ vì mục đích đó : «thăng tiến nhân sinh và cải tạo xã hội»

Tất cả chỉ có năng lực lao động mới xây dựng lên lịch sử loài người được. Nói cách khác, nhân loại đã viết lịch sử bằng sức lao động của mình. Nhiệm vụ đó hết sức vinh quang, nhưng cũng hết sức vất vả.

Vất vả vì phải đổ mồ hôi, dắt giá hơn nữa, có khi phải trả bằng xương máu, nhưng cũng rất vinh quang trong sự mạng sáng tạo, từng lớp lao động cũng đã hãnh diện trông vai trò «thăng hóa» cuộc sống của nhân loại.

Với xã-hội loài người, tầng lớp lao động đang giữ một vai trò tiên phong cố gắng liên tục trong sự nghiệp cải tiến. Với bản thân, họ là người hoàn toàn tự cường, tự lập.

Đấng Jésus Christ đã đưa ra cho loài người một công thức, một lời huấn thị vàng ngọc :

«Còn hãy sống bằng mồ hôi trán của con»

Lời vàng ngọc của đấng Christ trước hết là biểu thị một mối đồng tình và thông cảm giữa những người cùng có quyền lợi như nhau, (tầng lớp Lao-động) và cùng chung cảnh ngộ «mái nhà dột trên cột nhà xiêu» đồng thời cũng là một lời khuyên dạy cho dân loại. Nhưng ở phần sâu kín tâm thức nó còn là sự xác nhận giá trị «người Tự-do» của tầng lớp lao-động nữa.

Trước hết con người là một hiện hữu Tự-do, con người phải có quyền làm con người (nhân quyền). Sức lao động là phải có nhiệm vụ làm nảy nở ý thức cộng đồng phát triển và tồn tại, đồng thời với tinh thần tự mình làm chủ lấy mình.

Thiệt vậy, không cần phải dài dòn hùng biện, thực trạng xã hội loài người kể từ khi chế độ nô lệ xuất hiện cho tới nay, đã làm ngược lại lời huấn thị của đấng Christ. Nhất là bắt đầu từ thế kỷ 18 với sự xuất hiện cuộc cách mạng kỹ nghệ ở Âu-Tây, Lao động và con người lao động đã bị tước đoạt hết lợi quyền và nhân bản, ngay đến cả cái quyền làm

con người (nhân quyền) cũng đã bị xúc phạm một cách hết sức tinh vi khéo léo.

Người lao-động đi vào xưởng làm chỉ là để làm hao mòn tâm hồn và thể xác. Con người Lao-Động đã phải chấp nhận một công việc nặng nhọc hoàn toàn không tùy thuộc sự xếp đặt của chính mình. Lại nữa, kỹ thuật khoa học càng đổi mới, phương thức hoạt động ngày càng trở nên tinh vi và do sự phân công theo lối giây chuyền, bắt người lao động tự biến mình thành những cái máy, và đương nhiên mất hết mọi quyền tự chủ đề sáng tạo

Ta phải kể trước nhất là phương diện lợi nhuận, hay đối với người lao-động là tiền công. Có những nhà Kinh tế học cho rằng: Tiền công cũng như giá hàng, là chỗ giao thảo giữa cung và cầu. Nhiều người làm mà ít việc, thì tiền công tự nhiên phải hạ; khi ngược lại thì tiền công tự nhiên phải lên.

Sức làm việc không còn sự giúp đỡ quý hóa giữa người với người, mà chỉ là một món hàng, giá trị lên hay xuống tùy thuộc ở hoàn cảnh cung cầu. Và người có tiền tự nhiên có quyền định giá bán phát.

➤ Không cần biết chi hết : Thờ đau ốm đã có

y sĩ, thợ thất nghiệp đã có cơ quan cứu tế lo. thợ xem thường «đạo đức, luân lý» vì thấy mình quá khổ, đã có các cơ sở tôn giáo, khuyến răn; và nếu như thợ có những hành động chống lại an ninh quốc gia, hay trật tự xã-hội.. thì đã có cảnh sát, trại tù!

Chúng quý khi mà tương quan lực lượng sản xuất đang đặt trên cơ sở có tính chất xung khắc về nhiệm vụ và lợi nhuận, thì chân giá trị Lao động kẻ cả Lao-động trí thức và chân tay không được bảo đảm gì hết.

Chỉ khi nào loài người biết thực hiện, hay bị bắt buộc phải thực hiện được lời vàng ngọc của đấng Cứu-thế: «Con hãy sống bằng mồ hôi trán của con» lúc bấy giờ mới mong được chung sống với nhau trên mặt trái đất: **HÒA BÌNH, NO ẨM,**

HẠNH PHÚC, YÊN VUI».

● Cựu học sinh trường Qui-Nhon.

Một số đồng anh em Cựu Học sinh Trường Trung Học Qui-Nhon đề nghị thành lập một Hội Ái hữu. Vậy tất cả anh em nào Cựu Học Sinh Trường Trung Học Qui-Nhon từ 1924 đến nay, hiện có mặt ở Saigon, và muốn gia-nhập Hội, xin ghi tên tại Tòa Soạn Phở-Thông, số 231 Phạm-ngũ-Lão, Đ.T. 25.861, buổi sáng từ 9 giờ 30 đến 12 giờ. ●



CÁU TẠO CUNG TRĂNG

▼ VÔ-QUANG-YÊN

(Paris)

Ta đã biết ngày 12-9-69, Armstrong và Aldrin có đem từ cung trăng về một số lượng hóc đá và bụi bặm lượm lặt ở «biển» An-tinh. Trên số 21,5 kilô đã đem về được coi như của quý, cơ quan NASA quyết định tích trữ phần lớn và chỉ chịu phân phát 8,1 kilô cho các phòng thí nghiệm khắp thế giới để khảo cứu theo một chương trình đã được soạn thảo rất công phu. Thật ra, phần lớn các phòng thí nghiệm có hân hạnh nhận được chút ít hóc đá ấy đều ở Hoa-kỳ (106), khắp thế giới còn lại chỉ có một số ít thôi (36). Hãng NASA phỏng tính mất mòn đi 3 kilô, như vậy sẽ thâu hồi lại khoảng 5,1 kilô sau ba tháng là thời gian đã chỉ định để phân tích những hóc đá và bụi bặm kia.

Theo các chuyên gia thì thời

gian này vừa quá ngắn, vừa quá dài. Mục đích là thông diển những kết quả trong một mẫu cung trăng mới. Thật là khó khăn, nhất là những hóc đá mà Apollo 12 đem về, sau một cuộc phân tích sơ sài, xem chừng như khác hẳn những mảnh đá của Apollo-11. Nếu rồi đây Apollo-13 và Apollo-14 lại đem về những hóc đá còn khác hơn thì sẽ thông diển làm sao? Chắc ai cũng còn nhớ chuyện mấy người mù và con voi. Sợ rồi càng ngày ta lại càng ít hiểu biết cung trăng hơn!

Những chuyên gia Hoa-kỳ lo về việc tìm hiểu cung trăng tưởng cần phải cắt đoạn cuộc thám hiểm, dừng bước ít lâu, đặt lại vấn đề, tìm thêm giải quyết, suy nghĩ và xếp đặt những thí nghiệm mới rồi hãy lại tiếp tục. Vì vậy chẳng có gì lạ, trước ngày 5-1-70 là ngày có cuộc họp mặt quốc tế ở

Houston để các chuyên viên đã khảo cứu trên các mảnh hóc đá cung trăng trao đổi kết quả, hãng NASA thông cáo thay đổi chương trình Apollo, trì hoãn cuộc phóng những phi thuyền đã được quyết định. Trước đây, Hoa-kỳ đã muốn phóng các Apollo-13, 14 và 15 những ngày 12-3, 8-7 và 30-10-70. Hơn nữa, chương trình đã được soạn thảo cho đến Apollo-20. Bây giờ đây, Apollo-13 phải hoãn lại đến tháng 4 mặc dầu hỏa tiễn từ tháng chạp năm ngoái đã được dẫn lại chỗ phóng. Apollo-14 thì qua thu mới lên đường, còn hai Apollo-15 và 16 thì phải đợi qua 1971 mới được đề cập đến. Sau đây, chương trình Apollo sẽ bị gián đoạn để nhường chỗ cho chương trình Workshop nhằm đặt phi đài quanh quả đất. Những Apo'lo-17 và 18 thì đến 1973 và 1974 mới được bàn tới.

Người ta có thể khảo cứu mặt trời qua cung trăng

Hiện nay, sau mấy tháng cặm cụi khảo sát, phân tích với mấy hóc đá cung trăng, các chuyên

gia đã đi đến một kết luận khá rõ ràng và bí quan: cung trăng thật là bí ẩn! Những kết quả đầu tiên như tưởng đã đem lại thêm câu hỏi hơn là những giải quyết mong muốn.

Tuy nhiên, nhiều điểm đã xác định. Trước tiên là cuộc xoi mòn vũ trụ lên mặt trăng. Những trận gió mặt trời, những vắn thạch đủ cỡ đều đều tạt vào đất cung trăng đã bào dũa địa thể đất chị Hằng. Năm 1960 chiếc Luna-9 của Liên-xô đã có chụp hình những «cấu tạo vế gạch» (Lebedensiki) là những tổ chức giống như những rễ một cái cây giữa một đám đất bị nước xối. Luna-9 cũng còn chụp những tảng đá bao trùm, che chở những đám đất mềm hơn. Lần đầu tiên người ta đã có được một khái niệm về cuộc xoi mòn ấy.

Những hóc đá của Armstrong và Aldrin đem về lại cho thấy thêm những mảnh lâu đời không có khía cạnh sắc nhọn. Tính ra vũ trụ có thể mài dũa imm mỗi một triệu năm. Như vậy những bức tường bao quanh

những lỗ hổng trên mặt trăng đã mất nhiều thước từ hồi mới được tạo ra. Kết quả như vậy là ít nhưng cũng đã đủ để ta thấy rõ tính chất thay hình đổi diện của cung trăng.

Tính chất phóng xạ cũng đã được đo lường kỹ càng. Hồi mới được các vệ tinh nhân tạo phân tích, người ta đã biết cung trăng phóng xạ mười lần hơn quả đất. Như vậy là vì cung trăng không có khí quyển, mặc sức trực tiếp đón nhận những hạt vũ trụ lạnh lẽo rồi biến thành những chất phóng xạ sau một loạt phản ứng biến chất. Những hạt vũ trụ lạnh có thể từ vũ trụ xa xăm hay từ mặt trời mà lại. Khảo xác hóc đá cung trăng, người ta đã suy ra được nguyên thủy của những hạt kia (Arnold). Kết quả này rất quan trọng vì người ta có thể từ đấy gián tiếp khảo cứu mặt trời.

Nhiều hợp chất của cung trăng không có ở quả đất

Một điểm khác đã được ghi vào chương trình khảo cứu là

những nguyên tố trong hóc đá cung trăng. Kết quả đã đúng như người ta thường suy đoán: tất cả các nguyên tố đều có trên cung trăng. Trước đây, chiếc Surveyor đã từng phân tích đất cung trăng và đã tìm ra được những thành phần chính: 58% oxit silicium, 7% nhôm và những kim loại khác. Tuy nhiên, với vệ tinh người ta không biết được cấu tạo những hợp chất kia.

Bây giờ khảo sát cận kề trong phòng thí nghiệm, người ta đã biết thêm được nhiều chi tiết. Đặc biệt, cung trăng có sắt ở trạng thái thiên nhiên. Ở quả đất, các mỏ chỉ chứa những oxit sắt. Lại hơn nữa là người ta đã tìm ra được thau, một hợp chất đồng và kẽm. Ở quả đất, thau là một sản phẩm hoàn toàn do con người chế tạo ra. Ngoài ra còn có nhiều hợp chất khác không hề có ở quả đất (Smith). Đứng trước những thổ sản mới lạ này, người ta không khỏi tự hỏi chúng được cấu tạo trên cung trăng hay do các vắn thạch mang lại.

Những kết quả đầu tiên cho biết vàng rất ít, là từ vũ trụ mà lại. Còn trong số 16 chất kim loại thuộc «nhóm đất hiếm» thì chỉ có 2% là do vẫn thạch mang đến. Những nguyên tố nhẹ thì rất hiếm trên cung trăng. Đặc biệt, nguyên tố carbone thì chỉ có khoảng 0,01% trong các mẫu hóc đá được phân tích. Kết quả này rất quan trọng vì ta biết carbone là rường cột của mọi hóa chất hữu cơ trên quả đất ta.

Trong mục đích tìm sinh vật, người ta đã khám phá ra được những phân tử axit amin trên cung trăng (Ponnamperuma). Tuy nhiên, ba trăm thí nghiệm đã được thực hiện mà không phát giác được một chút hoạt động sinh vật nào. Ở đây, kết quả thật khá rõ ràng: đời sống không một lúc nào đã có trên cung trăng.

Giả thuyết sự hiện diện núi lửa trên cung trăng.

Một nguyên tố đặt biệt quan trọng là khinh khí. (Epstein). Đây là một mối thất vọng lớn cho các nhà bác học vì không có

khinh khí thì không có nước mà không có nước thì cuộc sống sau này trên cung trăng thật là phiền phức. Có một giả thuyết bảo cung trăng lạnh thì nước chỉ có thể hiện ra dưới hình thức nước đá (Gold) nhưng ngày nay người ta chắc chắn không bao giờ có nước trên cung trăng từ thuở nó ra đời. Để giải nghĩa



người ta tin là lúc ban đầu cung trăng rất nóng, khoảng 2000 độ, mà lại ít trọng lực nên những hợp chất khinh khí, tương đối nhẹ, đều bay ra ngoài mặt cả. Trái lại những nguyên tố có độ nóng chảy cao như titane, xirconium ắt phải có nhiều hơn.

Trong kỳ họp mặt ở Houston, phần lớn các nhà bác học đều chịu nhận giả thuyết nhiệt độ lớn của cung trăng lúc mới được tạo ra. Khảo sát các mảnh hóc đá, người ta cũng thấy được những dấu vết có thể cho là do sự nóng chảy mà lại. Hơn nữa, người ta đo được tuổi những bụi bặm đã cấu tạo ra cung trăng: 4 tỷ rưỡi năm (Tatsumoto) Tuy vậy, những hóc đá trên mặt cung trăng thì trẻ hơn: người ta cho chúng đã từ đáy sâu, khoảng 300 cây số, dần dần tiến lên mặt cung trăng, một tỷ năm sau lúc cung trăng được tạo nên. Phải chăng núi lửa đã là nguyên nhân của sự kiện này?

Thật vậy, xem xét kỹ lưỡng mặt trăng, người ta đã thấy được nhiều địa thể đặc biệt giống các ngọn núi lửa ở quả đất. Trước đây, những hình đo Lunar Orbiter chụp quanh «biển» Bão-táp đã từng làm ngạc nhiên các nhà thiên văn: phía tây thung lũng tròn Copernic chẳng hạn, thế đất trời trập, nhẵn nhụi như đã bị xúc động vì những luồng khí từ phía cung trăng chạy ra. Thung lũng tròn

Damoiseau thì lại đặc biệt với «cấu tạo lòng chảo» xem như một miệng núi lửa quả nặng nên sụp xuống.

Cung trăng đã được cấu tạo đồng thời với quả đất.

Về những tia sáng trong «miệng núi lửa» Aristarque thì hằng chục bằng chứng đã được đưa ra những năm gần đây. Nhiều nhà thiên văn học làm việc riêng biệt nhau đã đồng thời chứng kiến từ quả đất. Sau đây, nhiều vệ tinh bay quanh cung trăng cũng báo tin thấy tia sáng. Tuy nhiên chưa ai dám chắc nguyên thủy của nó.

Ở Houston, có người cho cung trăng có một chu kỳ hoạt động như mặt trời: cứ 15.000 năm thì cung trăng lại qua một thời kỳ hoạt động dữ dội. Một chi tiết cần phải được xác định là nhiệt độ bên trong cung trăng. Dùng bức xạ hertzien để đo, người ta đạt được con số 1000 độ ở sâu 50 km. Tuy vậy, cần phải đo tại chỗ mới chắc chắn được. Cuộc đo lường này đã được xếp đặt cẩn thận trong chương trình Apollo-13.

Nhưng ngay từ bây giờ, giả thuyết nhiệt độ lớn ở cung trăng lúc trước đã gặp trở ngại. Đây là kết quả của những chiếc máy chấn động đã được đặt lên hai «biển» An-tinh và Bão-táp. Chiếc thứ nhất, do Apollo-11 đem lên trước, đã ghi những luồng sóng dài như động đất. Chiếc thứ nhì mới được Apollo-12 đặt lên thì lại ghi những luồng sóng liên tiếp mỗi khi có gì chạm vào cung trăng.

Người ta biết các luồng sóng truyền đạt rất chậm trên cung trăng. Nhưng người ta lại ghi nhiều phản xạ như cung trăng không phải một khối đặc sần mà là gồm có nhiều vật chồng chất lên nhau. Mẫu cung trăng này hoàn toàn tương phản với mẫu cung trăng 2000 độ nói trên: nếu đã nóng chừng ấy thì mọi vật đều nóng chảy và khi nguội lại tất cung trăng phải đóng thành một khối đồng nhất. Vì vậy trước khi đi đến một kết luận rõ ràng còn cần phải đo lường nhiều thêm nữa. Những máy đo chấn động cũng cần phải tăng thêm trên cung trăng.

Trong lúc chờ đợi một mẫu cung trăng rõ ràng, minh bạch, giả thuyết đã được đưa ra để dễ làm việc, là cung trăng không phải từ quả đất phóng, ra mà đã được cấu tạo đồng thời với quả đất, với cùng vật liệu như quả đất (Haskin, Maxwell). Lúc ban đầu, cung trăng cũng có khí quyển như quả đất nhưng vì những chất phóng xạ, nhiệt độ tăng dần và khí quyển bị mất đi. Nhưng khi khí quyển ra đi thì lại làm lạnh mặt cung trăng. Đồng thời cung trăng hấp dẫn mọi vật chất quanh quả đất, trong thái dương hệ. Những vật chất này chồng chất lên cung trăng, dày hằng chục cây số, bao bọc để giữ nóng ruột cung trăng. Từ đấy những ngọn núi lửa ra đời--.

Những năm sắp đến sẽ đem lại chứng thực cho giả thuyết này, hay những tài liệu để thực hiện một giả thuyết khác.

VÕ-QUANG-YẾN

Yasunari Kawabata

Nobel 1968

Chiếc nốt ruồi

(HOKURO NO NIKKI)

● Bản dịch : NGUYỄN-HỮU-TRỌNG

YASUNARI KAWABATA sinh ngày 11 tháng 6 năm 1899, Minh-Trị 32, tại thành phố Đại Bản trong một gia đình vọng tộc.

Ông chính thức bước vào làng văn trận bút từ năm 1925 khi xuất bản tập nhật ký năm 16 tuổi với nhan đề :

JUROKU NO NIKKI (Nhật ký 16 tuổi) trong tác phẩm này Kawabata đã cho mọi người thấy ông có một lối văn sâu sắc với một cái nhìn tinh tế.

Ông đã từng tốt nghiệp trường Cao Đẳng Ikko ở Tokyo. Các tác phẩm của YASUNARI KAWABATA gồm có ;

— Lửa phương nam, (NAMPO NO HI).

- Bất thường. (HIJO).
- Thư gửi song thân. (CHICHI HABA NO TEGAMI).
- Trang sức tình cảm. (KANJO SOSHOKU).
- Tiểu thuyết nắm tay. (KOBUSHI NO SHOSETSU).
- Hồng Đóa ở Asakusa. (ASAKUSA KURENAIDAN).
- Lễ ở Asakusa. (ASAKUSA MATSURI).
- Tugên tập trữ tình. (JOJOKA).
- Cầm thú. (KINJU).
- Tuyết quốc. (YUKIGUNI).
- Tiếng trên ngàn. (YAMA NO OTTO).
- Ngàn cánh hạc. (SEMASURU).
- Người vũ nữ miền Izu. (IZU NO ODORIKO).

YASUNARI KAWABATA là một nhà văn nổi tiếng viết kỹ và viết chậm. Tác phẩm đầu tiên là tập truyện ngắn «Làm đẹp tâm tình» (Kanjo Soshoku) xuất bản năm 1926 và cùng năm này tập truyện «Người vũ nữ miền Izu» (Izu no Odoriko), tác phẩm này đã làm cho ông nổi tiếng là một nhà văn phân tích tâm lý viết bằng bút pháp văn xuôi đầy nhạc-điệu, gọi lại những hình ảnh, những kỷ niệm chân thành của cả một thời thơ ấu.

- Những tác phẩm sau này của Kawabata gồm có ;
- Giải băng đỏ Asakusa, (ASAKUSA KODAN), 1930.
 - Bản nhạc hoa. (HANA NO WARUTSU), 1936.
 - Chim Phượng. (HI NO TORI).
 - Tây Kinh. (KYOTO).

Năm 1968. KAWABATA được Viện Hàn Lâm Thụy

Điền trao tặng giải Văn Chương NOBEL với tác phẩm XỨ TUYẾT (YUKIGUNI).

Ông là nhà văn Á-Châu thứ hai đoạt giải Văn Chương NOBEL sau RABINDRANATH TAGORE của Ấn-Độ năm 1913.

Truyện ngắn «Chiếc nốt ruồi» (HOKURO NO NIKKI) là một truyện ngắn được coi là tác phẩm ông ưng ý nhất, viết vào thời kỳ mà tư tưởng của ông được coi như là già giận nhất. Với tác phẩm này KAWABATA cho ta thấy ông chẳng những là một nhà văn mà còn là một nhà Tâm lý Học với những nét độc đáo mà khó có nhà Văn Nhật Bản nào sánh được.

Truyện ngắn dưới đây được dịch từ bản Anh-Ngữ THE MOLE của EDWARD SEIDEN TICKER trong «Modern Japanese Literature» do nhà Donald Keene soạn thảo, ấn bản của C.E. TUTTLE, TOKYO, 1969.

ĐÊM qua trong giấc mộng, em đã thấy lại chiếc nốt ruồi ấy một lần nữa.

Em chỉ cần viết những giòng chữ đơn sơ ấy ra đây để cho anh hiểu ý em muốn nói những gì mà em cần phải nói. Chính cái nốt ruồi vô duyên kia đã là nguyên nhân cho những lần la rầy của anh đối với em. Chiếc

nốt ruồi ấy nằm ở phía vai mặt, đúng lý ra nó phải nằm ở bả vai em mới đúng sự thật.

«Bây giờ thì nó đã lớn bằng hột đậu rồi đấy. Cứ rờ rẫm mãi rồi một ngày kia nó sẽ mọc mầm cho mà xem».

Anh vẫn thường trêu ghẹo em vì chiếc nốt ruồi ấy. Song như những điều anh vừa nói, nó có to lớn đi nữa thì chắc chắn cùng

CHIẾC NỐT RUỒI

lắm cũng bằng bao nhiêu nốt ruồi khác mà thôi. Nó vừa lớn lại vừa tròn và sưng lên một cách lạ thường.

Em giống như một đứa trẻ, không hơn không kém, em vẫn thường hay rờ rẫm nó khi nằm một mình trên giường. Thú thật rằng em hết sức thẹn thùng khi anh bắt đầu chú ý đến chiếc nốt ruồi tinh quái ấy.

Em đã khóc rất nhiều và em nhớ anh ngạc nhiên không sao kể xiết.

«Đừng bao giờ con rờ rẫm đến nó nữa, Sayoko ạ. Nếu con không nghe lời mẹ, con càng rờ rẫm nó bao nhiêu nó lại càng thêm to lớn ra bấy nhiêu đó con ạ». Chính mẹ em cũng không bằng lòng việc làm ấy, người thường hay rầy mắng em luôn. Lúc ấy tuổi đời em hãy còn quá thơ ngây, có lẽ em chưa được mười ba tuổi đầu, và cũng chính từ thuở ấy, tật rờ nốt ruồi làm trò chơi tiêu khiển trong những lúc em buồn đã biến thành cố tật. Thói quen quái ác kia vẫn kéo dài, kéo dài mãi cho đến một ngày nào đó em không còn nhớ

rõ, em đã quên mất nó. Lúc anh mới chú ý đến chiếc nốt ruồi kia của em thì em lại còn quá ư thơ dại, mặc dù em và anh đã nên nghĩa vợ chồng. Em có lắm lúc tự nghĩ rằng, đối với bọn đàn ông như anh em sẽ phải hồ thẹn đến dường nào. Nhưng nó còn đi xa hơn điều hồ thẹn nữa kia anh ạ. Điều đó thật tình làm cho lòng em lo sợ không ít, em đã tự nghĩ như thế. Chuyện thành vợ thành chồng lúc ấy quả tình là một cơn ác mộng đối với em mà cho đến bây giờ nghĩ ra em hãy còn lo sợ.

Em tự thấy như tất cả những gì bí ẩn riêng tư trong cuộc đời em không còn trọn vẹn nữa. Giờ đây tất cả những điều bí mật ấy đã bị người đời khám phá, phanh phui tất cả rồi, em thấy gần như ánh đã mang những bí mật của đời em ra ngoài ánh sáng một cách trọn vẹn, từ bí mật này sang bí mật nọ mà chính em cũng không biết hết, cơ hồ như em không còn tìm lấy cho mình một địa điểm an toàn nào để nương tựa nữa.

CHIẾC NỐT RUỒI

Đối với anh, em tin rằng anh sẽ gặp nhiều mộng đẹp trong giấc cô miên. Riêng em thì không. Lòng em lúc nào cũng cảm thấy cô đơn trống vắng, một nỗi niềm cô đơn nặng nề đang đè nặng tâm tư. Không một lúc nào em có thể tự thanh thản tâm hồn, lòng em luôn luôn cảm thấy những nỗi đơn côi trống vắng như sẵn sàng vây phủ và lấn lúc, sau giấc ngủ chập chờn em giật mình tỉnh giấc, tay em đã vô tình gặp chiếc nốt ruồi tàn nhẫn, quái ác kia.

Em đã nghĩ không còn cách nào để làm cho lòng mình bớt đi niềm cô quạnh âm thầm bằng cách viết thư cho mẹ, nhưng than ôi, ý nghĩ kia không được trường tồn, mỗi lần em nghĩ đến nó là mặt em lại nóng bừng vì hổ thẹn. Em tự nhủ «không bao giờ con dám đưa tay sờ đến nốt ruồi nữa đâu».

Có lần anh đã từng khuyên em một câu mà bây giờ em còn nhớ mãi: «Hơi sức đâu mà lo nghĩ đến chuyện cái nốt ruồi». Khi nghe anh thốt lên những

lời lẽ tràn ngập thương yêu kia, lòng em cảm thấy ngập tràn hạnh phúc vì anh không đề ý đến chuyện chiếc nốt ruồi của em. Song, giờ đây thì khác hẳn, giờ đây em hồi tưởng lại những lời anh đã nói với em trong một ngày nào, em thầm tự hỏi lòng mình, là nếu ngày trước anh có thể yêu thương em hơn một chút thôi, phải, chỉ một chút thôi, có phải giờ đây đời em đã bớt khổ đau hơn không anh?

Giờ đây thì mọi việc đã an bài. Giờ này em cũng không còn coi chiếc nốt ruồi là một điều quan trọng trong cuộc sống riêng em. Em tin chắc rằng thiên hạ không ai lại quá tò mò khi đi ngang qua một người lại cố tình đưa mắt tìm kiếm một chiếc nốt ruồi ở cổ của một người đàn bà đang đối diện. Một đôi lúc thành ngữ «bất khả chiếm dụng», một thành ngữ mà người đời đã dành riêng cho những kẻ tạt nguyên thuộc về phái yếu. Song em lại nghĩ rằng, dù cho chiếc nốt ruồi kia có to lớn đến đâu đi nữa thì người ta cũng không thể bảo rằng đó là một chứng tật nguyên.

CHIẾC NỐT RUỒI

Em không hiểu tại sao anh lại có thể nghĩ được rằng em có cổ tật hay rờ rẫm chiếc nốt ruồi kia để làm trò tiêu khiển. Và em cũng chẳng hiểu tại vì sao chính cái tật vô duyên kia lại làm cho lòng anh buồn phiền đến thế?

«Hãy bỏ tật ấy đi», «Hãy bỏ tật ấy đi», anh vẫn thường nói với em như thế, câu nói như quả măng, như trách phiền kia của anh đã thốt ra với em không biết mấy ngàn lần.

Em cũng nhớ rõ trong một lần giận dữ, anh đã từng quát tháo «Bộ tay trái dùng để rờ nốt ruồi mãi hay sao?»

Câu hỏi của anh làm em giật mình, tâm trạng em lúc ấy như một kẻ nằm mơ, vì câu hỏi kia đã làm kinh động lòng em trở về với thực tế. «Tay trái của em à?»

«Đúng thế», thật tình là như vậy. Từ trước đến giờ em vẫn không bao giờ chú ý và em cũng không biết đã dùng tay trái nữa, mà em đã dùng tay trái thật anh ạ.

«Chiếc nốt ruồi nằm về bên

tay mặt, em dùng tay mặt theo anh thì tiện hơn chứ?»

«Thế à?» Em vội đưa tay phải của em lên. «Khó coi quá anh ơi!»

«Em đừng nên nói thế, nó chẳng khó coi chút nào.»

«Đành là thế, nhưng em đã quen dùng tay trái mất rồi, vì lại em thì tay trái tiện hơn nhiều kia mà.»

«Nhưng cánh tay phải của em lại ở gần nốt ruồi hơn chứ?»

«Biết thế, song tay mặt em không tiện.»

«Em không tiện tay mặt thật sao?»

«Phải, hoặc là em có thể đưa cánh tay trái choàng ngang qua cổ, hoặc là em đưa tay mặt vòng ra phía sau như thế này. Tùy em.»

Em đã cải lại những điều khuyên bảo của anh, em không tuân theo những điều mà anh muốn. Cả ngay đến lúc em trả lời câu hỏi của anh cũng thế, bao giờ trong thâm tâm em cũng nghĩ rằng khi em đưa tay

CHIẾC NỐT RUỒI

trái choàng ngang qua mặt thì điều đó không gì khác hơn là một hành động nhằm đuổi xỏ anh. Em đã quá nhẫn tâm với anh. Em luôn luôn nghĩ như thế.

Em ôn tồn hỏi anh: «Anh nói như thế, song nếu em dùng tay trái thì điều ấy đâu có gì là sai, là quấy đâu anh?»

Anh khẽ đáp lại lời em:

«Dù tay phải hay tay trái gì thì đó cũng là một thứ tật xấu cần nên bỏ.»

«Em đã hiểu ra rồi»

«Đã nhiều lần, anh từng khuyên em nên đến một bác sĩ thăm mý để phá chiếc nốt ruồi vô duyên ấy, em quên rồi sao?»

«Anh nói thì em nghe, nhưng không được đâu, vì em mắc cỡ chết đi được.»

«Có gì đáng gọi là mắc cỡ, điều đó đâu phải là một điều khó khăn.»

«Anh nghĩ xem đã có ai đi đến bác sĩ để nhờ phá một chiếc nốt ruồi đâu?»

«Đã có rất nhiều người làm

chuyện ấy rồi em ạ»

«Những nốt ruồi ở giữa mặt thì may ra. Em khó lòng tin được là có người nhờ bác sĩ phá được nốt ruồi ở cổ lắm. Bác sĩ sẽ cười chết. Ông ta sẽ biết lý do em đến phòng mạch chỉ vì chông không bằng lòng.»

«Nếu thế thì em nên trình bày với bác sĩ là vì em có tật thường hay đưa tay rờ rẫm nốt ruồi chơi.»

«Sự thật... thì nó chẳng dám làm cho em chú trọng mấy, nhất là chiếc nốt ruồi kia lại mọc ở một nơi mà anh cũng khó lòng nhìn thấy. Em thiết tưởng anh có thể chịu đựng được nhiều hơn nữa kia mà.»

«Anh sẽ không bao giờ chú ý đến chiếc nốt ruồi ấy nữa, nếu em đừng bao giờ đưa tay rờ đến nó nữa.»

«Anh nói thế chứ thật ra em nào có chú ý đến nó bao giờ.»

Vậy mà em vẫn thường cứng đầu, mặc cho anh khuyên bảo đến thế nào em cũng chẳng chịu nghe theo.»

«Em đã thử nhiều lần rồi. Em đã có lần dùng chiếc áo cổ cao để dùng bao giờ rờ đến nó nữa.»

«Nhưng chẳng được bao lâu.»

«Anh nói thế chứ anh thử nghĩ em thường hay đưa tay sờ nốt ruồi như thế nào có gì là quấy đâu? Em nghĩ hình như đã phải chống đối lại anh.»

«Chắc chắn là không quấy. Song anh chỉ yêu cầu em nên bỏ tính xấu ấy đi vì anh không thích nó, chỉ có thể thôi.»

«Nhưng em thử hỏi anh vì nguyên nhân nào anh lại ghét nó đến như thế chứ?»

«Anh không lý luận dông dài làm gì. Em không cần phải rờ rẫm nốt ruồi ấy, đó là một thói xấu mà anh nhất định không muốn thấy và mong nên bỏ hẳn nó đi.»

«Em có bao giờ nói với anh là em không chữa đâu?»

«Mặt em có nhiều vẻ kỳ quặc khó nhìn mỗi khi em rờ đến nó, Điều đó chính là cái mà anh ghét nhất.»

Điều anh nói rất có thể đúng, có một điều gì khác thường đã khiến anh chỉ trích em một cách thẳng thắn dường như soi mói xuyên thủng tận tim em và em muốn cúi đầu ưng thuận.

«Nếu anh còn trông thấy em làm như vậy một lần nữa anh sẽ tát vào mặt em, đánh vào tay em nữa đấy nhé.»

«Mặc dù trong hai ba năm qua em đã cố tình cố gắng sửa chữa thói hư tật xấu ấy nhưng cuối cùng em đành thất bại vì em không thể chữa bỏ được nó, em có thấy buồn không.»

— «Đó chính là cái mà anh ghét nhất». Khi nghe những lời ấy, em không trả lời. Lúc ấy đầu óc em luôn luôn suy nghĩ điều mà anh vừa nói với em.

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA

MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

Quê hương

Quê mẹ đo vơi rừng bom biển đạn,
Lũ con khờ nheo-nhóc giữa tang-thương !
Nghìn đũa trẻ cùng suy-tư trước tuổi...
Chúng chưa cười, vội khóc gọi : Quê-hương !
Thân mẹ đo vơi hình cong chữ S,
Năm xương tàn này còn sống bao-nhiều ?
Và khối-thịt đã hằn sâu vết chém,
Những người Con banh xác mẹ thân-giêu.
Bao xương thịt vì lấp đầy sông cạn,
Biển máu đào rỏ-rúng tợ bèo-trôi
Khi người đo tay cầm dao bà-xuống
Và người đây cũng ghìm-súng không thôi.
Tôi nhỏ bé, 19 năm ngo-ngác,
Mười-chín năm trong lửa máu Quê-hương
Tuổi tôi bé nhưng hồn tôi không bé
Bởi máu đào đã nhuộm nét tang-thương !
Ôi thân mẹ, một-phần-ba tàn-phế !
Ôi Quê-hương từng nằm đất hoang-tàn !
Đem vung-vãi cho khắp nơi nhìn thấy
Bao nhục-nhẫn trong tiếng khóc làm than !
Ôi Quê-hương, Quê-hương tôi lửa máu !
Biết bao giờ dân chúng hết điêu-linh ?
Biết bao giờ lũ Con vui ĐOÀN-KẾT ?
Và bao giờ Mẹ đẹp nụ cười xinh ? ? ...

DIỄM-THÙY
CAM-RANH

Một chuyến đi thăm Lăng-Tâm các vua nhà NGUYỄN sau Tết Mậu-Thân

●●● TRẦN-LÊ NGUYỄN-VŨ

NHÂN một cuộc gặp-gỡ thân-mật, cao hứng chúng tôi rủ nhau đi xem lăng-tâm các vua nhà NGUYỄN. Đến chơi một vùng bèo-lánh cô-tịch như vùng lăng-mộ ở ngoại-ô Kinh-thành Huế giữa thời chiến quả là một quyết-dịnh phi-thường. Vì vùng lăng-mộ nằm gần trục-lộ chiến-thuật của Cộng-quân, trên đường xâm-nhập từ đường mòn Hồ-Chí-Minh, qua ngò A-luoi, A-Shau vào Cổ-dô. Đồi cao núi nhỏ nối đuôi nhau từng-diệp, trước kia dành phải bỏ-ngỏ. Du-kích quân ẩn-nấp giữa rừng cây rậm rạp bên kia sông bắn sang hoặc phục-kích các đoàn công-voa Pháp di-chuyển quanh triển đồi hữu-ngạn là chuyện thường xảy ra.

Gần đây, Liên-quân Việt-Mỹ án-ngũ cả tả-ngạn lẫn hữu-ngạn chủ-lực quân của địch phải rút xa nhưng các cán-bộ nằm vùng vẫn bám sát hoạt-dộng. Có lần địch mang súng đặt ở bên sông bắn vào Cổ-dô giữa ban ngày. Bắn xong thủ súng lẫn trốn. Vì thế đi lang-bang vào vùng lăng mộ nếu không được giữ an-ninh trước rất có thể sẽ được ăn kẹo đông hoặc bị ghi mất tích.

Chúng tôi có tất cả 9 người, có ba tay súng và hai xe jeep, khởi-hành từ Bàu-nghe lúc 2 giờ 20 phút trưa, men theo sông An-Cự màu nước hoe vàng :

«Núi Ngự-Bình trước tròn sau méo,

MỘT CHUYẾN ĐI

«Sông An-Cự nắng đục mưa trong.

Rẽ lên giốc Nam-giao cao vút như tâm-tĩnh của giai-nhân xứ Huế :

«Đường Nam-giao vừa cao vừa rộng,

«Đường Đập-Đá vừa rộng vừa thơ,

«Em yêu anh đã tự bao giờ,

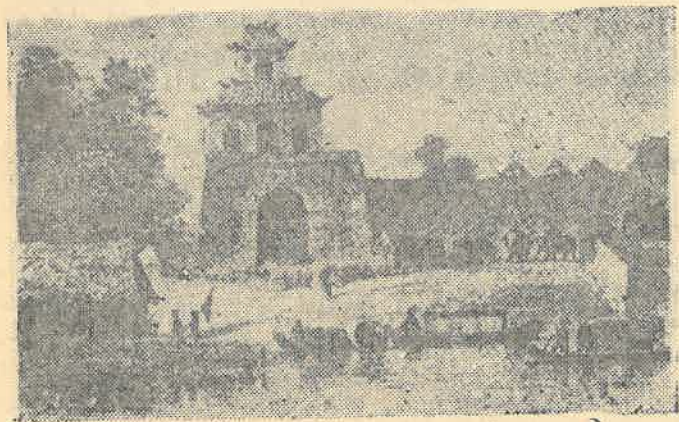
«Sao người quân-tử làm ngơ cho đành /

Qua khỏi mấy đoạn dốc, chúng tôi đến Nam-giao, nơi xưa kia đức vua ngự đến tế Trời đất. Đền mặt trên hình tròn tượng-trưng cho trời, bề dưới hình vuông tượng-trưng cho đất. Sau biển-cổ Mậu-Thân, cây cối chung quanh dần xác-xơ cằn-cỗi, mả mố sao-sát, kềm gai giăng mắc, vẻ hoang-tàn đến nỗi lòng người. Vượt cầu Lim, cầu Cự-Chánh chúng tôi đến chợ TUẦN. Đền xe tại đây, chúng tôi theo vị sĩ-quan hướng đạo thuê đò qua sông thăm lăng Minh-Mạng. Lăng xây ở núi Cẩm-Kê, ấp An-Bằng nhìn ra tam giang khau. Đường vào lăng rộng thênh-thang, cỏ-thụ um-

tùm, cảnh lá đan nhau đẹp như tranh vẽ. Đến đây được nhìn tận mắt nghe tận tai mới thấy cái cảnh u-mạc, trầm-nhã mà Phạm-Quỳnh đã mô-tả là đúng :

«Lăng đây gồm cả màu trời sắc nước núi cao rừng rậm, gió thổi ngọn cây, suối reo bang đá. Lăng đây là bức cảnh thiên-nhiên tuyệt đẹp ghép vào một cảnh nhân-tạo tuyệt-vời. Lăng đây là cái nhân-công tô-điêm sơn-bà, gọi lên tâm hồn nào-nùng u-uất như phảng-phất trong cung-điện âm-thầm, rỉ-rào trên ngọn thông hiu-hắt. Không biết lấy lời gì mà tả được cái cảm-giac lạ, êm-dềm, ảo não nó chìm đắm người khách du-quan trong cái cảnh tình-mịch u-sầu ấy».

Đứng trước vẻ trầm-tịch thơ mộng kia, con người bỗng nảy sinh những suy tư : Phải chăng cát bụi sẽ trở về cát bụi như Kinh Sáng Thế vẫn nhắc nhở loài người ghi nhớ «Memento homo quia pulvis es et in pulverem reverteris» hay quy luật «Sinh ký tử quy» ngàn đời bất di dịch ? Đời là cõi tạm, Thế-giới bên kia mới là sự



Cửa Thang-Tứ kinh thành Huế, năm 1875.

sống thực ? Những kẻ ngàn xưa
quyền nghiêng thiên-hạ, dẫm đạp
lên đầu lên cổ muôn dân ngày nay
đâu tá ? Lãng-tầm kia phải chăng
là vực thẳm hư-vô hay là một
chứng tích nhiệm-mầu răn dạy
đấng chí-tôn phải biết xem thường
giàu sang phú quý, Chỉ có hạnh-
phúc của muôn dân là tối-thượng ?
Lẽ-sống của trăm họ mới đích-
thực «Thiên-mệnh» ? Vox popu-
li, vox Dei, «Dân vi Quý, xã-tắc
thứ chi, quân vi khinh», những

người nằm dưới mộ kia đã làm
gì và đã suy-nghĩ gì về những
điều ấy ? Thương dân, yêu nước
đó là khuôn vàng thước ngọc của
những đấng minh-quân anh-chúa
cầm quyền trị dân, còn ngoài ra
tất cả đều là phù-vân hư-ảo
Vanitas vanitum et omnia vanitas.
«Chuyện đời ngẫm-nghĩ
thấy mà ghê.
«Sống gửi rồi ra thác lại về.
«Khôn dại cùng chung ba
thước đất,

«Giàu sang chưa chín một
nồi kê.

Qua Hữu-Hồng-Môn vào bên
trong, cảnh trí mênh-mông bát
ngát, đền dài miếu-vũ nằm rải-
rác khắp nơi. Cây cối um tùm,
rặng thông vi-vu nghiêng mình
soi bóng xuống mặt hồ phẳng-
lặng. Chung quanh La-thành bao-
bọc kín-mít. Trước sân gạch, hai
hàng Văn quan Võ tướng, voi
ngựa đứng chầu. Vào trong là Bi-
dinh nơi dựng bia Thánh-Đức
Thần-Công ghi tiểu-sử và công-
đức của Thánh-Tổ Nhân-Hoàng-
Đế Minh-Mạng. Bia do vua
Thiệu-Trị dựng năm 1842. Bên
tả nhà bia có Phúc-âm sơn với
đền thờ các Tiên-linh mạng tên
Truy-Tứ-Trai. Sau bi-dinh là
Bái-dinh nằm sát cửa Hiên-đức.
Qua cửa Hiên-đức, có Đông-Tây
phối-diện nằm hai bên sân gạch
dẫn đến điện Sùng-Âm dựng trên
núi Phụng-Thần. Sau điện có sân
đá. Qua cửa Hoàng-trạch du
khách thấy ba tiểu-kiều nằm song
song vắt qua hồ Trung-Minh.
Cầu giữa mang tên Trung-đạo,
bên trái Tả-phù, bên phải Hữu-

bật. Trên bờ hồ phía hữu có
Điếu-ngư-dinh, phía tả Nghinh-
lương-quán. Vào trong nữa là
Minh-lâu dựng trên tam-tài sơn.
Bên tả Minh-lâu có núi Bình-sơn
phía hữu núi Thành-sơn. Sau
Minh-lâu là cầu Chính-Trực
Thông-minh nằm vắt qua hồ Tâu-
Nguyệt ăn thông với hồ Trung-
Minh tại cầu Yến-Nguyệt. Cuối
cùng là Bảo-thành, rừng cây xanh
biếc, thành cao che kín, cửa vào
bằng đồng khóa chặt.

Hiếu-Lăng khởi công xây từ
năm vua Minh-Mạng băng-bà
(11-1-1841) ba năm sau (1843)
mới hoàn-tất. Đứng giữa cây-
cảnh sầm-uất, đền tạ lâu dài của
Hiếu-lăng, nếu không nghe tiếng
đại-bác ì-ầm, tiếng máy cán đá và
xe cộ của Công-binh Mỹ di-
chuyển, tiếng trực-thăng tuần-tiểu
trên không, du-khách sẽ có cảm-
tưởng như lạc vào nơi Bồng-lai
tiền-cảnh. Cờ-kính mà hùng-vĩ,
sầm-uất mà thanh-kỳ, chân tào
có mỗi mà mắt xem không chán.

Lăng Gia-Long nằm trong vùng
oanh-kích tự-do (free fire zone)
không thể đến được nên chúng

tôi đành qua sông trở lại chợ Tuần về làng Châu-Chữ xem làng Khải-Định.

Thành làng dựa vào sườn đồi, không rộng lớn như làng Minh-Mạng nhưng hết sức tân-kỳ. Cửa làng bằng sắt (khác với cửa gỗ ở làng Minh-Mạng). Trèo lên những bậc cấp coi vôi-vôi uốn khúc rồng châu, hai bên tả hữu có nhà cho người giữ làng ở, đến Bái-dinh, Cũng hai hàng văn-quan, võ tướng thi-vệ voi ngựa đứng châu. Cũng những trụ-biểu, nghi-môn chạm rồng trở phụng, cũng những câu đối hoành-phí trước mặt tiền điện, nhưng tất cả phẳng-phất đáng điệu của Tây-phương. Trong niêm-thức du-khách cảm-nhận một sự pha-trộn giữa Đông Tây, nửa tân-kỳ, nửa cổ-kính, thịnh-thoảng hiện rõ một vài đường nét vườn tượng như tiền điện Tuileries. Từ Bái-dinh nhìn vào thấy tượng vua Khải-Định mặc triều phục biển-chê, chân đi boots, quần bỏ vào trong, lưng đeo gươm ngắn, đầu bịt khăn đóng. Áo ngắn có đai lưng, thêu rồng, trên ngực đeo nhiều

huy-chương trong đó có tấm bài ngà khắc bốn chữ «ĐẠI NAM THIÊN TỬ» Một huy-biểu khác khắc bốn chữ «THỤ-THIÊN VĨNH MỆNH» (?)

Người hướng-đạo cho tôi biết, tượng này trước để ở cung An-Định (gần chợ An-cực) sau biến cố Mậu-thân, Hoàng-tộc mang lên đặt ở đây. Sau lưng tượng là Bái-dinh, thấp nhỏ nhưng đẹp. Bước thêm mấy bậc cấp ở hai cửa tả hữu, chúng tôi vào xem chính-điện. Vào trong mới thấy vẻ tân-kỳ hiện rõ. Cờ gậy dĩ châu không, nền đá mát rượi. Trên trần Cửu Long uốn khúc, bốn vách tường chạm trở tinh-vi, toàn dùng bát kiêu, tượng sành, vỏ chai quý đủ màu gần thành những bức họa tuyệt-mỹ. Ở một góc tường có bốn bức tượng trưng bốn mùa: Mai, liên, cúc, tùng. Trước bàn thờ nghêu-nghện một đôi hạc lớn đứng hầu. Bà cụ giữ làng, người trong tôn-thất nói với tôi rằng lính Mỹ vào xem hết mấy mẩu cuốn thiên-thư treo dưới miệng hạc. Lên mấy bậc cấp vào trong có tượng vua Khải-

Định mặc triều-phục với long-bi, cốn-miền nét mặt trang-nghiêm, trẻ-trung khác hẳn tượng đặt trước bái-dinh. Sau lưng một mặt nhật bằng mảnh kính ngũ sắc chiếu ánh-sáng chói-lọi. Tượng bằng đồng do nhà điêu-khắc DUCUING tạc. Dưới bệ tượng là nơi chân hai-cốt của Hoàng-đế. Trên tường treo nhiều vòng hoa phúng-diếu bằng hạt cườm đen và ny-lông tím (?) Sau lưng tượng đặt một tấm phản gỗ trải chiếu với các đồ ngự-dụng như gối xếp bọc vải vàng, ống nhổ v.v.. Hai bên phản, gần sát tường có hai tủ kính đựng áo bằng gỗ quý nước sơn bóng loáng. Bà cụ giữ làng bảo rằng trước kia trong tủ có để một bộ quốc phục và một bộ âu-phục của nhà vua. Nhưng bây giờ phải bỏ xuống hầm kín cất kỹ, ngay cả cây vàng lá ngọc giả để trên bàn thờ cũng không dám phô-trương sợ lính ngoại quốc vào cuỗm mất. Và cuối cùng trong một bệ-thờ mặt trước gần gương dày, trong veo, phủ gấm vàng là bài-vi của Hoàng-Tông Tuyên-Hoàng-đế Khải-Định. Làng khởi xây từ năm 1920,

mỗi ngày 300 nhân công làm suốt 11 năm mới xong (1931). Dùng toàn vật liệu tốt đá và xi-măng cốt sắt. Mặt nền các phòng ngoài lát đá cẩm-thạch, tường quét vôi, vẽ vân giả trông rất mỹ-thuật.

Kề cùng lạ, một vị Hoàng-đế như vua Khải-Định bên ngoài bị Pháp xem thường, bên trong các nhà cách-mạng oán-ghét (cụ Phan-chu-Trinh kết án) mà xây dựng được làng-tâm đẹp đẽ, tân-kỳ như Ung-lăng quả thật là một điều đáng suy-nghĩ vậy.

Theo lời khuyên của vị sĩ-quan hướng-đạo, chúng tôi trở lại đường cũ, thay vì dùng con đường từ làng ra đến cầu Tuần ngắn hơn. Xe đến ngã tư, rẽ vào bến dò điện Hòn-Chén. Chúng tôi đứng bên này sông nhìn sang chiêm-bá. Lúc nhỏ có lần tôi đã được đi tàu du-ng ngoạn trên sông, ghé vào xem điện. Điện Hòn-Chén hay là Huệ Nam-diện xây trên đỉnh đồi Ngọc-lân, thờ đức bà Thiên-Y Ana, tức là bà Chúa NGỌC POH NAGAR thờ ở Tháp-Bà Nha-Trang.

«Nước đầu cầu khúc sâu
khúc cạn,
«Chèo lên NGOC-TRẦN đến
vạn kim long,
«Sương sa gió thổi lạnh
lùng,
«Sóng xao trăng lặn gọi lòng
nhớ thương.

Trước kia điện thờ rất nhỏ, mang tên Hàm-Long điện. Năm 1883, vua Minh-Mạng cho mở rộng xây cao hơn. Về sau vua Đồng-Khánh lại cho sửa sang thêm. Phong-cảnh thần-tiên kỳ bí, bên dưới vực nước sâu thăm-thẳm, tương truyền có giao-long và Quy-Thần ở, bên trên cây-cối um-tùm xanh tốt từ triền núi nhô ra. Điện rất linh-thiêng, cầu xin điều gì đều rất ứng-nghiem. Các vua nhà Nguyễn thường đến cúng-viếng. Dân địa-phương kể rằng Vua Thành-Thái dâng sơn ngự-lâm, lễ có một cử-chỉ vô-lễ bị Thánh-mẫu hiển-linh sớ ngã. Vua Khải-Định một hôm trai-tĩnh sạch-sẽ lên cầu Thánh-Mẫu xin một bài thơ nói về tương-lai. Một vị nhân-sĩ lão thành ở Đ-kính đã đọc cho nghe, tôi còn nhớ

mấy câu đầu :

«Hoàng-thượng đặc cửu ngũ,
«Thái-tử đặc cửu ngũ,
«Thượng cửu ngũ nhị ngũ
«Hạ cửu ngũ tứ ngũ...

Đại-ý cho biết vua Khải-Định làm vua 10 năm, Bảo-Đại 20 năm. Các câu tiếp theo nói đến vận-mệnh Việt-Nam, tiên-tri việc Pháp bị thua, Nhật đến, Việt-minh lên, Mỹ tới v v... Duy mấy câu sau Thánh-Mẫu tiên-tri về một điều gì bí-mật mà Hoàng-triều giữ kín không dám tiết-lộ. Bí-mật quốc-sự động chạm đến nhiều kẻ tai mắt chăng ?

Hàng năm Xuân thu nhị kỳ, triều-đình Huế đều có cử một vị thượng quan đến cúng-tế cầu xin Thánh-Mẫu phù-trì cho quốc thái dân an. Ngài nay, trải bao nhiêu tang-thương khói lửa, điện bị đại-bác bắn sập, nhưng dân-chúng vẫn tấp nập đến chiêm-bái. Vào tháng 7 lại có lễ rước thuyền rồng trên sông Hương rất trọng-thề.

(còn nữa)

TĂNG-BẠT-HỒ VÀ BÀI CA Á - TÊ - Á

●●● LÂM-HỮU-NGÂN

KHOẢNG một trăm một năm trước, một đứa bé cất tiếng chào đời tại làng An-Thường, xã Ân-thành, quận Hoài-nhon, tỉnh Bình-định Trung-Việt.

Đứa bé ấy về sau đã có công dẫn đường các nhà cách mạng qua Nhật, gây thành Phong-Trào Đại Đông-Du.

Đứa bé ấy là Tăng-Bạt-Hồ, nhà cách-mạng tiên-phong ở đầu thế-kỷ hai mươi.

Cụ Tăng-Bạt-Hồ, hiệu là Điền-Bái, hồi trẻ làm Xuất-đội, rồi thăng cai-co, từng sát cánh với Phạm-Toàn hưởng ứng Phong-

trào Cần-vương của vua Hàm nghi mộ dân quân chống Pháp.

Năm 1887 (Đinh-hợi) thua Nguyễn-Thân nhiều trận, Thân luyến tài cụ, nhiều lần dụ hàng, cụ quyết cự-tuyệt.

**Bước anh-hùng nhiều
chặng gian-truân.**

Sau đó cụ lên qua Xiêm, rồi sang Trung-hoa, tìm tướng Cờ-đen Lưu-Vĩnh-Phúc Phúc chết, cụ xin làm thủy-thủ tàu buôn đi lại các nước Tàu, nước Xiêm và từng sang Nga, sang Nhật để quan-sát tình-hình và tìm thêm đồng-chí.

Nhờ là thủy-thủ, cụ thường ghé bến Hoành-tân, Trường-kỳ,

trong vài năm, nói thạo tiếng Nhật, sung vào thủy-quân Nhật.

Năm 1904 (Giáp-thìn) trận Nga - Nhật chiến - tranh bùng nổ, vì lòng căm hờn người Âu, cụ tình - nguyện giúp Nhật, nổi tiếng can trường, lập nhiều chiến công lừng lẫy trong các trận Đài-Liên, Lữ-Thuận, được tướng sĩ Nhật khâm-phục, thưởng huy-chương quân-công.

Ngày khải-hoàn, cụ dự đại-yến do Minh-Trị Thiên-hoàng đãi các iương sĩ. Nâng chung rượu của Nhật-hoàng đích thân rót thưởng, cụ uống cạn rồi khóc lớn giữa triều đình. Thiên hoàng gạn hỏi, cụ quỳ xuống ôm gối nhà vua giải bày nỗi niềm đau-dớn :

«Thần vốn không phải là dân Nhật, mà là một kẻ vong-mạng Việt Nam. Từ sau khi thoát móng vuốt quân thù, được theo đoàn hùng-binh quý-quốc nêu cao dũng-khí của giống da vàng, thần cực-kỳ sung-sướng. Nhưng nghĩ đến thù nước, thần vô buồn tủi».

Cả triều-đình Nhật bàng-hoàng

xúc-động vì lời lẽ bi-thiết và lòng kiên-trung của cụ.

Được Nhật-hoàng lưu tâm, hứa giúp và thêm sự khuyến-khích của các chính-khách Nhật như Khuyển-Dưỡng-Nghị, Đại-ôí Trọng-tín, cụ xin về nước đưa thanh niên sang cầu học.

Trở về nước nhà

Cuối năm 1904 (Giáp-Thìn) Cụ về tới Hải-phòng, vào Quảng-Nam, nhờ cụ Tiểu-La Nguyễn Thành giới-thiệu, hội với cụ Sào-Nam Phan-bội-Châu và Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề.

Đầu xuân năm 1905 (Ất-Tý) cụ đưa cụ Phan-Sào-Nam qua Nhật cầu ngoại-viện.

Sang đến Nhật, giới-thiệu cụ Phan với cụ Khuyển-Dưỡng-Nghị rồi, cụ lãnh bài *Khuyến thanh-niên du học* của cụ Phan viết, đem về nước phát hành toàn quốc.

Suốt hai năm 1905 (Ất-tý), 1906 (Bính-ngọ) cụ từng họp với cụ Nguyễn-Quyền ở Lạng-Sơn, cụ Nguyễn-Thượng-Hiền ở nhà cụ đốc Đinh-Trạch tại Nam-định.

Cụ lại đến phố hàng Đào, cùng các nhà cách-mạng Lương văn Can, Đỗ Chân Thiết, Phương Sơn... bàn về quốc sự.

Sau đó cụ đưa được hai người con của cụ Lương-văn-Can là Lương-Ngọc-Quyến và Lương Nghị Khanh sang Nhật mở đường xuất dương cho nhiều thanh niên yêu nước thương nòi.

Vì quá lao khổ non hai mươi năm tận-tụy hy-sinh tranh-đấu cho lý-trưởng quốc-gia dân-tộc, cụ lần hồi suy giảm sức khỏe. Cuối năm 1906 (Bính-ngọ) cụ mang bệnh kiết-lỵ từ-trần tại Huế.

Trước khi về nằm sâu dưới lòng đất mẹ thân yêu, cụ gượng hơi tàn, dốc trọn bầu nhiệt huyết binh-sinh vào bài ca, lời lẽ cực-kỳ bi-thiết, hùng-hồn nhần nhủ đoàn hậu-sinh mau vùng lên giữ lấy nghìn thu một giống nòi :

BÀI CA Ấ-TẾ-Á

Ấ-Tế-Á năm châu là bực nhất,
Người nhiều hơn mà đất cũng
nhiều hơn.

Cuộc đời mở hội doanh-hoàn,
Anh-hùng bốn bề giang-san một
nhà.

Gầm từ thuở Âu-La tìm đất,
Vượt Chi-Na qua Nhật đến Triều
Tiền,

Xiêm-la, Miến-diện gần liền,
Cao-man, Đại-Việt thông miền
Ai-Lao.

Thịt một mảnh trăm da xâu-xé.
Chiếc Kim-Âu chẳng mề cũng
không lành.

Tôi con Pháp, tớ thầy Anh,
Nín hơi Đại-Đức, nép mình
cường Nga.

Gương Ấn-độ có xa đâu đó.
Chẳng máu đào nhưng cũng họ
da vàng.

Mệnh-mông một giải Đông-
Dương,

Nước non quanh-quất trông
càng thêm đau.

Cờ độc-lập đứng đầu phất
trước,

Nhật-Bản kia vốn nước đồng.
văn.

Phương Đông nổi hiệu duy-tân.
Nhật-Hoàng Minh-Trị anh-quân
ai bi.

Giống thần-vũ riêng về một họ,
Vàng Phù-tang soi đỏ góc trời.
Kể đời trăm hai mươi hai

Năm hai nghìn lẻ năm mươi có
thừa.
Sẵn cơ-hội trời đưa lại đó,
Chốn kinh - thành Giang - hộ
(Tokyo) dòi sang.
Dẹp Mạc-phủ, bỏ Phiên-bang,
Đổi giòng chính-sóc, thay làng
y quan.
Khắp trong nước lập đoàn kết
hội,
Nhà học-đường đã ngoài ba
muôn (30.000).
Việc Kỹ-nghệ việc bán buôn,
Nơi lò đúc sắt, nơi khuôn nấu
đồng.
Chè, tơ, lụa, gai, bông,
nhung, vũ
Vớ đồ sơn, vắn mẫu, pha lê.
Gươm vớ tán, quạt vớ xe,
Đủ mùi hải, lục, hợp nghề nông
thương.
Bốn một triệu cải-lương nhân
số,
Các sắc quân ước độ triệu người
Chu-vi mặt đất chạy dài,
Tính vuông pháp-lý, bốn hai vạn
thừa (420.000 Km²).
Bốn một huyện năm xưa mới
đổi
Đầu Nại-xuyên mà cuối Lộc-
nhì.
Đông-kinh ba phủ mười kỳ,

Trong thi Đại-bản, ngoài thi
Kinh-đó.
Sánh Bắc-hải dư đồ quanh bề,
Huyện Xung-thăng chưa kể đất
Lưu-cầu.
Gò Đối-Mã bốn bề sâu,
Nghiêm-nguyên đức sủng, Trúc-
đồ tàu.
Nhà giấy-thép đầu đầu cũng
đặt,
Thuyền thương luân khắp mặt
đại-dương.
Kia thiết-lộ, nọ ngân-hàng,
Đăng đài báo-quán, ngồn-ngang
phụ-đầu.
Cuộc Hiến-pháp năm năm Minh-
Tri,
Ba mươi năm dân trí mở-mang.
Chữ Hán-tự, chữ Tây-phương,
Mọi bài diễn-thuyết các trường
chuyên-môn.
Đất Đại-bản mở đồn đức sủng,
Xưởng Đồng-kinh riêng cũng
một tòa.
Trường-Kỳ thuyền-cục mở ra,
Dã-tân, Tu-hạ ấy là Hải-quân.
Tàu vớ súng đã trăm phần
chấn-chỉnh,
Lại ngư-lôi, thủy đình ai tây.
Quan-quân luyện-tập đêm ngày,
Mọi nghề so với Thái-tây kém gì.
Đội mã-bộ lục-sư các trấn,

Tự Hà-di đến tận Tát-ma.
Tám đạo rộng, bốn gò xa,
Phù-san cao ngất, Ti Bà trong
veo.
Tướng, tá, úy, cũng theo Tây-lê
Lại công-binh, pháo-vệ chỉnh-
tề.
Đồng-bào nghĩ-khí gồm-ghe,
Cái thù nô-lệ quyết thề trả
xong.
Năm Giáp-Ngọ (1894) đứng đưng
sóng gió,
Vượt quân sang thẳng trở Đài-
loan.
Quân Lục-áo, tướng Đại-san.
Ra tay cho biết cái gan anh
hùng.
Đông-Tam-Tĩnh đã thu trong tay
áo.
Bọn trắng da ngơ ngác giật
mình.
Cuộc hòa đầu khéo thỉnh-linh,
Chủ-trương này bởi Nga-đình
vẽ khôn.
Bụng cứu-quốc ghê hồn Nhật-
bản,
Giận xung quân khôn cản nghĩa
đồng-cừ.
Đã toan giỡ súng quay tàu,
Y-Đằng khôn khéo mưu sâu vẫn
hồi.

Nhận bồi-khoản lấy Bành-đài,
nhượng địa,
Trong mười năm rồi sẽ xem
nhau,
Nga kia lớn nước lại giàu.
Bên giường giấc ngáy dễ hầu
chịu yên.
Hàn với Mãn lợi-quyền thu sạch.
Xe Nhĩ-tân, tàu lạch Sâm-uy
Cởi đông trong cuộc an-nguy.
Có ta ta phải phù-tri giống-ta.
Việc khai hấn chắc là quyết
liệt,
Đất Á-đông thấy huyết phen này.
Năm Giáp Thìn (1904), tháng hai
tây,
Chiến-thứ hai nước định ngày
giao-tuy.
Trận thứ nhất Cao-Ly lừng
tiếng,
Khắp hoàn-cầu muôn miệng đều
khen.
Sa-trường xung đột mấy phen,
Ngọn cờ Ấp-Lục, tiếng kèn Liêu-
Dương.
Cửa Lữ-Thuận mơ-màng khói
bạc.
Thành Phụng-Thiên ngơ-ngác
non xanh.
Hải-quân một trận tan tành,
Thái hòa các núi, Đông-thanh
xế đường

Sức hùng-vũ ai đương lại được.
May điều-đinh có nước Hoa-Kỳ.
Khéo đem hòa cuộc giải-vi,
Nếu không Bỉ-đắc còn chi là đời.

Hội Vạn-quốc đặt bày công-nghị,
Chấu đá voi sự ấy cũng nực cười.

Kể trong hòa khoảng hay mười,
Bề nào Nga cũng chịu thua trăm phần.

Cuộc tang-hải khuất thân từng lúc,
Trong liệt cường nay cũng chen vai.

Khen thay Nhật-bản anh-tài,
Từ đây danh-vị còn dài và sau.
Ngồi mà nghĩ thêm sãi, thêm tũ.
Nước Nam ta gặp buồm ngàn-chuyên.

Dã-man quen thói ngu hèn,
Cũng như Minh-Trị dĩ tiền mấy năm.

Từ Pháp-tặc manh tâm đô-hộ,
Mở tri khôn mời độ một và.
Non sông thẹn với nước nhà,
Quan là tượng gỗ, dân là thân trâu.

Việc giầy thép, việc tàu, việc pháo,
Việc luyện binh, việc giáo học-đường.

Việc kỹ-nghệ, việc nông thương,
Việc khai mở khoáng, việc đường hòa-xa.

Giữ các việc chẳng qua người nước trước cu-li.

Thông-ngôn ký-lục gì gì,
Mãn đời linh tập chọn vì quan sang.

Các hạng thuế các hàng tăng mãi.
Hết dinh-diền rồi lại trâu bò.

Thuế chó cũi, thuế lợn bò,
Thuế diêm, thuế rượu, thuế đồ, thuế xe.

Thuế các chợ, thuế chè, thuế thuốc,
Thuế môn-bài, thuế nước, thuế đèn.

Thuế nhà cửa, thuế chùa chiền,
Thuế rừng tre gỗ, thuế thuyền bán buôn.

Thuế rạ-rơm, thông luôn thuế rác,
Thuế mái hiên, thuế các com,

Thuế gò thuế bãi, thuế cón,
Thuế người chức sắc, thuế con dĩ hàng.

Thuế dầu mật, thuế sơn mọi chỗ,
Thuế cháo rau, thuế lúa, thuế bông.

TẶNG BẠT HỒ

Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng,
Thuế chim, thuế cá, khắp trong ba kỳ.

Nhiều hạng thuế kẻ chi cho xiết,

Thuế xia kia mới thực lạ lùng.
Làm cho thập bát cửu không,
Làm cho xơ-xác khốn-cùng mới thôi.

Lại nghe nói Lao-Cai, Yên-Bái,
Mấy muôn người xẽ núi đào sông.

Khô thay lam-chương nghìn trùng.

Nước sâu quảng xác hang cùng vút xương,

Nổi diệt-chủng vừa thương vừa sợ,

Người nước ta có biết còn không ?

Nói ra ai chẳng đau lòng.
Cha con khóc lóc vợ chồng thổ than.

Cũng có lúc bầm gan tím ruột,
Vạch trời xanh, mà tuốt gươm ra.

Cũng xương, cũng thịt, cũng da,
Cũng hồn máu đỏ, giống nhà Lạc-Long.

Thế mà chịu trong vòng trời buộc,

Bốn mươi năm nhơ nhuốc làm-than.

Than ôi ! Bách-Việt giang-san,
Văn-minh đã sẵn khôn ngoan có thừa.

Hồn mê-mẩn tỉnh chưa chưa tỉnh ?

Anh em ta rầy tỉnh sao đây.
Nhật là bạn, Pháp là thầy,
Tri khôn phải học, nghề hay phải tìm.

Việc tân-học kíp đem dùng trước,
Hội dân-đoàn cả nước cùng theo.

Sự buồn ta giữ làm đầu,
Mọi nghề cùng ghé địa cầu một vai.

Bây giờ kẻ còn dài khôn xiết,
Thứ tự-do xin hết một lông.

Gương Nhật-bản đất Á-đông,
Giống ta ta phải soi chung kéo mà.

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa-Lan

TẶNG BẠT HỒ

Dạ học thử dần-dà mở rộng,
Thầy Lang-sa rồi cũng nề-nang.
Cổ khi đặt chữ bằng hàng,
Thầy đời nô-lệ ra phương văn-
minh.
Kia thửa trước như Anh, Pháp.

Đức,
Cũng chẳng qua cùng cực tắc
thông,
Hoa may trời có chiều lòng,
Việt-Nam đứng tại phương đông
một mình.

Thân phiêu-bạt đã đành vô-
lại,
Bấy nhiêu năm, Thượng-Hải
Hoành-Tân.
Chinh Nga nhân buổi hoàn-
quân,

Tửu mình bỏ-bỏ theo chân khải,
hoàn.
Nâng chén rượu ơn ban hạ-
tiệp,
Gạt hàng châu khép nép quý
tâu-

Trời Nam mù-mịt ngàn dâu.
Gió thu như thời dạ sầu năm
canh,
Biết bao nỗi bất bình khôn giải,
Mượn bút hoa mà gởi lại quốc-
âm.

Thân già bao quẩn cát lăm,

Khuyên ai dốc chữ Đồng-Tâm
sau này.

Tặng-Bạt-Hồ di-bút.
Ngày Cụ Tăng vĩnh-biệt đồng
bào, cụ Tây-Hồ Phan-Chu-Trình
có câu đối điệu :

«Năm dư niên sơn-hải gian
quan, nhân giai bi kỳ ngộ, thiên
nhược giám kỳ thành, tam đảo
minh tiên, tráng chí cần năng
thông thượng quốc.

«Tráp thế kỷ phong-vân biến-
chuyển, nhân giai tranh dĩ trí
quân dục canh dĩ lực, cửu thu
qui kiếm hùng-hồn du tự luyện
Thần Kinh.»

Cụ Huỳnh-thúc-Kháng dịch :

«Ba mươi năm lẻ, núi biển
trải nhọc-nhăn, ai cũng thương
cho cảnh-ngộ, trời hẳn thấy rõ
nhiệt-thành, quất ngựa thẳng
non Thần, tráng chí mới thông
miền Thượng-quốc.

«Hai chục kỷ đời gió mây
chiều biến-đổi, người muốn đầu
bằng sức, quay gươm về nước
cũ, hồn thiêng còn mền đất
Thần-Kinh»,

LÂM-HỮU-NGÂN

PHỔ-THÔNG — 244

TÀI-LIỆU LỊCH-SỬ VÀ VĂN-HỌC VIỆT-NAM

Chúa Trịnh và chúa Nguyễn chơi chữ với nhau để lấy cớ mà khai chiến

●●● cô ANH-THƯ

VIỆT-NAM từ sau nhà Lê-
trung-Hưng, đất nước thống nhất
chẳng bao lâu thì cuộc Nam Bắc
phân tranh kéo dài 1520 đến
1774.

Vi muốn tránh mưu hại của
Trịnh-Kiểm, Nguyễn-Hoàng xin
vào trấn thành Thuận-Hóa. Ở
đây, Nguyễn-Hoàng hàng năm
vẫn giữ đủ lễ triều cống cho vua
Lê ở Bắc-hà, nhưng bên trong
ra sức kinh doanh, huấn luyện
quân sĩ, thiết lập căn cứ, phòng
đối phó với chúa Trịnh, vì biết
trước thế nào chúa Trịnh cũng
kiếm cớ loại trừ mình.

Sau khi Trịnh-Kiểm chết, con
là Trịnh-Tùng lên nắm giữ binh
quyền, cho việc Nguyễn-Hoàng
vào Thuận-hóa là thất sách, muốn
cử người khác vào thay, nên
thường lấy danh nghĩa vua Lê

triệu Nguyễn-Hoàng phải ra Bắc
hà dự việc tảo trừ phe nhà Mạc.
Vi cũng sợ danh nghĩa vua Lê,
Nguyễn-Hoàng phải vâng chỉ ra
làm tròn bốn phận, nhưng vẫn
lưu ý đề phòng.

Ở Đông-Đô (tức Hà nội) được
tám năm, thấy lòng nghi kỵ của
Trịnh-Tùng càng rõ rệt, sau trận
đánh phá được bọn nghịch
Phan-Ngạn và Bùi văn Khuê ở cửa
Đại-an, Nguyễn sai người về
Kinh-sur báo tiếp, rồi bí mật
cùng các tướng sĩ vội vàng theo
đường bẻ trở về Thuận-Hóa.

Khi Trịnh-Tùng biết tin, bèn
sai một đạo quân cấp tốc đuổi
theo để bắt lại. Nhưng Nguyễn-
Hoàng đã đi xa rồi. Từ đó,
Nguyễn-Hoàng không còn trở ra
Đông-đô nữa.

Tuy vậy, Nguyễn-Hoàng cũng
chưa dám ra mặt đối kháng hẳn

CHÚA TRỊNH

với chúa Trịnh. Mãi đến khi con là Phúc-Nguyên lên thay cầm quyền chính ở Thuận-hóa, thân dụng được mấy tay tướng tài là Đào duy Từ, Nguyễn hữu Tiến, Nguyễn hữu Dật, hết lòng giúp đỡ nên Nguyễn Hoàng có một thế lực rất hùng hậu, đủ sức chống đánh quân Trịnh. Bấy giờ Trịnh Tráng lấy cớ là Nguyễn-Hoàng nghịch mạng làm tội danh, tự xuất đại quân vào hỏi tội, Chúa Nguyễn bèn đem quân nghênh chiến. Trận thứ nhất đánh nhau ở phía bắc Nhật-lệ, bị thất trận, Trịnh Tráng vội rút quân về.

Cuộc phân tranh từ đó kế tiếp diễn ra, làm cho quân dân Nam hà và Bắc hà bị nạn binh hỏa đến một trăm năm mươi bốn năm. Đến trận cuối cùng, hai bên đều đã mỏi mệt, nên cùng thỏa thuận ngưng chiến, lấy con sông Gianh làm ranh giới, chia hai, bên bờ phía Bắc là giang san của chúa Trịnh, bờ phía Nam là của chúa Nguyễn.

Trong thời kỳ phân tranh, cả hai bên đều mượn tiếng vua Lê

để bắt bẻ nhau, hầu cho có chánh nghĩa.

Chúa Trịnh bảo chúa Nguyễn bỏ lễ triều cống nên phải đánh kẻ nghịch mệnh. Chúa Nguyễn bảo chúa Trịnh là bức bách vua Lê nên phải đánh kẻ quyền gian. Ngoài ra, nhiều khi đôi bên cũng tạo những cớ khác để đánh nhau, như những chuyện có tánh cách... văn nghệ là đồ chữ với nhau, đặt ca dao, làm, thơ gởi cho nhau như sau:

Chúa Nguyễn đồ chữ chúa Trịnh

Năm đầu Đức-long, vua Lê thần-Tôn, Trịnh Tráng muốn đem đại binh vào đánh Nam-hà, nhưng không biết lấy danh nghĩa gì bèn lập kế sai sứ đem sắc thư

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G.

CHÚA TRỊNH

của vua Lê phong chúa Nguyễn làm Tiết-chế binh-mã, Thái phó quốc-công, giục chúa Nguyễn phải ra Đông-dô, lên Cao Bằng để đánh dẹp giặc Mạc. Chúa Nguyễn bàn với quân sư Đào duy Từ, quân sư nói đó là mưu chúa Trịnh, giả lệnh vua Lê để ám kế «điệu hổ ly sơn» như chúa Nguyễn ra để sát hại. Nhưng được chiếu chỉ mà không đi là có lỗi, Trịnh sẽ vin vào cớ nghịch mạng mà đem binh vào đánh, Đào duy Từ bảo chỉ bằng cứ tạm nhận chỉ và hậu đãi sứ giả rồi cho về, khiến Trịnh không ngờ. Còn mình thì cần kíp luyện tập binh mã, sửa đắp đồn lũy, hễ có đủ sức chống đánh thì bấy giờ sẽ dùng kế trả lại sắc văn, Trịnh không làm gì được.

Theo kế hoạch của Đào duy Từ, khi đã đáp xong lũy Trường-dục, đủ ngăn đường tiến của quân Trịnh, chúa Nguyễn liền hỏi kế trả sắc văn lại như thế nào. Đào duy Từ xin cho đúc chiếc mâm đồng hai đáy, đề sắc văn vào trong và dùng đủ một số vàng, lụa, sai Văn-Khuông

đem ra Đông đô tạ ơn, và dặn sẵn mười điều văn đáp, xong việc, phải gấp lên về ngay.

Văn-Khuông ra đến Đông-dô, vào yết kiến Trịnh-Tráng, dâng lễ vật. Trịnh Tráng vặn hỏi nhiều điều, Văn Khuông đều đối đáp trôi chảy cả. Trịnh Tráng ngợi khen, hậu đãi rồi cho ra nhà công-quản nghĩ, đợi lệnh. Sau khi ấy, Văn-Khuông lên ra khỏi kinh thành, rồi theo đường bộ trở về.

Hôm sau, chúa Trịnh nhìn thấy chiếc mâm đồng đáy rất dày, sinh nghi, xem kỹ lại thì đó là mâm hai đáy. Lấy làm lạ, sai người mở ra xem, thấy ở trong đề tờ sắc văn và một tờ thiếp, viết bốn câu :

«Mân nhi vô dịch,
«Mịch phi kiến-tịch,
«Ái lạc trăm trường
«Lịch lai tương dịch.»

Chúa Trịnh chẳng hiểu ý tứ ở trong ra làm sao. Cho hỏi các triều thần, không ai giải rõ được. Sau phải cho triệu Phùng Khắc-Khoan, lúc này về nghỉ ở

quê nhà, ông Khoan xem xong, nói rằng :

— Bốn câu này chỉ rút lại có bốn chữ «*Dư bất thụ sắc*». Nghĩa là chúa Nguyễn tỏ ý cự tuyệt bảo : «*Ta không nhận sắc*» mà thôi. Vì chữ *mán* mà không có nạch, tức là cái phẩy thì là chữ *Dư*. Chữ *mịch* mà không có chữ *kiến* thì là chữ *Bất*. Chữ *ái* rơi mất lòng ruột tức là chữ *Tâm* thì còn là chữ *Thụ*. Chữ *Lực* với chữ *Lai* địch nhau, thì là chữ *sắc* chớ gì ?»

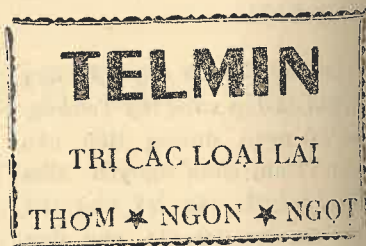
Trịnh-Trảng nghe xong, thấy mình bị lừa, căm tức vô cùng, bèn hạ lệnh đòi Văn-Khuông vào, thì Văn Khuông đã cao chạy xa bay rồi ! Trịnh lại càng căm tức, hạ lệnh cử binh vào đánh chúa Nguyễn. Nhưng có tin cấp báo hai tỉnh Cao-bằng và Hải-dương đều có giặc nổi dậy. Trịnh Trảng phải vội vã thu hồi lệnh đánh chúa Nguyễn.

Chúa Trịnh lại đồ chữ chúa Nguyễn

Niên hiệu Thịnh-Đức cũng đòi vua Lê thần Tôn, cuộc Nam Bắc chiến tranh đang ở vào

thời kỳ gay go, vì tình thế, chúa Trịnh phải tạm ngưng chiến để chờ cơ hội khác. Trong khi tạm hưu chiến, chúa Trịnh thường giả lệnh vua Lê gia phong tước hiệu hay trách hỏi chúa Nguyễn điều nọ điều kia, kỳ thực là để dò xem nội tình hư thiệt ra sao.

Một lần, chúa Trịnh sai sứ đem vào tặng chúa Nguyễn một cái trống gỗ, và một miếng gỗ vuông dài hơn một thước, trên mặt gỗ viết ba chữ lớn : «*Hồ bất thực*», chữ viết rất tốt và nét chữ thếp vàng. Lấy làm lạ chúa Nguyễn hỏi khắp các quan chẳng ai biết được là ý nói gì. Chúa Nguyễn sức nhớ có Vũ đình Phương là một nhà bác học, chắc có thể hiểu được, liền cho mời vào nhờ giải nghĩa. Vũ đình Phương nói :



— Đây là Bắc-hà họ đem lối nói lái, thử xem nhân tài Nam-hà ta. Mảnh gỗ mà viết ba chữ «*Hồ bất thực*» là họ đồ mình có biết gỗ gì. «*Hồ bất thực*» nghĩa là *cáo chẳng ăn*. Cáo chẳng ăn thì *cáo gầy*. Cáo gầy là *cây gạo*. Còn cái trống này, họ tỏ ý khinh thị ta, trống đánh lên tuy có kêu như trống thường, nhưng bằng gỗ gạo, thứ gỗ xấu chẳng được bền.

Con «*rồng Nam*» làm cho chúa Trịnh rối trí.

«*Con rồng Nam-hà*» mà người thời Trịnh Nguyễn phân tranh đã đặt ra đề chỉ về ông Đào-duy-Từ, một mưu thần hay quân sư của chúa Nguyễn. Về công nghiệp của Đào duy từ đã giúp chúa Nguyễn khai thác miền Nam rất đắc lực, mưu cao trí dũng không khác Khổng Minh cho nên người đương thời gọi ông là Gia-Cát Khổng Minh. Nhơn đó, ông có làm bài «*Ngọa Long ngâm*».

Vì chế độ thi cử quá hẹp hòi ở Bắc hà là không cho con em các nhà xướng hát được dự thi

nên ông Đào duy Từ phải bỏ Bắc vào Nam theo chúa Nguyễn để được thi thố tài mình. Khi thấy thế lực của chúa Nguyễn ngày càng bành trướng mà một phần lớn là do Đào duy Từ đưa mưu tức trí giúp cho, chúa Trịnh bây giờ biết mình đã bỏ mất một nhơn tài về tay địch, Trịnh Trảng hối hận vô cùng. Chúa Trịnh bèn mật sai những bạn thân với ông Đào vào Nam khuyến dụ ông Đào trở về, sẽ được trọng dụng. Nhưng ông Đào cự tuyệt. Muốn tỏ ý chí của mình không phải vì lợi lộc mà thay đổi, ông Đào thác ra lời một chinh phụ, gởi cho một bạn thân ở Thăng long mấy câu ca dao sau đây :

*Ba đồng một miếng trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không ?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết bao giờ gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra ?*

Chúa Trịnh vẫn không thối chí ve vãn. ông Đào lại phải cự tuyệt :

CHÚA TRỊNH

Có lòng xin trả ơn lòng,
Đừng đi lại nữa mà chồng em ghen.

Thất vọng, vua tôi chúa Trịnh
mãi mai ông Đào, khi thấy đã
không khuyến dụ bằng sự lợi
danh được :

Rồng nằm bờ cạn phờ rầu,
Mấy lời anh nói dấu đầu hồ
đuôi.

Chúa Trịnh mãi mai Đào là
rồng nằm bờ cạn, chẳng còn
bay nhảy được nữa. Còn bảo
«mấy câu anh nói giấu đầu hồ
đuôi» là chỉ về bốn câu bí hiểm:
«Mân nhi vô địch, mịch phi
kiếm tích...» do ông Đào đặt ra
để đỡ chữ vua tôi chúa Trịnh.
Do bài «Ngọa Long ngâm»
của Đào, tự ví mình như con
rồng nằm, chúa Trịnh làm hai
câu sau đây để kêu ngao :

Rồng khoe vượt gió tung
mây,
Nào hay rồng đất, có ngay
rồng tan !

Lời bông gió mai mĩa ấy của
chúa Trịnh không lay chuyển
được lòng Đào, Đào còn sống
ngày nào là vua tôi chúa Trịnh

còn phải bận lòng lo nghĩ ngày
ấy. Trịnh lại có mấy câu :

Có ai về tới đường trong,
Nhấn cho «bổ đở» liệu trông
đường về.

Mãi tham lợi bỏ quê quán
tở,

Đứt nước người dù có như
không.

Chúa Trịnh định đem tình quê
hương kêu gọi tình cảm của
Đào, mong Đào nhớ quê mà trở
về. Còn hai tiếng «bổ đở» là nói
bóng chữ «Đào». Nhưng Đào duy
Tứ đã chọn một con đường,
không lay chuyển lập trường,
chỉ cần gặp người tri kỷ, được
đất dụng võ. Đối với Đào, chúa
tôi Trịnh-Tráng lo nghĩ bận trí
như thế cho đến Đào tạ thế
mới thôi. Sau khi hay tin Đào-
duy-Tứ chết, chúa tôi chúa
Trịnh mừng rỡ vô cùng, Sự vui
mừng khoan khoái đó bộc lộ hai
câu :

Rồng đã lặn bóng mây xanh,
Đầu non lửa tắt, bên thành
khói tan.



Bên trời

Ta qua cầu nổi sóng Vâm-Cổ
Trên chuyển đồ ngang gặp lại người
Đã cách biệt nhau từ mấy độ
Đầy trời khói lửa ! cổ nhân ơi !

Người có về thăm xóm cũ không ?
Bên trời ta vẫn đứng ngùi trông
Không về xir được buồn hiu hắt
Biết đến bao giờ thôi ngó mong !

Ta vẫn quê người xơ xác lẫn
Nói đâu hết được hồi người thương ?
Chiều chiều chim vẫn bay về núi
Ta đứng bên trời mơ cổ hương

Mắt đã mờ đi sau ngấn lệ
Khói bom mây trắng quện vào nhau
Xóm mình cũng phía lan mây trắng
Đau thắt lòng ta lệ đã trào

Ai bỗng xui mình gặp lại đây
Mắt chìm trong mắt tay cầm tay
Người ơi ! đã ráo chưa dòng lệ
Khóc nữa đi rồi, lại biệt ly

Ta vẫn quê người sương gió cũ
Bên trời đứng ngóng bóng chim xanh
Nơi nào người có lòng thương tưởng
Nhớ nhè đêm đêm mộng thái bình

LÊ THÚY-HỒNG

CHÚNG TÔI THƯƠNG XÁC VỚI NHÀ VĂN SAO BIỀN
VỀ NHÂN VẬT HÀN-TÍN

HÀN-TÍN có phải là « một thằng vô liêm sỉ không ? »

● ĐÔNG-TÙNG

BÁO Con Ong xuân Canh-Tuất (1970) ở trang 39, có đăng một bài nhan đề «Nguyên-soái Hàn-Tín một thằng vô liêm-sỉ» của một ký-giả, ông Sao Biển.

Qua câu dẫn nhập thường lệ, hay nói cách khác, khi trình bày về nội dung sự việc, ông Sao Biển viết :

«...Đứng trước một thách đố quyết liệt của tên hàng thịt, Hàn-Tín đã không dỗi pho nổi với hoàn cảnh để bảo vệ danh dự. Lý do bởi Hàn-Tín là một kẻ hèn nhát thực sự, không có một chút cam đảm và lòng tự trọng nên Hàn-Tín đã xử sự như

một con chó ngoan ngoãn quỳ xuống lồm-cồm bò bằng bốn chân luồn qua trôn gà hàng thịt, làm trò cười cho cả chợ. Già sử như Hàn-Tín có một chút đảm lược và sự tự ái cá nhân, có lẽ nếu không khuất phục được gã hàng thịt thì ít ra cũng bảo vệ được danh-dự của mình khỏi bị tên vô lại chà đạp... Nhẽ ra con người thông minh tuyệt vời và đầy mưu lược như Hàn-Tín phải hiểu rằng tất cả mọi người ở chợ Hoài-am hôm đó đã sẵn sàng bênh vực mình...»

Đề mạt sát Hàn-Tín sâu độc hơn nữa ông Sao Biển viết tiếp :

Nhưng đã nói Hàn-Tín là

HÀN TÍN

một tên hèn nhát, một kẻ đê tiện, một thằng tham sinh úy tử, nên đã bị mọi người bỏ rơi...»

Đoạn văn trên đây có lẽ nội dung chính mà cũng là tiền đề mà ông Sao Biển đã nêu lên đầu tiên làm luận cứ để buộc tội Hàn-Tín là một thằng vô liêm sỉ,

Là một lão NHO gần 70 tuổi, học hành không bao nhiêu, tự thấy mình không đủ kiến thức và tầm quyền để nhận định những lời lẽ mà ông Sao Biển đã nói ở trên. Mặc dù vậy, sau khi đọc hết đoạn văn vừa kể, tôi cũng không tránh khỏi có những thắc mắc :

A) Hàn-Tín có quả đúng là «một kẻ hèn nhát thực sự» như lời ông Sao Biển chăng ?

Theo chỗ chúng tôi, cũng như nhiều người, nhất là qua sách vở : Hàn-Tín là một vị cô danh tướng Đông-Phương, con người rất mưu-trí, anh dũng chứ không phải «hèn nhát thực sự» và quá tầm thường như ý kiến ông Sao Biển, trong báo Con Ong xuân Canh-tuất.

Để tránh dài dòng biện luận, chúng tôi xin trích dẫn ý kiến Bác-sĩ Hồ-Thích đối với nhân vật Hàn-Tín :

Trong «Hồ-Thích Văn-Tồn» có bài đại luận nhan đề «NHÂN, TRÍ, DŨNG». Đoạn viết về chữ Dũng. Sau khi phân tích nào là Nghĩa lý chí dũng, con người ở đời nên có. Thế nào là huyết khí chí dũng ? Con người đời nên tránh xa ; nhà đại học giả Trung-hoa cận đại — Hồ-Thích — viết tiếp :

«Không ai không biết Hàn-Tín là một cô danh tướng rất anh dũng. Nhưng cái dũng của họ Hàn là cái dũng thống định Tam Tần, tiêu diệt Hạng-Vô, thống nhất lãnh thổ quốc gia ; chứ không phải cái dũng xuất phát từ cái tự ái, tiêu khí rồi chửi bới đến đánh nhau lỏa đầu vớ ; tên vô loại hàng thịt ở giữa chợ Hoài-am»

Như vậy có nghĩa là : Cái mà Bác-Sĩ Hồ-Thích gọi là dũng của Tín, thì ngược lại chính là cái mà nhà văn Sao Biển của chúng ta gọi là «hèn nhát» (khiếp nhược)

Ai đúng ai sai chúng tôi xin nhường lại để quý vị độc giả thẩm định.

B) Hàn-Tín là một cổ danh tướng vào bậc nhất nhì Đông-Phương người đã có công nghiệp vĩ đại giúp Lưu-Bang Hán-Cao Tò, dẹp loạn yên dân, thống nhất lãnh thổ. Chỉ vì những cơ duyên rất phức tạp nào đó (chúng tôi sẽ trình bày vào những phần sau), hay nói khác đi ông Tín đã chết oan khiên vì ác sách «vắt chanh vắt vớ» của chế độ phong kiến; hay là đều giả bội bạc «ăn cháo đá bát» của Lưu Bang thì cũng thế.

Một nhân vật lịch-sử như thế, mà ông Sao Biển đã vì ý kiến riêng mình mà dùng những câu, những chữ như sau đây, khi bàn tới Hàn-Tín : Nào là :

« — Một thằng vô liêm sỉ

« — Một kẻ hèn nhát thực sự...

« — Như một con chó ngoan ngoãn quỳ xuống lồm cồm bò bằng bốn chân luôn qua tròn gà hàng thịt.

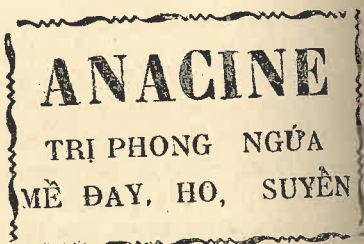
Dù sự thực Nguyên-Soái Hàn-Tín có trường hợp sai lầm (theo quan điểm của ông Sao Biển) đi nữa, mà ông Sao-Biển viết lách như thế, thiệt quá tàn nhẫn đối với cổ nhân. Nhất là trong lúc giả trị cổ truyền Đông-phương đang bị phá hoại, gần như sụp đổ, ở Việt-Nam giờ phút này.



Khi đề cập tới trường hợp Hàn-Tín bị giết, ông Sao Biển viết tiếp :

«... mà đến khi Hàn-Tín cắt mặt lên được thì bị một con đàn bà bắt mặc áo sơ mi gỗ tại cung Vi-Vương...»

Đọc câu văn trên người ta có thể hiểu rằng : Theo ông Sao Biển, vì Hàn-Tín đã quá thấp trí



PHỒ-THÔNG — 24

thua mưu đàn bà Lã-Hậu (vợ Lưu-Bang) nên đã bị mưu ta bắt và giết.

Thưa ông Sao Biển, vấn-đề Hàn-Tín bị mưu Lã-Hậu giết trong khi Lưu-Bang đang di hành quân vắng, không phải giản đơn dễ hiểu như vậy đâu, mà trái lại lịch trình diễn biến của sự việc, cùng những nguyên nhân sâu xa và phức tạp, mà trọng điểm là do sự gian manh của Lưu-Bang. Chúng tôi sẽ trình bày hầu ông rõ vào những đoạn sau.

Khi ông Sao Biển trình bày những sự việc về bước đầu tiên của cuộc đời Hàn-Tín khi tới gặp Hạng-Lương (chú Hạng Võ) cũng như khi Hạng-Lương chết Hạng-Võ lên thay chủ, cả hai chú cháu trước sau đều không chịu dùng Hàn-Tín, chỉ vì thành kiến với những câu chuyện cũ luôn tròn gà hàng thịt ở giữa chợ Hoài-âm. Mặc dù mưu-thần Phạm-Tăng là kẻ tri nhân cực lực tiến cử Hàn-Tín nhưng cả chú lẫn cháu cũng chỉ dám dùng họ Hàn với chức vị cai lính gác (chấp kích lang) là cùng.

PHỒ-THÔNG — 24

Hạ-tăng-Hữu tiên sinh, nhà học-giả Trung-hoa cận đại, trong bộ «Trung-quốc chính trị Tư tưởng sử» của ông, khi viết về cuộc Hán-Sở tranh hùng đã nhận định rằng : «... cuối cùng Hán thắng. Sở bại yếu tố chính vẫn là ở chỗ tai nhân với bất tri nhân.»

Kinh Thượng-Thơ có câu : «Tri nhân viết minh trết, duy Thánh kỳ nan» nghĩa là : biết người là minh trết, nhưng tới ông Thánh cũng phải cho là khó.

Hàn-Tín trước những cặp thanh nhân tri nhân và bạch nhân bất tri nhân.

Ai là những người biết thực tài Hàn-Tín, không câu nệ ở những mầu chuyện cũ (đi câu, xin cơm bì Phiến mậu ăn, luôn tròn gà hàng thịt giữa chợ) ?

Người ta phải kể trước nhất là Phạm-Tăng, mưu thần Hạng-Võ Thứ đến Trương-Lương, mưu thần Lưu-Bang, rồi tới Đổng-Công, Trần-Binh, Tiêu-Hà, Lưu-Bang. Công binh mà nói, Lưu-Bang đương sơ cũng

không biết nổi thực tài của Hàn-Tín, nhưng nhờ cái năng chính (biết nghe lời) của ông mà cuối cùng ông đã dùng được họ Hàn để hoàn thành đại nghiệp nhà Lưu-Hán.

Ai là những kẻ chỉ cố chấp vào những thành kiến cũ, mà không biết nổi thực tài của Hàn-Tín ? đó là :

Hạng-Lương (chú Hạng Võ). Hạng-Võ, Phàn-Khoái (tướng Lưu-Bang) và bọn Sở thần nói chung (ngoại trừ Phạm-Táng); bây giờ ở Việt-Nam có ông Sao-Biến.

(Chúng tôi sẽ trình bày chi tiết ở những phần sau).

Chúng tôi lại cũng rất ngạc nhiên : Tại sao ông Sao-Biến chê bai mặt sát thậm tệ như trâu, mà ông lại còn viết lại đoạn văn này :

«Hàn-Tín là một kẻ có tài, một cái tài kinh thiên vĩ đại nữa là đằng khác. Hàn-Tín đã chứng tỏ cái tài năng quán chúng ngay từ khi còn cắp gươm hầu dưới

tướng Hạng Võ qua tờ biểu bàn về cái thể cờ trong Thiên hạ. Trương tử Phòng tay mưu sĩ số một của Lưu-Bang đã toát mồ hôi hột khi đọc tờ biểu này và không khỏi than thầm : nếu sách lược này mà được Sở bá vương áp dụng một cách triệt để thì Hán-Vương chắc bị chết già trong Bao-Trung mất.

Sau khi bỏ Sở về Hán, Hàn-Tín còn chứng tỏ cái tài năng tuyệt vời, siêu việt trong các cuộc hành quân thần thánh khi cầm ấn Nguyên-nhung. Một tay bình định Tam-Tần, giết Chương-Hàm, một kiện tướng của Hạng-Võ, dễ dàng như lấy đồ vật trong túi...»

Ô hay, sao lạ thế nhỉ ? Ông

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

Sao-Biến ? Một thằng vô liêm sỉ một kẻ hèn nhát thực sự. Như một con chó... Một kẻ dễ tiện. Một thằng tham sinh úy tử vân vân và vân vân, lại có thể làm được long trời lở đất như thế nhỉ ?

Phải chăng ông Sao-Biến, đã tiền hậu bất nhất, tự tương mâu thuẫn.

Khi đề cập tới việc Hàn-Tín giết người Tiều phu, người đã bày đường cho mình, ông Sao-Biến viết : «Tại sao lại giết ân nhân của mình ? vì đại cuộc ư ? nhiều kẻ mệnh danh vì đại cuộc mà nhúng tay vào máu kẻ vô tội điều đó cũng không tha thứ được».

Nói như thế chúng tôi xin hỏi ông Sao-Biến, ông sẽ nghĩ sao về câu chuyện này :

«Tôn-Trung-Son, khi làm Tổng Lý Trung-Hoa-Dân-Quốc Trần-Quỳnh-Minh tạo phản, người phải chạy giặc trên một chuyến xe lửa, xe tới một cái cầu qua sông, sau lưng giặc đuổi, trong khi nhân dân chạy giặc đang ngột cả cầu. Người phải ứa lệ

ra lệnh cho xe lửa chạy bừa càn lên người, làm máu đỏ cả một khúc sông. Nhưng nhờ thế Người được thoát hiểm»

Việc làm của nhà đại cách mạng Trung-Hoa kể trên, có lẽ cũng không được ông Sao-Biến tha thứ (?)

★

Sự kiện diễn biến về nhân vật lịch-sử Hàn-tín còn rất nhiều, mà còn cũng rất nhiều chi tiết rất uẩn khúc tinh vi, mà mọi chúng ta cần phải tìm hiểu cho thấu đáo, để khỏi kết tội cổ nhân một cách oan uổng. Đồng thời cũng đề xin trình bày với ông Sao-Biến về nhân vật Hàn-Tín, như đã hứa ở như sau

Hàn-Tín :
Thân-thể và sự nghiệp của Hàn-Tín

Cho tới nay vẫn chưa tìm ra một sử liệu nào, dù là sử ký Tư-Mã-Thiên, cũng như Tiền-Hán-Thư, Tây-Hán-Chí cho biết rõ Hàn-Tín sinh năm nào, bố mẹ tên là gì, thuộc thành phần xã hội nào của thời đại, mà chỉ ghi chép rằng : Hàn-Tín xuất-thân là một người nghèo khổ, người ở huyện Hoài-

âm (nay thuộc tỉnh Giang-Tô, huyện này năm dân quốc thứ 31 đổi tên là huyện Thanh-Hòa). Lúc còn hàn vi làm nghề đi cầu không đủ nuôi miệng, được bà Phiêu mậu bố thí. Hồi đó Tín còn chịu-khuất phục luôn hàng gã hàng thịt ở giữa chợ, khiến người đương thời khinh bỉ.

Sau khi Hạng-Lương, khởi nghĩa đánh Tần, Tín tìm tới Hạng-Lương, được Lương thâu dụng làm cai lính gác (chấp kích lang). Sau khi Lương chết, Hạng-Vũ lên thay thế chú, Tín vẫn ở nguyên chức vụ cũ. Buồn vì nổi ở đây không ai biết mình, lại nhận được lời giới thiệu của Trần-Bình, Hạng-Bá, Đổng-Công, Tiêu-Hà, nhất là của Trương-Lương cho nên cuối cùng Tín rời bỏ Hạng-Vũ về với Lưu-Bang, được Lưu-Bang trọng dụng làm đại tướng và Tín đã lập được những đại công sau đây:

— Vào Ba-Thục chưa được bao lâu, Tín kéo quân ra Trung nguyên kháng hành với Hạng-Vũ.

— Vượt qua Tây Hà đánh chiếm nước Ngụy.

— Chinh phục luôn nước Triệu và nước Tề được phong làm Tề-vương.

— Tiêu diệt luôn Hạng-Vũ ở Cá-Hạ, lại được cải phong Sở-Vương.

Trong đại cuộc tru Tàn diệt Hạng xây dựng xã tắc nhà Lưu-Hán Hàn-Tín là đứng công đầu.

Nhưng sau đó bị cáo là mưu phản, nên bị giáng chức xuống là Hào âm hầu: Cuối cùng bị Lã-Hậu (vợ Lưu-Bang) bắt chém ở Trương-Lạc-Cung và tru di tam tộc.

Tại sao một người túc trí đa mưu, văn võ toàn tài như Hàn-Tín mà lại có thể bị chết một cách oan uổng trong tay một người đàn bà? Hàn Tín có thực tâm làm phản nhà Hán không? Nếu có thực tâm làm phản thì tại sao đại cuộc lại không thành?

Cái chết của ông đáng thương, đáng tiếc hay đáng giận? Muốn trả lời được những câu hỏi trên, chúng ta hãy đi sâu vào chi tiết từng sự việc.

(Còn nữa)

(Đề góp với nhà văn Đổng Tùng)

Mấy câu chuyện về VÁY

- Phải chăng cái váy cũng như là cái bút?..
- Và là một cái có sức mạnh hơn cả đô la, và đồng thời là cái rất thơm của mấy ông văn nghệ «đầu gộc»...

●●● CỬ TA

CÁI váy chính là tiền kiếp cái quần của phụ nữ Việt-nam. Nhiệm vụ duy nhất của nó là để che kín tất cả những gì thuộc về bộ phận lẳng dưới của đàn bà con gái xưa kia, nên kể như hầu hết các nhà văn nhà thơ có hơi hướng đạo đức ít khi đề cập, mặc dù từ lúc oa oa chào đời đã thấy nó trước nhất, biết mùi vị nó, gánh chịu khá nhiều công ơn ở chính ngay nơi nó.

Chẳng những thế, đối với vấn đề y tế xã hội, cái váy còn là một vị thuốc hơn cả những linh đơn thành dược của các cụ Hoa

Đà, Biền-Thước. Thí dụ, ai bị máu cam, chỉ xé cái gấu váy vò dứt nút ngay lỗ mũi là hết, ai mọc lẹo nơi con mắt cứ lấy cái gấu váy quệt vào là mụt lẹo tự khắc dần dần biến mất ngay. Nhà có nhân sâm, nhục quế nếu gặp người chết, mà không lấy nó để gói hai vị ấy lại thì sẽ thành củi mục, đem dùng không còn công dụng nữa...

Vậy đó! Thế nhân thành kiến hỏi có oan uổng cho váy «tiền sinh» không?

Kẻ viết bài này, thuở nhỏ cũng có ý nghĩ không đẹp như ông cha chú bác, mà đôi khi

còn sợ như sợ các chúa tể sơn lâm. Nó có sức mạnh hơn cả dùi đồng của Lý-Nguyên-Bá chẳng ? Khi các bà các cô chửi nhau, cứ dọa đem nó để đập vào mặt nhau và chum vào đầu nhau : tao sẽ chum váy lên đầu mày ; tao sẽ kẹp đầu mày vào váy ; tao sẽ đập váy vào mặt mày bây giờ...

Lớn lên biết nhìn gái, biết o méo, biết cười vợ, mới thấy cái váy là đáng yêu đáng quý, và mê hồn trận là cái váy của các cô em vừa đến tuổi dạy thì, số dzách thiên thai thứ váy lĩnh cập điều.

Chắc cũng như mình ; nên vào một đêm hội đầu Xuân, một thanh niên khi hát trống quân đã lấy cái váy để mời một thiếu nữ :

*Lấy anh anh quý anh chiều
Anh may váy lĩnh cập điều
cho em.*

Nhưng cho anh nói khoác, nên thiếu nữ đáp lại, bảo có, hãy may cho mẹ già nghèo ở nhà :

Anh ơi, em biết anh rồi,

Mẹ anh váy rách tả tơi tan tành.

Hãy về may cho mẹ...

*Đề đáp công sinh thành anh
oi !...*



Và chắc cũng như mình ; hay hơn nữa ở chỗ đã hiểu một cách thâm thúy về cái nghĩa của váy nên cụ Tam-nguyên Yên-Đỗ khi khóc bà cụ đã không quên cái váy :

*Nhà chửi cũng nghèo thoy,
nhờ có bà hay lam hay
làm, thắt lưng bỏ củi, sẵn
Váy quai cang, long tong*

*chân ngược chân xuôi, thu
xếp cho tôi xong mọi việc.*

*Bà đi đâu vội mầy; để lỏi
ngắt nga ngắt ngửng, bổi
tóc củ hành, bỏ quần lá tọa.
gật gù tay đưa tay chén, biết
cùng ai nói chuyện trăm
năm.*

Thi sĩ Tú Xương trong ngày tết đến cũng đưa thi hứng qua lan váy, đặt ngay cái váy của các bà các cô lên ngang cái khăn trên đầu của quý cụ quý ông,

*Khăn là bác nọ to tây rế ;
Váy lĩnh có kia quét sạch hề,*

Trào lộng hơn ; cụ Nghè Tân (tức Nguyễn-quý-Tân người làng Thượng-Cốc, huyện Gia-Lộc tỉnh Hải-dương) xưa gặp ngày đầu năm, — theo nhà văn lão thành Đông-Tùng, — nhân dịp khai bút lại khai váy rất tuyệt :

*Khai bút tình khai VÁY
Nhất cử chi lưỡng tiện.
Thao thao phục hà vi ?
Nhân sinh thù sở nguyện.*

Nghĩa là «khai bút và khai váy. Một lúc làm hai cái. Danh lợi mà làm gì ? Ở đời tìm cái

khoái — Đông-Tùng : Phổ-thông số 242 trang 99».

Sau cụ Nghè Tân, gần đây, cụ huyện Phạm-Can (người làng Quyết - hưng tỉnh Nam - định) một người kiêm Tây học, Nho học cũng có bài na ná :

*Mừng xuân khai VÁY váy
khai hoa
Váy mở hoa khai ngát cửa
nhà
Nhà cửa ngát hương, hoa
váy nở
Bút đề muốn thuở cháu con
ta !*

Như thế, cái váy phải đầu đã thua gì cái bút, cái bút đã hơn gì cả váy !

Có lẽ đã thấy rõ từ lâu giá trị của váy như các cụ nói trên, và đã quá biết cái mùi vị thơm tho của váy, nên mới độ nào, có mấy ông văn nghệ «đầu gộc» đã bị người ta gọi đích tên ra bảo «mặt bóng như váy lĩnh đàn bà» mà vẫn cũng chẳng thêm đi kiện. Ngược lại còn thêm về hiu hiu tự đắc...

Váy nói đến váy người ta không thể không khơi than dài cho

MÁY CÁU

ông ứng cử viên tổng thống để nhậm công hòa Trần-văn-Lý: «sao không biết cái váy cũ (mini) (jupe) đang là một thứ thể lực hơn cả đồng đô la, mà đi đại dợt tuyên bố sẽ cấm khi đặc cử»,

Và ngược giòng lịch sử, người ta lại càng không thể quên được cái chuyện cấm váy ở đời Minh-Mạng trước làm nhân dân phải một phen khốn khổ nhất là nhân dân Bắc-hà, dù ý của nhà vua là tốt: muốn sửa đời phong tục cho hợp với mỹ thuật và sinh hoạt thời đại.

Theo ông Đồng-Tùng trong Phổ-Thông 242, trong chỉ dụ vua Minh-mạng có nêu rõ lý do:

Trời sinh ra người có hai chân hay tay, hai tay đã có hai ống áo, thì hai chân cũng phải có hai ống quần. Thế mà cho tới nay, người đàn bà Việt-nam từ lĩnh Quảng-bình trở ra Bắc, chỉ mặc quần một ống quá rộng. Như thế, không những làm tổn thương phần mỹ lệ của người đàn bà, mà còn bị luộm thuộm rườm rà, khó

đồng tác trong khi làm việc. Chưa nói tới phần thiệt thòi nữa. Người đàn bà con gái khó giữ gìn khi ngồi khi nằm.

Vì những lẽ trên, Trẫm ra lệnh cho các quan địa phương từ Quảng-bình trở ra phải nghiêm sức cho dân gian từ nay không nên mặc váy nữa,

Với chỉ dụ này, không biết các tỉnh đầu miền Trung thì hành ra sao. Riêng ở Bắc, thật quá gắt gao. Thậm chí làm nơi lính tráng được sai đi đón khách đường xá, chặn bắt những đàn bà mặc váy, ai mặc bị lột lập tức giữa thanh thiên bạch nhật và bị nọc ra đánh bất kể là lớn bé trẻ già, giàu nghèo, sang kém. Và có những buổi chợ, số váy bị lột đem đốt đến to bằng đồng rạ. Do đó, dân gian có những câu ta oán:

*Hỡi ai đi Bắc về Đông,
Có đi thì mượn quần chồng
hãy đi!*

★

*Tháng sáu có chiếu vua ra,
Cấm váy cấm sông, dân ta
cực lòng.
Có sao chợ mới không đông?*

MÁY CÁU

*Không chồng thì mượn quần
chồng mà mang.
Có chồng mới dám mua hàng
Không chồng em chớ ra
đường sợ quan.
Cậu (?) đánh thlem kêu van,
Làm thân con gái nhiều đường
gian nguy.*

Rồi ý hần, những nông nổi trên lọt đến tai vua, nên việc thi hành lệnh cấm bớt dần và chìm vào dĩ vãng; bởi lẽ đàn bà con gái khi ấy quá trung với cái thứ «quốc túy» riêng biệt của mình. Do đó, cái váy vẫn sống đến mãi sau này ở nhiều

nơi miền Bắc. Nhưng điều nên biết là váy nôm, may nó tốn vải tốn lụa còn hơn cả áo bào áo tể; không phải quá mỏng quá ngắn như mấy kiểu đời nay, khiến năm nào đó một cô gái Mèo mặc vào đã làm một lão già tư bản mê nhìn, thành ngã từ lầu cao, chết ngắc... Ấy thế là bị chết về váy!

Bởi vậy, nên bàn về váy cũng khó và quả là rắc rối lắm thay, chớ không đơn giản như các vấn đề «chánh chi, chánh em» của các vị chánh khừa ở xứ sở này đâu!...

C.T.

QUÂN ĐỘI ÍT NHẤT THẾ GIỚI:

— Đội quân 58 người của tiểu quốc Liechtenstein, giải tán vào năm 1939 ngày người đội viên cuối cùng là ông Andréas Kléber qua đời, hưởng thọ được 95 tuổi.

Tuy bé nhỏ quân đội này cũng có một thời oanh-liệt: Năm 1866 đã «động-viên toàn lực» giúp quân-đội Áo-Quốc đánh lại quân Đức.

— Nhỏ cho mấy cũng không bằng quân-đội của Cộng-Hòa Saint Marin (Âu-Châu) với 11 người.



Tóc trắng, lòng son

Đáng lẽ tôi được vui,
Sau khi đỡ mồ hôi,
Sau khi sôi nước mắt,
Nhưng thật tôi không vui —
Mà vui làm sao được
Khi làm kẻ bên tôi
Như gan bào ruột thất,
Sống điều đứng từng hồi...

Đã mấy chục năm rồi !
Anh này con chết trận —
Chị này chồng thương binh —
Nhà kia nhà chiến nạn
Gia-phong cũng hết thời !
Cây xanh hết còn xanh,
Ruộng vườn nhiều tiếng khóc,
Tre tan măng chưa mọc,
Chim chóc vắng reo cánh...

Nhưng ảo-giác kinh kỳ :
Xây sức-sở xiêm y —

Vây quần-nga nhà phố —
Quay từng-bình xe cộ —
Hương, Sắc, Nhạc mê ly !
Tôi thấy mà vô tri,
Tôi nghe mà ngơ-vực,
Tôi nghĩ mà xót-xa —
Cho nên đầu lao lực
Bát máu đổi bát cơm,
Sau ngày giờ làm việc
Mà ăn chẳng biết ngon,
Mà ngủ không yên giấc,
Cái gì làm héo hon,
Cái gì làm thao-thức,
Cái gì làm trắng tóc,
Cái gì làm mất vui ?
Nhưng tôi biết trong tôi
Lòng son còn nguyên vẹn,
Tôi tin, tin hết sức :
Bao mầm non Đất Nước
Sức Dân-Tộc ngày mai,
Mạnh như mãi trời lên
Phát muôn vạn hào-quang
Xuất muôn vạn sinh-lực...
Đầu cam nin thổ-than,
Đầu đêm đêm trắng tóc,
Đầu ngày ngày không vui,
Tôi tin tưởng nơi tôi,
Lòng bóng hoa vụn gốc
Bao mầm non Dân-Tộc

TỔNG ANH-NHỊ

Kiếp sanh-tử các loài vật

●●● TÍN KHANH

(tiếp theo kỳ trước)

Loài vật sống bao nhiêu lâu ?

KHỔ mà trả-lời dứt khoát. Có thể nói có bao nhiêu loại, là bấy nhiêu kiếp sống. Đại-cương, theo một số nguyên-tắc như sau : Kiếp sống con vật tùy thuộc ở thể-xác nó. Con vật lớn mình sống lâu hơn con nhỏ. Trong giới có vú, loài ăn cây lá hay có nhiều thức ăn khác sống lâu hơn loài ăn thịt. Những con vật chống ăn, chống lớn lại chống chết, ngược lại, những con vật chậm lớn, các bộ-phận trong người phát-triển chậm-chạp lại chết chậm hơn.

Loài vật có máu lạnh thường sống dài hơn vật có máu nóng.

Những con vật diên-hình.—

Con vật nào sống lâu hơn hết ?

Chắc-chắn là chú rùa khổng lồ, sống từ 200 đến 250 năm, và cỡ tuổi ấy, nó nặng 250 ký là chuyện quá thường, không lấy gì làm lạ.

Còn Ông Voi ? ta thấy nhiều con quá lớn, da mốc thính, nhăn-nheo, ta tưởng lầm là đã sống hằng thế-kỷ. Không đâu, ít khi voi sống quá 100 tuổi. Vào khoảng 50 hay 60 tuổi, nó đã «lên lão».

Thời Khải-Định, tại Huế, có một bầy voi dùng để diên-hành trong các ngày lễ lớn của Triều-Đình. Trong số đó, có một con voi rất lớn, dữ-tợn, mỗi năm «nổi lung» mấy lần, phá-tan nhân-dân. Để trị chứng này, người ta phải b.n vào chân nó cho nó bớt phá tán. 10 năm sau nó chết. Sắc phong của triều-đình kể nó sống 600 năm. Tiếc rằng thời ấy chưa có chứng-liệu khoa-học để cải chính lối cho tuổi» vô tội vạ này,

KIỆP SANH TỬ

Có người cho con cá gáy, cá măng sống đến mấy trăm năm. Đó là lối nói vô căn-cứ. Với nhà khoa-học, con cá cũng như các loại cây, có những nét đặc-thù của nó giúp ta nhận ra tuổi tác. Đó là những vòng tròn đồng-tâm trên mang hay trên vảy. Mỗi vòng đánh dấu một giai-đoạn lớn lên của chúng. Thực-tế, cá gáy sống từ 60 năm đến tối-đa 75 năm. Các loại cá khác tương đối lớn ở sông, hồ.... không mấy khi sống quá 15 năm. Con tôm, mình mảnh-khảnh, «cắt lộn đầu» thế mà cũng lè lết kiếp sống thừa không kém các loại trên. Còn cá ngạnh, cá bống, và các loại cá nhỏ khác độ 6, 7 năm là nhiều.

Về loài côn-trùng, «yêu» nhất là giống thiêu-thân. Chúng chỉ sống 5, 3 phút vụn vụn đủ thời-gian nở ra, giao-hợp, gầy giống rồi chết. Một số loài khác đời sống chỉ tính hàng giờ, hàng ngày. Số khác nữa tính từ tháng, từng năm. Thọ hơn hết là nàng Ông Chúa, có thể hưởng cuộc sống ái-ân 15, 20 năm. Nhưng lạ nhất là con mối

rừng, tổ bằng đất cứng, lớn bằng cái xe bò hay có khi bằng chiếc xe hơi, sống đến 30 năm và có khi còn hơn thế nữa.

Về loại chim, con kên-kên, chỉ biết ăn thịt, sống đến 40, có khi nhiều hơn. Con vẹt (két) so với các giống chim, là một kiện-tướng sống lâu — xấp-xỉ đời sống con người. Con cú, đà-diều (autruche) đại-bàng «ăn hại, đại nạt» không kém, sống đến 100 năm.

Các loại chim sống gần-gũi, quen thuộc với ta đều sống vào khoảng từ 5, 6 năm đến 18 năm là cùng.

Sau đây là bảng kê «tuổi thọ» của một số con vật ta từng biết:

— Khỉ	: 50 năm
— Chó	: — (nhiều nhất 25 năm)
— Mèo	: 15 đến 20 năm.
— Chó sói	: 10 — 15 —
— Chồn	: 8 — 10 —
— Heo	: 20 năm
— Dê	: 15 đến 20 năm
— Thỏ	: 8 — 10 —
— Ngựa	: 20 — 35 —
— Chuột, dơi	: 3 — 5 —

- Quạ : 25 — 30 —
- Sóc : 8 — 10 —
- Cóc : 30 năm.
- Rắn mối, các kẻ : 25—
- Nai, : 18 đến 25 năm
- Sư-tử, gấu : 20 — 30 —
- Tê-giác, lạc-đà : 50 đến 60 năm.
- Cá sấu : 40 đến 50 năm.
- Đà-diêu : 60 năm.
- Rắn lớn : 25 năm.

Tuy nhiên, tuổi tác trên đây chỉ căn-cứ vào các loại thú nuôi ở Thảo-cầm-viên hoặc do người bắt nuôi. Vì thế, con số trên chỉ tương-đối mà thôi.

Vả lại, trong loài vật khó minh-định thế nào là sống, là chết. Những con thú như nai, heo, chó, gà... cái chết quá rõ, nhưng với một số vi-sinh-vật con vi-sinh OURS chẳng hạn, cái chết, sống thật mơ-hồ : Con OURS sống trong nước. Nước còn thì nó sinh sống, hoạt-động. Rủi vì hạn-hán, vũng nó ở khô-khệt đi, tự nhiên nó khô theo, mình teo gầy bằng hạt bụi, nằm trong cát, sạn, bất chấp cái «nắng nung người nóng ghê». Nó không chết và có thể ở trong trạng thái này tháng này

qua năm nọ, có khi 5, 10 năm. Thế rồi, một hôm nào đó, ta xúc nó bỏ vào nước. Độ vài ba giờ, nó bắt đầu cử-động, chậm chậm, rồi dần dần nhanh hơn. Nó tái sinh.

Nhân trường-hợp trên đây, kẻ viết bài này xin hiến các bạn mẫu chuyện lý-thú :

Những con rệp lịch-sử

Vào các thời Tiên-triều, tại Kinh-đô Huế, cứ 3 năm một lần, học sinh sĩ-tử từ các nơi đổ về kinh để thi Hương, thi Hội. Có một điều bí-mật, là kỳ thi nào cũng có vài ba thí-sinh bỏ xác nơi xứ người. Không phải chết trong hồ-mắt giai-nhân (học-trò trong Quảng ra thi, Thấy cô gái Huế chân đi không rời) mà chết bất-đắc kỳ tử bởi một nguyên-nhân bí-mật, kỳ lạ không làm sao biết được tại một vụng-lần cũ-kỹ ở góc trường thi. Các quan lấy làm lạ mới cho điều-tra :

— Nguyên vụng lâu này là một lều trống. Tại đây, có một cổ trống rất lớn, đường kính gần 2 thước, vì lâu đời, da bị rách bươm và không có một con trâu

nào đủ lớn để lột da bịt lại. Vì lẽ ấy, trường thi không dùng vụng lâu nay nữa. Quang cảnh hóa hoang-vu, cỏ mọc bốn bề nhưng có điều đặc-biệt là vụng lâu nằm chỗ cao, gió mát lạnh nên các khóa-sinh thường lên đây nghỉ ngơi trong những buổi trưa oi bức.

Cuộc điều-tra lâu lắm mới kết-thúc vì phải đợi qua khóa thi sau để theo dõi các khóa-sinh tại đây. Thi ra, trong vánh trống có một ổ rệp rất lớn, mình khô róm, năm «chết» từng vè, mình con nào con nấy bẹp lép, trông không còn một chút sinh-khi nào.

Chúng nằm như thế trong ba năm trời mỗi đợt. Cứ mỗi độ thi, vào buổi trưa nóng bức... năm ba khóa-sinh lên đây ngủ vài ba giờ rồi trở về chỗ trọ. Trong năm, bảy ngày đầu, hơi người xông lên làm cho đàn rệp tỉnh táo lên, mỗi hôm một ít. Đến khi chúng đã thực sự sống lại, chúng kết thành đoàn, nối đuôi nhau như rắn nhỏ từ trên vánh trống bộ xuống chỗ khóa-sinh nằm chia nhau hút máu. Có lẽ vì lâu ngày

mới cắn—lập luận này có lẽ vững nhất — rệp tiết ra độc — hoặc nhiều con hút hết máu nên gây ra cái chết ấy chẳng, các quan trong ban điều-tra bấy giờ cũng chỉ kết-luận đến đó là cùng.

Từ ngày ấy, ngôi vụng lâu được thiêu-hủy, cái dăm trống vì là báu vật nên được vua Đồng Khánh ra lệnh đem về đặt tại Viện Bảo-tàng của Kinh-đô. Không biết ngày nay, vật đổi sao dời, dăm trống ấy còn không, chứ trước đây, vào thời bình nó được đặt ở hiện Tây-Nam Viện Bảo-tàng Khải-định.

Thầy Đồ và «nàng» rệp. —

Cách nay 50, 60 năm, thời chữ Hán còn thịnh-hành, tại Thanh-hóa, một phú ông nọ rước thầy Tàu về nhà dạy chữ Hán cho bảy con. Ông thầy dạy lưa nấy qua lưa khác, năm nay qua năm nọ, căn-phòng học không thay-đổi, bộ phận ông ngồi vẫn nằm trung-tâm căn giữa, và mỗi lần giảng dạy, ông quen ngồi dựa lưng vào cây cột cái phía bên tả.

Năm ấy, có việc nhà ông phải về Tàu, và mãi đến 10 năm sau mới có dịp trở lại Việt-nam.

Việc đầu tiên là ông trở lại thăm thân chủ cũ. Chủ, khách mừng rỡ gặp nhau, tay bắt, mặt mừng. Họ cũng đã già, tóc râu bạc phều, và bọn môn đồ đã đổ đạt, ra làm quan làm quyền cả. Mỗi lần ngồi nói chuyện với bá hộ, như để sống lại với kỷ niệm xa xưa, ông thích ngồi ở chỗ cũ, dựa lưng vào cột và câu chuyện thao thao bất tuyệt. Một hôm nọ, cũng trong loạt những câu chuyện cũ, ông kể lại lúc ngồi đây, ông thường bị một con rệp chích vào lưng. Ông đã tìm thấy nó thường vào ra một chỗ nứt của cây cột đúng ngay sau lưng ông nhưng ông không nỡ giết vì thương, vì dung-dưỡng nó. Lâu ngày thành thói quen, để nó chích một ngày một vài lần thành thú vui, vắng thấy nhớ. Vừa nói ông vừa chỉ cho ông bá-hộ thấy chỗ nứt, và sẵn cây tăm hương xỉa răng, ông tiếp :

— Hay là sẵn đây tôi soi tìm thử xem ?

Ông xoi một lúc. Quả nhiên tìm ra «cổ-nhân» mình đẹp lép, khô, đen xám. Ông ra vẻ mừng rỡ, để cổ-nhân vào lòng bàn tay, nhìn chăm chú, âu yếm, hạch

tội «nàng» với một giọng khò khài.

Một lát sau, bỗng «nàng» cựa quậy, ông vui quá, đưa ngón tay diu «nàng» đi lại bàn tay ông. «Nàng» bắt đầu ngừng nguẩy làm duyên, lúc đầu chậm chậm rồi lần lần nhanh hơn. Và để đền ơn cái tử hoàn sanh của ông đồ xưa, nàng «mì-mì» vào lòng bàn tay ông đồ xưa một cái.

Chỉ mấy phút sau, ông sờ cảm thấy xây-xâm mặt mày, tìm đập thỉnh thỉnh, ông ngã xuống phàn, sùi bọt mép. Tối hôm đó, ông qua đời.

Sự việc về sau ra sao, và «cái ghen» của nàng rệp trong vụ ăn bí-mật này có được khám phá không.., không thuộc phạm-vi câu chuyện này.

Loài vật có cần ăn không. —

Không ăn tất nhiên không con vật nào sống được. Tuy thế, cũng có đôi thừa trừ. Như những con rệp vừa kể trên chẳng hạn, chuyện thật mà ai cũng biết — liệu có đúng không hay cũng là chuyện thừa trừ ? Một số

con vật nhỏ bé như con phù-du, con bướm đêm v.v... kiếp sống không quá vài giờ đồng hồ thì dường như ăn không thành vấn-đề vì không tìm thấy miếng mồi nó đâu cả.

Nói chung, mọi loài vật có thời-gian sống ngắn hay dài khác phải ăn mới sống. Trong dân gian thường truyền-khẩu có nhiều con vật không ăn. Đó cũng đúng một phần vì ít nhất người ta cũng đã căn-cứ vào những sự-khiện hiện hữu.

Có nhiều con vật ít ăn đến nỗi ít ai thấy chúng ăn. Rỉn chẳng hạn, 10, 12 ngày mới ăn một lần mà cân vẫn không nhẹ đi kilô nào. Con trăn rừng thường ủ mình trong lá khô ven những đường thú vật thường đi để bất tỉnh-lĩnh chụp bắt con vật vô phước dẫm phải đồng lá. Nhưng, nếu tháng này qua tháng khác, không một con vật nào đi qua, nó cũng đành chịu vậy, nằm không nhin đói mãi. Cho nên có câu tục-ngữ : «nằm ngủ như trăn» không phải là không căn-cứ. Con cá măng chỉ ăn được khi ở nước mặn

nhưng oái ăm thay, nó phải ngược về nguồn để sinh đẻ. Trong suốt cuộc hành trình gian-nan hằng mấy tháng trời, nó nhin đói, bao-tử teo lại, và đến ngày đẻ xong, bao tử chỉ còn dung-tích không chứa nổi một con tép con. Xong nhiệm-vụ truyền giống, nó trở về biển, chừng ấy, bao tử lại giãn ra như cũ.

Các loài chim thuộc giống bạo ăn nhất, ăn mấy cũng được, ăn không bao giờ «miệng đầy không» nhưng ngược lại, cũng có loại Đồn-đực (pingouin) khi con trống đã chọn xong «hoàng-hậu» và đưa đi lập tổ uyên-ương, cả hai anh chị đều nhin ăn mãi cho đến ngày sinh đẻ xong, thời-gian từ 18 đến 28 ngày.

Một con ốc sên nọ tại viện Bảo-tàng Động-vật-học Ba-Lê được xem là có tài nhin ăn hơn hết. Một thời-gian sau, tưởng nó chết không ai chú-ý đến. Bỗng một hôm, nó cử-động rồi bò đi kiếm ăn. Xem lại ngày ghi bắt và giam nó tính vừa đúng 3 năm.



Tình con VƯỜN

trên Tuyết Lĩnh Sơn

★ NGUYỄN-TIẾN-TRỢ

ĐỜI Hán Võ Đế có một vị quan văn lỗi lạc tên là Tô-Vũ hiệu là Tử-Khanh người ở đất Đỗ-Lãng. Tánh khí thanh liêm, lòng ngay thẳng cương trực. Có lẽ vì thế mà lũ nịnh thần ghen ghét muốn vu họa cho ông, nhưng chưa có dịp.

Nhân quân Hung Nô quá mạnh làm cho Hán Vũ Đế lo ngại. Vì thế, Ngài muốn cầu hòa,

Lũ nịnh thần nghe vậy liền đồng tình tâu Vua cử quan văn là Tô-Vũ đi sứ. — Tô-Vũ biết chúng đưa mình vào chỗ chết (vì rợ Hung Nô rất dã man) nhưng ông là một vị tôi trung, khi nghe Hán Võ Đế giao sứ mệnh đi sứ sang Hung Nô cầu hòa nên ông phải nhận ngay.

Tô-Vũ vượt biên giới lên đèo

qua núi trải qua biết bao cảnh gian nan nếm mật nằm gai, suốt rừng điệp điệp trùng trùng. Vì sinh mệnh của đất nước của nhân dân và lòng trung liệt của Vua nên Tô-Vũ không sờn lòng, lại vững niềm tin và rắn chắc như một vị võ tướng, cuối cùng ông đã đến đất Hung Nô.

Chúa Hung Nô là Thuyền-Vu nghe tin sứ thần của Hán Võ Đế đến liền sai Lê-Luật và Lý-Lan (hai người này nguyên là tôi của Hán Võ Đế) lúc bấy giờ sợ quân Hung Nô nên đã về đầu Thuyền-Vu, nay được cử ra tiếp dụ cho được Tô-Vũ về đầu Hung Nô.

Tô-Vũ nghe nói vậy liền mạt sát hai kẻ phản quốc : Lê-Luật và Lý-Lan. — Chúng liền tâu lại với chúa Hung Nô là Tô-Vũ không chịu hàng còn mắng chửi

TÌNH CON VƯỜN

Thuyền-Vu là rợ Hung Nô. Thuyền-Vu nghe vậy giận lắm liền bắt Tô-Vũ bỏ vào hang kín ba ngày không cho ăn uống gì cả, cố ý là để cho chết đói.

Tô-Vũ nhờ dùng sương đọng trên những tảng cỏ nên ba ngày ở hang mà không chết, trái lại thấy thấm giọng nhờ nước sương làm mát lòng. Sau ba ngày Thuyền-Vu mở hang ra thấy Tô-Vũ vẫn sống nên đâm hoảng và cho Tô-Vũ là Thần nên không dám giết, chỉ đẩy Tô-Vũ lên miền Cực Bắc để chôn dè.

Thế là Tô-Vũ bị đẩy đi lên miền Cực Bắc ở hòn núi Tuyết Lĩnh Sơn — nơi đây băng tuyết giá lạnh sinh vật ít sống được, mùa tạnh cây cỏ cũng không sống nổi thế mà Tô-Vũ phải đến. Chung quanh núi điệp điệp trùng trùng, ôi thật là cô quạnh !

Nhiều ngày lênh đênh trên sông nước, nhiều ngày vượt núi trèo non trầy da tróc vẩy cộng thêm cái lạnh ghê hồn của miền Cực bắc.

Ôi rừng thăm, ôi núi cao !

Tô-Vũ bị đói rét, bị nhiễm gỏi sương, nên kiệt sức, vừa đến Tuyết Lĩnh Sơn chàng lè bước không nổi nữa đành ngã quỵ trên băng tuyết đá ngàn và chết giấc bao giờ không hay.

★

Khi mở mắt ra Tô-Vũ thấy một con Vượn to lớn như người đang áp trên mình chàng, lòng nó che ám người chàng mềm mướt như nhung gấm. Con Vượn thấy chàng tỉnh dậy nó mừng vô cùng và hú lên những tiếng sung sướng — Tô-Vũ nghe âm thanh của Vượn vọng lại làm ấm tai chàng.

Thế là Vượn bưng nước chàng uống trao trái cây chàng ăn, nó quuyển luyến bên chàng không rời một tấc.

Ăn uống xong chàng thấy khỏe người, nhưng tuyết rơi lạnh vẫn làm chàng run và còng cả tay chân, Con Vượn choàng vai chàng gật lia lịa rồi nó ôm chàng đi vào một hang đá lớn rộng.

Tô-Vũ không ngờ nơi đây lại có một động đẹp thấy này —

chung quanh đá núi bao phủ, những hoa cỏ lạ lùng mọc trước động, trên động, và trong động có một mùi thơm của loài dị thảo làm ấm lòng người.

Vườn dẫn chàng đi quan sát trong động, ôi lạ thay, ai kết được những thảm cỏ xanh mướt thành những cái nệm dễ nằm? Ai trang hoàng như một điện ngọc của vương chúa? Chỉ khác là không có quan quân hầu cận, không có đèn hoa sáng nhưng lại có những viên đá sáng lờ, đó đây chiếu rõ lòng động, lòng động sạch sẽ và ấm vô cùng. Chàng không ngờ nơi Tuyết Linh Sơn có một cảnh đẹp thế này, đôi lúc chàng lấy tay sờ mặt để biết mình tỉnh hay mơ, để biết thực hay ảo.— Không. Quả đúng là thực, có khác gì cảnh tiên giới đâu. Hay chính nơi đây là cảnh thần tiên, rồi chàng quay lại nhìn Vườn, Vườn sung sướng gục đầu trước sự ngạc nhiên của Tô-Vũ.

Chàng biết cảnh này là cảnh thiên nhiên mà Vườn lại biết cách trang hoàng mới lạ chứ.

Bỗng Vườn lôi chàng lại một bên và chỉ giòng suối, Tô-Vũ lại ngạc nhiên hơn về giòng suối đó— có sao mạch lại đi trên đá cao, nước suối trong vắt sâu chưa đầy hai sải tay, dưới đáy những viên sỏi, viên sạn đủ màu, lấp lánh như những vì tinh tú, vài con ếch, vài con cá trao qua liếc lại thật là đẹp, thật là thơ. Giòng suối ẩn sâu vào gành đá núi, chiều ngang độ ba sải. Vườn ra dấu cho chàng đứng đợi rồi nó nhảy xuống chui vô gành đá mất dạng. Tô-Vũ lại ngạc nhiên hơn— nước chỉ có ngần đó mà Vườn lặn nơi nào? Chàng đang sốt ruột bỗng thấy Vườn chui qua giòng nước vào suối rồi trôi lên cười. Vườn ta trao cho chàng bốn trái đào chín đỏ, một loại đào khác lạ đối với đất Hán của chàng. Tô-Vũ hoang mang tự hỏi: Đào ở đâu mà có dưới gành nước? Hay lặn qua con suối chìm này bên kia có rừng, chàng đang lưỡng-lự nghĩ vậy thì con Vườn như hiểu sự hoang mang của chàng, nên nó ra dấu: chỉ tay xuống lòng suối và đưa tay ngang vô gành rồi đưa ngược

đầu tay lên, Tô-Vũ hiểu ý, quả đúng bên kia có rừng, chỉ cách con suối ngầm của động này mà thôi.

Vườn dắt tay chàng về chỗ ngủ, quả thật là một chỗ ngủ ấm cúng, mùi thơm của loài dị thảo bay thoảng qua. Chàng ngồi trên một tảng đá phẳng lì trên đó có một thảm cỏ như nhung trải ra, Vườn ta đặt trước mặt chàng nhiều loại trái cây hiểm hoi, nó bung hai cốc nước bằng đá để lên trên—thế là bữa ăn của hai người bắt đầu.

Tối đến Vườn áp chàng ngủ, nó thức đề canh chừng giấc ngủ, nó hay vỗ về chàng.

Và từ đó Tô-Vũ vui sống bên con Vườn thân yêu như vợ với chồng. Vườn ta lo cho chàng đủ thứ, nâng niu chàng từng tí, ngày ngày đi hái trái cây, đêm đêm tâm sự hay dạo canh trong núi ngàn mây bạc.

Những đêm trăng tỏa màu thanh dịu phủ cả động tĩnh, của núi Tuyết Linh Sơn, Vườn ta thường ngồi bên cạnh chàng

nhìn trăng hay áp chàng trong người những lúc băng tuyết bắt ngờ.— Cảnh núi rừng hoang vắng nhưng đẹp thay, cảnh hùng vĩ thâm sâu, cảnh tuyết phủ lưng đồi, cảnh điu hiu quạnh quẽ của những đêm trăng đục trời.

Tô-vũ sống nhờ Vườn, Vườn sống nhờ chàng. Thời gian êm ấm trôi qua Vườn và chàng sống mật thiết với nhau. Sống êm đẹp vô cùng bên cảnh thơ mộng, chim muà ca, hoa đón chào vợ Vườn chồng Tô.

Ôi thanh bình biết bao, ôi đẹp thay vợ Thái chồng Người.

Thế rồi nàng Vườn sinh hạ cho chàng được hai đứa con trai giống cha như đúc và đặt tên là Tô-Duyệt và Tô...

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chính PENICILLINE - G.

Từ khi sinh được hai con tình Vượn nghĩa Vũ, thêm keo sơn khấn khít — nhất là Vượn thương con đáo đẽ, bú mớm cho con thật kỹ hơn người, công trình nuôi con của Vượn thật là kỳ diệu hơn một người hiền mẫu.

Những ngày trái trời hai con chuyển bệnh Vượn mẹ ẵm và săn sóc không rời từng phút, Vượn thức suốt cả một đêm để ở bên con. Nàng không ăn không uống chỉ mong cho hai con mau lành, khi hai trẻ đã khỏe mạnh nàng quay lại săn sóc cho chàng. Thật là một sự hiếm có của loài thú.

Thời gian trôi qua trên Tuyết Lĩnh Sơn Tô-Vũ sống bên hạnh phúc của vợ và hai con, nhưng rồi mùa đông lại đến những con chim nhạn kêu sương bay về ở Tuyết Lĩnh Sơn làm Tô-Vũ động lòng nhớ quê hương ở đất Đố-Lăng và chúa Võ-Đế.

Thường thường chàng ra khỏi động dạo quanh triền núi nhìn những giòng nước bọt phoi màu sương những làn sóng dấy dựa chảy út mù xa, chàng trầm ngâm

hương về cố quận — ôi quê hương xa tít xa mờ, ôi đất Đố-Lăng yêu dấu, ôi Hân Võ Đế triều xưa. Lòng chàng đã vọng tưởng mà chim nhạn lại kêu gọi thúc giục lòng nhớ nước của chàng. Tô-Vũ chẳng biết gì hơn bằng cất ngón tay lấy máu viết một bài thơ nói hết tâm sự mình với Vua, với cố quận để nói lên lòng trung của mình vì vậy bị đày ở miền Cực Bắc xa xôi nên phải dành lối đạo Vua tôi. Viết xong thơ chàng cột thơ vào chân chim nhạn nhờ nhạn bay về Đố kinh, cũng nhờ vậy mà Hân Võ Đế mới biết chàng còn sống và hiện đương bị đày ở núi Tuyết Lĩnh Sơn. Vua được tin bùi ngùi cảm động một vị tôi trung gặp nhiều cay đắng bởi vận nước.



Vượn ta lo ngại vô cùng vì nàng biết Tô-Vũ buồn và muốn bỏ nàng quay về đất liền. Nhiều đêm ngồi bên Tô-Vũ. Vượn bỗng con khóc rưng rưng. Nàng vuốt ve âu yếm hai con, rồi nhìn chàng nước mắt nàng vẫn chảy. Tô-Vũ cảm lòng không đau phải

khóc theo và phải dỗ dành nàng.

Nàng Vượn đã biết nói tiếng người với Tô-Vũ :

— Anh định bỏ em mà đi sao !

Tô-Vũ lắc đầu buồn bã mà không trả lời, chàng chỉ vuốt tóc Vượn trong yên lặng trầm ngâm.

Thế rồi thời gian vẫn đi, tuyết vẫn rơi phủ ngọn núi Lĩnh Sơn, tình Vượn nghĩa Vũ vẫn đẹp vẫn nồng thắm nhưng có chiều buồn bã vì lòng chàng nhớ quê, nhớ chúa. Còn nàng? Nàng buồn vì sợ Tô-Vũ bỏ đi, rẽ tình rẽ nghĩa. Nàng Vượn cứ mãi mãi canh chừng những bước đi của Tô-Vũ.

Mùa đông lại đến, chim nhạn bay về thúc giục lòng chàng nhớ quê cha đất tổ. Chàng ước mơ về lại mái nhà xưa — không lẽ ta phải chết già nơi đây hay sao !

Tô-Vũ buồn bã cứ ngỡ mình sẽ chết già trên ngọn Tuyết Lĩnh Sơn nhưng không, một sự vui mừng đã đến với đời chàng.

Một hôm như mọi ngày chàng nghe chim nhạn kêu liền ra đứng

ngắm giòng sông mắt hướng về đất tổ. Thì từ xa, quả thật mắt chàng không mờ, những cánh buồm lướt sóng tiến đến Tuyết Lĩnh Sơn. Chàng ngạc nhiên tự hỏi : Ai lại vượt đến miền này ? Nhưng lòng chàng khắp khởi mừng vì sắp gặp người ở đất liền đến.

Nhưng không, Tô-Vũ không ngờ đó là thuyền của Sứ-giả Hán-võ-Đế đến đón chàng. — Chàng mừng như vọt ra ngoài khi sứ-giả cho hay tin : Sau mười chín năm chinh chiến, Thuyền-Vu chúa Hung Nô giảng hòa với nhà Hán và chàng mới được thả về đất cũ. Tin ấy làm Tô-Vũ mừng ngất xỉu.

Vừa lúc đó Vượn ta chạy đến đỡ chàng, sứ-thần ngạc nhiên nhìn con đã-nhân giống người với cặp mắt ngơ ngác kinh ngạc.

Tô-Vũ dẫn sứ thần về động và thuật lại đầu đuôi câu chuyện sau 19 năm bị đày.

Sứ-thần nghe cảm động nhưng ông nói với Tô-Vũ chẳng qua nó là một con thú, quan Tô lưu huyấn làm gì, hãy lên thuyền

mà về triều để Vua mong đợi
bạn đợi chờ,

Tô-Vũ bần khoản, lòng rối:

— Đi khôngặng.

— Ở không xong.

Sứ-thần thúc mãi, quân tri Tô-Vũ nghe và đi theo lên thuyền, Vượn ôm hai con hót hải chạy theo gần đường không cho Tô-Vũ đi. Vượn khóc và níu chàng lại. Tô-Vũ lòng đau vô kể nên phải quay lại động. Sứ thần về động lập mưu với Tô-Vũ:

— Tối nay, tôi đem thuyền ra xa để Vượn khỏi nghỉ ngơi. Còn quan cứ ở đây sáng hay chiều mai ta sẽ lên đường với kế hoạch sau đây:

Vượn cái vốn thương quan và con, nên quan bị cái gì là sai nọ đi ngay. Sáng hay khuya này quan giả đồ, đau bụng, ôm bụng lăn lộn quần quai tất Vượn ta sẽ hoảng mà săn sóc, khi nó hỏi thì quan bảo bệnh nan y khó chữa lắm, chắc là tôi phải chết. Nhân lúc đó Ngải sai Vượn tìm cho được một loại trái cây khó kiếm hoặc quế

thanh mới chữa được bệnh này. Những thứ đó nơi đây làm gì có, nhân lúc Vượn đi vắng quan chạy ra gành sông tôi sẽ cho ghe cập bến và Ngải nhảy lên thuyền đi là xong.

Tô-Vũ nghe kể ấy cho là hay. Hai người giả bộ từ giả — Quả thật Vượn ta mừng ra mặt vì người ấy đi rồi thì chồng nàng bắt buộc ở lại với nàng. Nhưng vốn một loài linh trí nên nó thức canh chừng suốt đêm.

Mãi đến sáng Tô-Vũ ôm bụng; mặt nhăn nhó Vượn ta hoảng run lên mà vuốt ve chàng? Tô-Vũ rên hừ hừ... chắc tôi phải chết, nàng cố nuôi hai con. Bệnh nan y ngày cũ bộc phát, nơi đây làm gì có thuốc để chữa: Vượn ta nghe vậy hốt hoảng ôm chàng khóc nức nở. Nàng hỏi; nơi đây có thứ gì để cứu quan được không?

— Nàng cố tìm cho được quế thanh và đào chín trong mùa này (mùa ấy đào chưa chín, cốt ý nói cho khó để Vượn đi tìm lâu) thì may ra cứu vẫn được mạng tôi.

Vượn ta nghe vậy thương

chồng quá đổi, liền âm hai con nằm bên cạnh chồng mà vuốt ve rồi hôn đảo hôn để, đoạn nàng nhìn Tô-Vũ ra chiều âu yếm và áp chàng vào ngực trước khi lên đường tìm thuốc.

Vượn ta chạy hết tốc lực vào núi cao rừng thẳm để tìm quế thanh và đào chín, chứ miền ngoài đâu có.

Trong lúc Vượn đi rồi Tô-Vũ liền cõng hai con chạy ra bờ sông, thuyền đã đợi sẵn rồi. Nhưng lòng chàng vẫn đau nhói vì tình nghĩa vợ chồng với Vượn ơn sâu nghĩa nặng. Nay ra đi đành bỏ nàng lại.

Tuyệt Linh Sơn cô quạnh! Nghĩ vậy chàng chùng bước.

Sứ-giả thúc chàng gấp lên — Tô-Vũ lại ngật ngưỡng vì Vượn ở với chàng thật chí tình, còn nặng hơn tình loài người đối với nhau. Thật hiếm có trong đời này, hơn nữa Vượn đã cứu chàng chết lạnh khi mới bị dầy đến đây, nay nữ đàn bà bỏ nàng ở lại một mình ở Tuyệt Linh Sơn cô quạnh.

Nàng sẽ chết héo vì nhớ ta

hay nhớ con, hay ta để con lại cho nàng!

Bỗng tiếng người sứ-giả thúc giục chàng phải lên gấp mạn thuyền. Vừa lúc đó Vượn ta đem quế với đào về, thân mình nàng xơ xác bơ phờ trông rất tội nghiệp.

Đến nơi chẳng thấy chồng chẳng thấy con! Nàng kêu vang cả núi rừng không thấy trả lời— linh tính báo cho nàng biết một việc gì đã xảy ra! Nàng đem hết sức lực chạy ra ghềnh sông.— Quả đúng Tô-Vũ và hai đứa trên thuyền, nàng réo gọi, khóc la, vẫy tay gọi chàng. Tô-Vũ lòng đau như cắt, Vượn chạy theo rồi nhảy xuống sông bơi theo thuyền, vừa gọi chồng con vừa khóc.

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bao chế theo
công thức Hòa-Lan

Tô-Vũ ngồi trên ghe đứt từng đoạn ruột. Sứ thần la lớn:

— Đây là loài thú thì ở lại rừng núi là phải, làm sao cùng về triều với quan Tô cho được mà đuổi theo? Nói rồi lấy sào đập Vườn mấy cái, Vườn khóc và nắm được cây sào bẻ đôi. Sứ thần lấy sào khác đập nữa nó kêu lên, nước mắt trào ra rồi bỏ thuyền bơi vô bờ...

Tô-Vũ ngồi trên diềm cả người. Vườn lên bờ chạy men theo triền sông của chiếc thuyền mà vờ gọi... cốt ý nhìn con và Tô-Vũ, nàng kêu khóc thảm thương.

Thuyền càng xa lần Tuyết

Lĩnh Sơn, Vườn chạy theo rồi bóng nhỏ dần nhỏ trên sườn núi. Nước mắt thấm thương khóc mất chồng mất con! Khóc cho người chồng phụ bạc, đau lòng cho con cách biệt, tình mẹ nuôi dưỡng bao năm, từ đây... thế là hết!

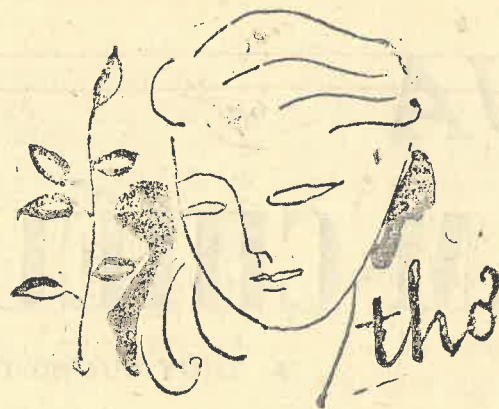
Thuyền cứ thuận buồm mà xuôi mặc cho Tô-Vũ chết ngất.

Sau những ngày lênh đênh, Thuyền cập bến. Tô-Vũ mừng rỡ... quê hương chàng đã đến, triều đại của Vua chàng là đây. — Ôi, mười chín năm cách biệt, giờ mới trông lại đất liền, ôi sung sướng biết bao.

(còn nữa)

✧ TỤC NGŨ PHÁP

- Chassez le naturel, il revient au galop.
(Đuổi cái thiên-lĩnh đi, nó sẽ chạy sông sọc trở lại)
- Trop parler nuit, trop gratter cuit.
(Nói nhiều qua thu có nại, gãi nhiều quá thì trầy)



Bài ca đưa tiễn

Gặp em một tối u. buồn
Ta ngồi đối diện gọi hồn cho nhau
Tình người cất lấy mai sau
Chừ xuân quan tái — chim đầu ngô kêu
Cuộc trình ta mãi cô liêu
Đêm về gọi nhớ tim kêu ngọn đèn
Thấp lên đốt cháy đêm đen
Cho tàn mù mẫn và quên chuyện đời...
Đêm về sương rũ lên ngôi
Ta úp mặt khóc thay lời tiễn đưa
Chờ trong nắng sớm chiều mưa
Con chim gọi bến — đồ xưa đầu rồi
Qua sông vắng bóng một người
Mình ta u-đọc giọng cười chát chúa
Thuyền nan lướt sóng đuổi xưa
Chiều trông tim mắt ta vừa gọi ai!..

NGÔ-CANG

(Huế)

VUA NAM-CHIẾU

★ THÙY DƯƠNG-TỬ

Vì sao dân Quảng-Nam ngày trước thường dọa trẻ khi chúng khóc ?

— Vua Nam-Chiêu đó đấy —
Tức lũ trẻ phải nín ngay.

— Vì sao dân Quảng-Nam ngày nay vẫn còn nói sông Trà-Khúc bên trong bên đục như màu máu loãng ?

— Cho đến bây giờ dân Quảng Nam ở hai làng Giáp Năm và Giáp Sáu (Ngũ-Giáp và Lục-Giáp) vẫn gọi chiếc TÌ HI chứ không dám gọi chiếc CHIẾU ?

— Lý do nào vậy ?

Đó là những câu hỏi được gọi lại trước khi tôi viết chuyện : Vua Nam-Chiêu hay là BẾ CHIẾU LÀM VUA cũng vậy.

Theo lịch-sử thì không thấy nói đến vua Nam-Chiêu xuất thân ở sông Trà-Khúc Quảng-Ngãi (?) mà chỉ nói đến giặc Nam-Chiêu ở Giao-Châu hay Cao-Biên (đời Đường) đánh dẹp nước Nam-Chiêu ở Tây-Bắc đất Giao-Châu (một đoàn quân ở hợp : Thái, Mường, Mán, Mọi, Việt, vân vân).

— Theo dân Quảng-Nam, thuộc tầng lớp Bô-lão thuật lại chuyện này thì mười người đều

VUA NAM CHIẾU

giống như một. Và xác nhận Vua Nam-Chiêu xuất thân ở Sông Trà-Khúc dưới chân núi Thiên-Ấn Quảng-Ngãi là có thật. Vua Nam-Chiêu đã cử binh đánh rốc quân Tàu khố Giao-Châu, Nam-Chiêu đánh thâu đến Quảng-Đông Quảng-Tây và lấy Giao-Châu làm đích dưỡng quân để sau này tiến đánh nước Tàu.

Một điều đáng chú ý ; đáng ghi nhận, theo lời của nhà thuật sử Nguyễn-Mẫn tức là Lương-Y Nguyễn-Mẫn kiêm soạn giả và đạo-diễn tuồng hát-bội ở Quảng-Nam nói rằng : Ông đã thuật chuyện Vua Nam-Chiêu ở Tàn-Cổ-Viện Hà-Nội và được Tàn-Quốc-Viện chép lại và lưu trữ tại viện này vào năm 1936.

Như vậy giữa nhà viết sử và thuật sử có một sự mâu thuẫn trong câu chuyện Vua Nam-Chiêu đánh giặc Tàu.

Riêng tác giả không dám bàn cãi về sự vụ này. Chỉ viết ra đây với những điều sưu khảo dấu tích hiện còn ở Quảng-Nam như câu :

«Tọa ấn Bình Sơn» câu này viết bằng sơn trên bia đá và đem trấn ếm trên chót núi Chúa (một ngọn núi cao nhất ở Quảng-Nam, lại có nhiều truyền thuyết và sự bí ẩn hiện còn ở trên núi này).

Dưới chân núi Chúa có một giòng sông phát xuất từ Mộ-Long Quế-Sơn tức là Đức-Dục bây giờ và trở ra sông Hàn Đà-nẵng. Khu vực này trước kia Cao-Biên đã tìm ra Hàm Hồng hay còn gọi là Cửu-Khúc Hồi Hoàn. Hay ở sông Trà-Khúc Quảng-Ngãi cũng bị Cao-Biên ếm bằng gương vàng trên gương khắc câu : «Trăm Long Trà-Khúc».

Và hiện nay miếu thờ Vua Nam-Chiêu ở Giáp-Năm (Cổ Cò) thuộc làng Thanh-Quất phủ Điện-Bản tỉnh Quảng-Nam.

Những điều sơ lược trên chúng ta không thấy Sử chép hay nhắc nhở bao giờ (?)

Dù đây là chuyện Dã sử hay chuyện có thật mà chúng ta chưa tìm ra đích thống, chỉ còn chờ thời

gian xác nhận rõ, nhưng chúng ta phải hành diện về phong thủy và địa lý Việt-Nam. Một cuộc đất lạ lùng nhất thế-giới, một cuộc đất có rất nhiều long mạch, hăm rống, nơi phát xuất nhiều nhân tài quán chúng ngày nay thế giới phải kính phục.

Riêng giới trẻ Việt-Nam các bạn phải hành diện về câu chuyện BẾCHIỆU LÀM VUA đã mang một tinh thần vĩnh cửu về nòi giống Tiên Rồng.

Các bạn đọc để biết, đề hiểu giá trị Lịch sử Việt-Nam.

Địa thế ban đầu

Bên ni bờ sông Trà-Khúc dưới chân núi Thiên-Ấn, những mái nhà tranh chái rạ của đám dân nghèo phơi mình dưới bầu trời nóng bức. Dân cư thưa thớt, chung sống với nhiều sắc tộc : Việt, Thái, Mường, Mán, Mọi...

Trong đám dân ấy có hai vợ chồng nghèo khó, chỉ sinh hạ được một nàng con gái không xấu, không đẹp. Nàng rất trung

bậu với bà con làng xóm, rất chí hiếu với cha mẹ — Mặc dầu tuổi đã ngoài hai nhưng nàng quyết không lấy chồng, từ khước mọi mai mối, chỉ ở vậy nuôi dưỡng song thân.

Chuyện xảy ra trên bờ sông TRÀ-KHÚC vào buổi trưa hè

Như mọi ngày, nàng Thiệu-Khôi cứ vào đứng bóng quây đôi gàu nan ra sông gánh nước. Gặp lúc khí trời nóng bức, nàng cời trướng mà tắm. Bất ngờ từ dưới sông sủi một con Rái to lớn như người trời lên. Thiệu-Khôi hốt hoảng chạy lên bờ chưa kịp thì đã bị Rái ta vạt xuống hăm hiếp, nàng bất lực nên đành im lặng mặc cho Rái làm gì thì làm.

Bỗng đám dân chài từ xa chạy đến, người dầm kẻ sào miệng la oí oí.

— Rái ăn thịt người, Rái ăn thịt người — Mau lên, mau lên bà con ơi !

Thế là tất cả xúm lại đập Rái chết ngay tại chỗ.

Xong rồi đám dân chài quay về công việc của mình. Rái chết năm đó. Nàng Thiệu-Khôi mặc đồ im lặng, quảy gánh nước quay về. Mọi người ở nhà, ở xóm không ai hay biết gì cả.

Thế rồi ngay đêm đó Thiệu-Khôi trần trọc mãi không ngủ. Nàng bỗng nhiên thương và nhớ Rái một cách kỳ lạ.

Thời vừa hừng sáng, nàng đã ra bờ sông tìm xác Rái. May quá, xác Rái vẫn còn. Nàng cẩn thận phủ vào mình Rái một tấm khăn đen và đào cái chôn Rái ngay chỗ nàng bị hăm qua.

Tâm sự của nàng THIỆU-KHÔI

Thời gian đã trôi qua, mùa Thu đến. Những ngày gió lạnh mưa ngâu rây buồn chái rạ lều tranh. Nàng Thiệu-Khôi càng buồn bã-bao nhiêu thì lòng nàng càng nhớ Rái đậm đà bấy nhiêu,

Nàng Thiệu-Khôi bị phỉ báng với cái tin : không chồng mà chửa, gái trác nết hư thân. — Ngay trước nàng được ca tụng hiếu

thảo đoan trang bao nhiêu thì trái lại ngày nay nàng bị mặt sát thăm tề bấy nhiêu.

Cha mẹ nàng buồn khổ, bị nhục nhả vì cái bào thai mà nàng đương mang trong bụng ! Nhiều lần cha mẹ nàng gạn hỏi nàng cố tìm cách dấu diếm sự thật. Nhưng cuối cùng nàng phải nói ra về chuyện con Rái lấy nàng. Và bào thai này tác giả chính là Rái.

Ông bà nghe nàng thuật lại chuyện cũ mà ngậm ngùi thương số phận con gái mình. Từ đó, ông bà bảo nàng phải cẩn thận đề săn sóc bào thai cho đến ngày sinh nở. — Nàng cảm động thương cha thương mẹ nhiều hơn. Nhân dịp ấy nàng xin ông bà cho phép mình mang hài cốt

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

của Rái về an táng nơi khác, chứ chôn ở bờ sông sợ mưa to gió lớn mà cuốn trôi thân Rái tội nghiệp.

Người cha nghe nàng nói vậy thì vui lắm mà khen nàng là người ăn ở chí tình với Rái, ắt phải sinh con thông minh lạ đời.

Nàng Thiệu-Khôi ra bờ sông vào buổi tinh sương dào dạt và hốt xương Rái bỏ vào mo cau đem về nhà. Nàng thương Rái quá độ nên không dám chôn dấu hết, sợ mất vết tích của chàng ta.

Nàng Thiệu-Khôi gói kỹ hài cốt chàng Rái và treo mo cau trên giàn bếp, cốt yếu của nàng là : để được thấy chồng hàng ngày khi thổi cơm nấu nước.

Rồi một hôm nàng chuyển bụng nở nhụy khai hoa, sinh ra một cậu bé kháu khỉnh, mặt mày giống mẹ, thân mình giống cha. Ông Ngoại bà Ngoại và nàng Thiệu-Khôi cưng nó vô cùng.

Thế là cậu bé được chào đời bên giòng sông Trà-Khúc dưới chân núi Thiên Ấn. Và chính cậu

cậu bé này đã tạo nên huyền sử, đã sử hay thật sử sau này mà chúng ta đang nói đến.

Cậu bé dị kỳ

Vừa tròn một tuổi cậu bé đã biết chạy, biết nhảy. Tác động khác thường đối với con nít của dân gian. Cậu ta thích ngâm mình trong ghe (lư) nước hay chậu và thau.

Một buổi trưa nàng Thiệu-Khôi bỗng cậu ra sông tắm. Cậu bé thoát ra tay mẹ bơi ra ngoài sâu rồi chìm ngìm. Nàng Thiệu-Khôi hốt hoảng la cầu cứu, mọi người nghe chạy đến, kẻ chèo ghe người lặn tìm mãi suốt một buổi trưa nhưng không tìm ra xác. Nàng Thiệu-Khôi khóc nức nở, làm cho ông cụ bà cụ méo mó khóc theo.

Mọi người tàn nát ra về...

Bỗng từ ghềnh sâu cậu bé chui lên lặn vào bờ ôm mẹ mà cười. Làm ai nhìn thấy cũng hốt hoảng

ngạc nhiên đồng hỏi :

— Nó ở đâu mà ra ?

— Nước xoáy và lớn thế kia làm sao nó sống được ?

Những câu hỏi tiếp theo được đặt ra mỗi lúc mỗi nhiều. Nhưng rồi cuộc không có câu trả lời cho những câu hỏi nêu trên. Mọi người hoang mang ra về mà không ngớt bàn tán.

Kể từ đó tiếng đồn lan ra và mọi người bắt đầu chú ý đến cậu bé con nàng Thiệu-Khôi.

Thời gian bao lâu không rõ, thiên tai lại đến. Hầu hết mùa màng bị bão lụt làm hư hại rất nhiều. — Gia đình nàng Thiệu-Khôi lâm vào cảnh túng quẫn đành phải để bé Chiếu đi chăn trâu cho một nhà giàu có ở làng trên lấy gạo về nuôi cha mẹ. Năm ấy cậu tròn mười tuổi.

Bé Chiếu thường ngày tự tập trẻ con lại mà bơi lội, lặn hụp suốt ngày hay phân chia hai bên đánh giặc giả với nhau. — Lũ trẻ tôn chàng làm vua, nên thay

phiên vòng tay làm kiệu, kiệu chàng đi suốt buổi vì chàng đánh đâu là thắng đó, hơn nữa, tài lặn hụp mắt d. n. ở dưới đáy sông hàng mấy tiếng đồng hồ mới trời lên, làm cho lũ trẻ khiếp vía kinh hồn. Kể từ đó bé Chiếu khỏi mệt nhọc về chuyện giữ trâu nữa vì lũ trẻ kính phục nên chia phiên nhau mà lo giữ hộ cho chàng !

Suốt ngày Chiếu ta chỉ đi rong chơi hay bày binh bố trận đánh nhau cho đến tối mới dẫn trâu ra về.

Càng ngày lũ trẻ chăn trâu tăng theo chàng nhiều rồi đến những trẻ ở mấy làng chung quanh cũng theo chàng nốt.

Thế là Chiếu ta đã qui tụ gồm năm trăm (500) đứa trẻ, tuổi từ mười ba mười bốn đến mười chín hai mươi. Chúng tôn chàng làm vua rồi lấy gỗ dong kiệu bảo chàng lên ngồi và chúng kiêu kiệu đi khắp nơi. Cảnh thật vui vẻ rộn rịp — Tiếng đồn càng ngày càng lan rộng khắp mọi giới, làng, huyện, phủ, tỉnh.

(Còn nữa)



Kỷ niệm còn...

Bước lững thững, tôi tiễn em rời phố.
Một ngày nào trời nhẹ mưa bay
Ngước mắt nhìn qua làn kính mờ, cây
Bóng em đó, lung linh huyền ảo quá,
Tiễn em đi, hồn thần thơ chỉ lạ
Sa mạc lòng cho thần tượng lên ngôi
Tôi bấy giờ không còn của riêng tôi,
Mười ngón tay buông, trở màu vàng thuốc lá..
Em giờ đây, bỗng nhiên thành xa lạ
Tình yêu này — thôi còn có gì không ?
Buổi sáng nay nắng nuôi buồn nhẹ trong lòng
Tôi rời phố, không bóng ai tị ễn biệt,
Một lần đi, một cuộc tình vào cõi chết,
Còn gì đâu, em dành lại cho tôi
Bánh xe cạp lặn trên sỏi đơn côi
Vẫn mong ngóng, vẫn mịt mờ nhân-ảnh...

CHÂU PHONG NHẤT CHI

(một lần đi Saigon và một chuyến về Tuy-Hòa)
1970



CON CÒ trong Văn-chương V.N.

QUA thi-ca cũng như những mẩu chuyện ngụ ngôn thường được mượn hình ảnh các con vật để diễn tả như truyện Trê Cóc, Trinh Thử, Cáo Gà, Bò Éch, Lục súc tranh công... Con Cò cũng được nhắc đến trong nhiều câu chuyện cũng như trong thi ca. Chúng ta hãy thử xem con Cò trong đề tài đó.

Ở đời làm sao cho vừa được lòng người, ốm hay mập đều bị người đời châm biếm chê bai: «Ốm như Cò, to như Tượng». Cũng như những kẻ chỉ biết chờ lấy cơ hội để làm điều phi nghĩa, cốt mưu cầu lợi ích riêng tư chẳng nghĩ gì đến điều đạo đức nhân-tâm, tục ngữ đã nói đến điều đó trong câu «Nước đục béo Cò».

Con Cò, ta cũng được nghe trong câu chuyện ngụ ngôn «Ngao

Cò tương tranh». Con Cò đang lủi thủi đi tìm miếng ăn, gặp ngay con Ngao cũng đang há vồ tìm mồi. Tưởng được của bờ, con Cò liền mổ lấy, rồi thay con Ngao ngậm lại, lúc bấy giờ có sự giằng co nhưng chẳng phân thắng bại mà vô phúc cả hai đều lọt vào tay của người đi câu.

«Duật bạng tương trì
Ngư ông đắc lợi
Tiểu hi hì»

Cho hay ở đời tranh giành vì một chuyện nhỏ nhoi, không đâu, nhiều khi làm lợi cho kẻ khác thụ hưởng.

Hoặc trong câu chuyện «Cáo và Cò đãi tiệc». Cáo mời Cò đến dự tiệc, lại dọn ra trong cái đĩa, thức ăn mà Cò không làm sao lấy cái mỏ để ăn được. Bị Cáo chơi trò lừa dối, tức giận Cò trả đũa bằng cách dọn thức ăn trong cái

Hũm mĩ Cáo đến, Cáo cũng chẳng chui lợi đầu. Cừ xừ nhau có điều thất ứn gặp lúc cũng bị người ta đối xử với mình không tốt.

Trong các câu đố ngày xưa cũng có những câu nói về con Cỏ như :

«Bằng cái cỏ con Cỏ,
Ấn ba cụm lúa không no cái điều»

(cái rạ)

Hoặc là

«Một bầy Cỏ trắng ăn tận
núi cao,
Ban đêm lao-xao ban ngày
trốn mất»

(Chòm sao)

Nhiều người cho rằng bẽ chết là hết dù thân xác có sao cũng mặc, nhưng không, chúng ta hãy nghe, nỗi lo lắng của chú Cỏ :

«Con Cỏ mà đi ăn đêm,
Đậu phải cánh mền lộn cổ
xuống ao.

Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào ông sẽ xáo
măng.

(Cỏ xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đầu
lòng cỏ con».

Cỏ chiều lúc cũng bị nghi oan :

«Cái Cỏ, cái Vạc, cái Nòng,
Sao mầy giẫm lúa nhà ông
hỡi Cỏ ?

— Không không tôi đứng trên

Mẹ con cái Vạc đỡ ngờ cho
tôi.

Chẳng tin thì ông đi đôi,
Mẹ con nhà nó còn ngồi đang
kia».

Ở trong Nam ngày xưa thường hát đối những ai không biết hát thì sẽ bị chê là con Cỏ :

«Tôi đây không hát thì hò,
Đây phải con Cỏ ngóng cỏ
mà nghe».

Cũng trong ca dao bình dân :

«Con Cỏ lặn lội bờ sông,
Em đi tưới nước cho bông cỏ
đài».

Hoặc là :

«Con Cỏ ăn bên kia hời, con
Cỏi ăn bên kia sông».

Hoặc :

«Cỏ bay thẳng cánh, chó chạy
ngay đuôi».

Đề chỉ những cánh đồng rộng
bát ngát bao la.

Ở miền Bắc có một điệu hò
bình dân cũng nói đến con Cỏ :
«Con Cỏ mà Cỏ bay lả, lả bay
lả,

Bay qua mà qua ruộng lúa,
bay về về đồng xanh. Tình
tình tang, tang tình tình...»

Câu trên đây là nhại câu ca-
dao cũng của miền Bắc :
Con Cỏ bay lả bay lả,
Bay ra cửa bể, bay về Đồng
Đang.

Ngày trước ở miền Nam khi
mới bày ra loại tem dán thư
(Timbie) có vẽ hình một con Cỏ,
nên người ta có thói quen sau
này cứ gọi tem bằng Cỏ.

Con Sư-Tử, Voi, Cọp, được
dùng để tượng trưng một sức
mạnh hùng hổ thì trái lại con Cỏ
cũng được dùng để tượng trưng
cho hình ảnh yếu đuối mảnh mai,
chịu khó. Hình ảnh đồ biểu tượng
cho người đàn bà nhà quê Việt-
Nam gợi chịu đựng luôn luôn
hy-sinh vì chồng vì con và đảm
đang trong công việc đồng áng :

«Quanh năm chẳng quản
thần Cỏ,
Một sương hai nắng chăm lo
gia đường».

Hình ảnh đó cũng được Cụ
Nguyễn-Công-Trứ diễn tả trong
bài «Gánh gạo đưa chồng». Bài
mà Cụ sáng-tác ra lúc Cụ đang
lãnh binh dẹp gặc Nùng-Văn-Vân
ở Cao-Bằng năm 1833-1834 để
khuyến khích sĩ tốt của Cụ :

«Con Cỏ lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng
khóc nỉ non.

Lộ diệc vũ trùng trung chỉ
nhất,

Thương cái Cỏ lặn lội bờ
sông;

Tiếng nỉ non gánh gạo đưa
chồng,

Ngoài ngàn dặm một trời một
nước.

Trông bóng nhạn băng
khuảng từng bước

Nghe tiếng quỳên khốc khoái
năm canh,

Nghĩa tếp tôm ai nữ dứt
tình,

Ơn thủy thổ phải đền cho vẹn
sông.

CON CỎ

Tràng tên đàn xin chàng bảo
 trọng.
 Thiếp lui về nuôi cái cùng
 con.
 Cao-Bằng cách trở nước
 non.
 Minh trong trắng có quỳ thần
 gia họ.
 Sức bay nhảy một phen năng
 nổ.
 Đá yên nhiên còn đó chẳng
 mòn.
 Đồng hưu rạng chép thẻ
 son.
 Chàng nên danh giá, thiếp còn
 trẻ trung.
 Yêu nhau khăng khít giải
 đồng».

Trong thời hiện-đại, có thi-sĩ Nguyễn-Vỹ phác họa một bức
 tranh Cỏ trong hoàng-hôn, rất đẹp :

Một đàn
 Cỏ con
 Trắng-nhơn
 Trắng-non
 Bay về
 sườn non...
 Tiếng gọi
 Hoàng-hôn
 Buồn-bã
 Cỏ thôn...
 Còn con

Cũng cùng một hình ảnh trên
 Cụ Trần-Tế-Xương đã lồng vào
 bài «Khen vợ» :

«Quanh năm buôn bán ở
 mom sông,
 Nuôi đủ đàn con với một
 chồng.
 Lặn lội thân cò khi quãng
 vắng,
 Eo sèo mặt nước buổi đò
 đông.
 Một duyên hai nợ âu đành
 phận
 Năm nắng mười mưa dám
 quản công.
 Cha mẹ thói đời ăn ở bạc !
 Có chồng hờ hững cũng như
 không !

Cỏ con
 Trắng non
 Nào kia,
 Lạc bầy.
 Lại bay
 Vào mây,
 Ở kia !

(Hoang-Vu)

NG-TẤN-LỘC
 KBC : 4744

PHỒ-THÔNG — 244

CĂN PHÒNG

BÍ MẬT

● HOWARD P. LOVECRAFT
 và AUGUST DERLETH

● GIANG-TÂN dịch

(Tiếp theo P.T 243)

TOÁN thợ người Ba Lan từ
 goston tới tạm thời xua đuổi
 cơn ác mộng ăn sâu trong đầu
 óc tôi. Toán thợ đó gồm những
 thanh niên lực lưỡng và trầm
 tĩnh. Viên toán trưởng tên là
 Jon Ciecioraka, một người vai u
 thịt bắp, trạc lối năm chục tuổi
 dẫn theo ba người thợ phụ.
 Hân giải thích cho tôi nghe là
 hân đến sớm trước một tuần
 lễ, lý do vì công việc ở Boston
 được hoãn lại. Hân có gởi một
 điện tín cho viên kiến trúc sư
 báo tin đó và lên đường ngay

chớ không đợi trả lời chi cả.
 Hân cũng nói rõ đã có sẵn trong
 tay bản đồ về ngôi nhà cổ và
 hân cũng biết công việc hân sẽ
 phải làm-

Toán thợ bắt đầu gỡ lớp vôi
 ở bức tường phía Bắc, bức
 tường này nằm đúng vào mặt
 dưới căn phòng bí mật. Họ làm
 việc rất cẩn thận vì họ cố tránh
 làm phương hại đến các bộ phận
 khác trong căn nhà. Lớp vôi
 được gỡ chứng tỏ ngôi nhà
 được hoàn thành vào một ngày
 xa xưa lắm rồi.

PHỒ-THÔNG — 244

89

Tôi chăm chú theo dõi toàn thợ làm việc trong một thời gian và khi tôi đã bắt đầu quen thuộc với tiếng búa đập đầu tiên của họ thì bỗng nhiên một sự im lặng tuyệt đối xảy đến. Tôi vẫn chờ đợi trong giây lát, nhưng im lặng càng kéo dài. Tôi bước ra hành lang vừa đúng lúc cả bốn người thợ đang khép mình vào một góc tường, đưa tay ra làm dấu chữ thập, vừa đi thụt lùi, để rồi tìm đường chạy trốn. Ciecierka, viên toán trưởng lớp thợ lúc này bắt gặp tôi. Trên nét mặt hắn vẫn còn nét sợ hãi pha thêm một sự giận dữ. Tất cả chạy ra khỏi căn nhà để mặc tôi ở lại một mình, trong lúc đó tôi chỉ còn đợi động cơ của chiếc xe họ nổ.

Tôi rất kinh ngạc nhưng vẫn giữ bình tĩnh đến nơi tập thợ làm việc lúc này. Họ đã gỡ ra được một số vôi khá dày. Họ đã xếp thành một đồng cao tất cả những gì họ đã tháo gỡ ở bức tường ra. Tôi bắt thần nhìn xuống chân tường, mắt tôi bắt gặp một số giấy đã biến sang màu vàng; miếng nào cũng bị chuột cắn gặm nhấm, tuy nhiên

tôi vẫn còn thấy rõ những hình vẽ quái đản trên mặt giấy, bên cạnh những miếng giấy đó là vài con dao, cán và lưỡi đã rỉ sét và ở lớp dưới nữa là... ba cái sọ dừa, một đồng xương, ít lam là của ba dừa trẻ.

Mới đầu, tôi vẫn không tin ở cặp mắt của tôi, vì đầu óc của tôi vẫn còn nghĩ đến những hình ảnh kỳ quái do viên chưởng khế Hopkins kể lại tôi nghe. Nhưng lúc này, tôi nhận thấy sự thật còn ghê gớm hơn. Những em bé bị mất tích trong khoảng thời gian ông cố tôi còn sống là có thật! Ông cố tôi quả là một thầy phù thủy đã tìm cách bắt cóc và thủ tiêu con nít... thế là tất cả dự nghị của quần chúng trong vùng về giòng họ Peabody đã có thêm những bằng chứng nặng cân rồi!

Trước cảnh đó, tôi phải có phản ứng ngay vì nếu có một người dân nào trong vùng mà được thấy cảnh trên trước mắt thì đó là một mối nguy hại cho tôi. Họ chẳng thương hại gì tôi mà sẽ tìm cách gây áp lực bắt buộc tôi phải từ bỏ ngôi nhà này mà đi. Lập tức tôi đi tìm

một cái thùng giấy lượm lại tất cả đồng xương tàn kia bỏ vào rồi mang thùng xuống nghĩa trang gia tộc hay nói đúng hơn cái huyết chung của giòng họ tôi. Tới đây, tôi sắp xếp đồng xương vào một cái tiểu bằng sành còn trống không. Cũng may là ba cái sọ dừa đã nát vụn lúc bàn tay đụng vào nên dù có ai bắt gặp, thì họ cũng không tài nào đoán ra đó là những xương sọ của các em bé, ngoại trừ các nhà chuyên môn mới mong phân biệt được xương người lớn và xương trẻ em. Tôi cũng nghĩ đến việc toán thợ người Ba Lan kia sẽ làm báo cáo lên viên kiến trúc sư và câu chuyện có thể bị bại lộ nhưng tôi có ý nghĩ ngay lúc ấy nếu như việc ra ánh sáng, tôi có cách chứng minh là bọn họ vì quá hốt hoảng, quá mê tín đã phao tin đồn nhảm, hơn nữa, không có gì để chứng minh tại chỗ nữa.

Lúc này, tôi bỗng trở nên can đảm lạ thường. Cầm đèn tôi bước vào căn phòng bí mật quan sát thật kỹ. Mới bước chân vào cửa căn phòng, tôi lại khám phá thêm nhiều cảnh lạ lùng

làm tôi dựng đứng cả tóc gáy. Ngoài những dấu chân dễ nhận thấy mà viên kiến trúc sư và tôi đã nhận ra lúc đầu khi bước chân vào căn phòng, tôi còn bắt gặp nhiều dấu vết mới như bàn chân của một người đàn ông và cả dấu chân mèo. Điều lạ lùng và kinh khủng hơn nữa là những dấu chân đó khởi hành từ góc Đông-Bắc đi lại vào những góc cạnh kỳ quái, tới một nơi vừa đủ cao cho một con mèo qua lọt còn con người không thể nào qua đó được, rồi những dấu chân đó dẫn tới một cái bàn gỗ đen, trên bàn có những dấu hiệu lạ lùng hơn nữa. Trên mặt bàn vung vãi một loại chất nước đặc mà tôi nghĩ rằng do gỗ tiết ra, vết dơ đó chỉ rộng bằng bàn tay, bên cạnh, tôi nhận thấy có dấu vết một cái gói hàng đặt lên bàn. Tôi cố quan sát để tìm biết chất nước đặc đó. Tôi đợi đèn lên trần nhà tìm có chỗ nào đột không nhưng tôi kịp nhận ra rằng cả tháng nay trời không mưa một hột nước nào cả. Tôi chấm đầu ngón tay trở vào vết dơ, đưa ngón tay lên ánh sáng ngọn đèn. Chất

nước dính ngón tay mang màu đỏ máu. Tôi nhìn nhìn chất nước đó chắc chắn là máu rồi. Những kết luận đầu tiên dồn dập đến trong óc tôi. Nhưng tôi vẫn chưa bỏ cuộc trong việc quan sát tìm hiểu. Tôi lượm một số sách để trên bàn, đặc biệt là bản thảo viết tay đóng bìa da, ôm lên trước ngực bước ra khỏi phòng, đi về căn phòng riêng của tôi.

Tôi mở sách ra đọc. Những khám phá mới lần lượt đến với tôi. Có những cuốn sách mang những tựa đề kỳ lạ như cuốn *Malleus Maleficorum* hay cuốn *Daemonilias* của *Sinistrari*... toàn những cuốn mang những cái tên mà tôi chưa hề nghe và đọc đến. Những cuốn sách này chuyên chú đến ảo thuật, đến các loại bùa yêu thuốc lú, các hạng phù thủy, đến những điển tịch kỳ lạ, đến cái chết của nam và nữ phù thủy nổi tiếng, đến cuộc sống của họ, đến cách đi chuyển của họ, đến cách tăng hình của họ, lúc biến hình thành loài vật, đến cách họ chuyển vận trên không, đến cách họ thoát khỏi những nơi chật hẹp chỉ dành riêng cho họ. Sách con chỉ dạy việc bảo chế

một thứ thuốc cao làm với thịt trẻ em do chính tay các phù thủy giết chết, họ quét một lớp cao đó lên ghế hoặc một cái chổi, dùng ghế và chổi đó, họ sẽ đi chuyển dễ dàng trong không khí, ban ngày cũng như ban đêm, có khi biến xuất hiện rõ ràng, có khi biến tan trong không.

Mở cuốn sách của *Sinasirari*, những giòng chữ sau đây lại càng làm cho tôi rối trí thêm.

«Promittent Diabolo statis temporibus sacrificia, et oblationes; singulis quindecim diebus, vel singulo mense saltem, necem alicujus infantis aut mortale veneficium, et singulis hebdomadis alia mala in damnum humani generis, ut grandines, tempestates, incendia, mortem animalium...» Tác giả quả quyết rằng các nam nữ phù thủy trong một thời gian đều đều nào đó phải giết một em bé hoặc phạm một tội giết người... đọc đến đó, tôi bỗng lo sợ vô cùng nên chỉ kịp liếc mắt nhìn qua nhan đề mấy cuốn sách kia như các cuốn *Witae sophistarum*, *Eunapius*, *De Natura Luemon*

um, *Anania*, *Fuga Santanac*, de *Stanpa*, *Discours deo Sorciets*... còn cái bản thảo viết tay được đóng bằng bìa da mà sau đó tôi biết đó là da người.

Nhìn chồng sách trước mặt tôi nhận biết rằng thuở còn sống, ông cố tôi chú ý như thế nào về cái nghề ảo thuật và phù thủy. Tôi cũng biết rằng vì sao dân chúng cả vùng *Wilbraham* có óc dị nghị về giòng họ *Peabody*. Họ chỉ có thành kiến nặng với giòng họ *Peabody*, thật ra họ chưa có đủ bằng chứng để giải thích, nhưng nếu họ được đọc qua những cuốn sách đó, họ được thấy một lần 3 cái sọ dừa trẻ và đồng xương ở dưới chân trống... thì tội ác của giòng họ *Peabody* họ xem cao như núi. Thật ra, thì người dân trong vùng mới cảm thấy về cuộc sống đầy bí mật của ông cố tôi, một cụ già khó hiểu, có miệng mà chẳng bao giờ nói chuyện với ai, một người chẳng bao giờ thí cho ai một đồng tiền, một người như chỉ muốn sống một mình, không cần biết đến một ai ở chung quanh. Chính tôi, nếu không nhờ những khám

phá vừa qua thì chắc chắn chẳng bao giờ tôi biết được cuộc sống của ông cố tôi lúc đó.

Một tiếng hồ sau đó, tôi đi đến thư viện của thành phố. Tôi tìm lại ở chồng báo cũ tìm hiểu thêm về cuộc sinh hoạt giòng họ của tôi, đặc biệt tôi cố ý theo dõi về tin những em bé bị bắt cóc, bị mất tích. Trong những mẫu tin đó, thông tin viên luôn chưa thêm vài nhận xét của dư luận như có kẻ cho rằng họ đã thấy sự xuất hiện của một con vật màu đen, hình thù thay đổi luôn, có khi thì con vật đó to bằng con mèo, có lúc người ta lại cho nó to bằng con sư tử. Những chi tiết đó là sản phẩm của các người sống mà đa số lại là những trẻ em dưới mười tuổi! Những em bé này hoặc bị đánh bị thương, nhưng may mắn các em đã trốn thoát được. Số trẻ bị mất tích nhiều nhất xảy ra vào khoảng năm 1905.

Trong một số báo phát hành sau cái chết của ông cố tôi, tôi được đọc mấy giòng sau đây; «*Asaph Peabody* không còn nữa, nhưng dư luận không quên

đến hẳn. Có nhiều người trong chúng ta cho rằng hẳn có nhiều quyền phép lạ lùng mà con người đương thời không sao có nổi, ch e hẳn lại có một tên Peabody khác ở vùng Salem. Hẳn đến đây có nhà ở vùng Wilbraham. Ờn Asaph Peabody chết rồi nhưng con mèo đen của hẳn chưa chết. Người ta còn nói nhiều đến cái quan tài bất nắp của hẳn. Dư luận còn nói đến việc liệm xác của các phù thủy. Khi một nam hay nữ phù thủy qua đời, người ta dùng quần để xác chúng nằm sắp trong áo quan, nghĩa là bụng và mặt phải được đặt xuống mặt áo quan. Không ai được sờ mó vào xác của chúng, muốn trừ hậu họa, tốt hơn hết dùng lửa thiêu xác đi...»

Bây giờ đến lượt con mèo. Con vật còn sống. Nghĩa là ông cố tôi còn vất vưởng trên trần gian. Con vật luôn luôn có mặt bên cạnh ông cố tôi như hình với bóng, con vật đó cũng hiện ra. Còn việc liệm xác ông cố tôi. Rõ ràng là người ta đã liệm sắp... người ta đã làm đúng điều đó.

Đêm hôm ấy, những giấc mộng quái đản lại đến với tôi. Ngoài những tiếng động thường như đường như thình giắc của tôi, còn phân biệt cả những âm thanh kỳ lạ khác. Lại một lần nữa, hình bóng ông cố tôi lại hiện ra nhưng con mèo dường như có vẻ ngượng ngập, đôi mắt nó nhìn tôi chằm chằm nhiều lần, với cái vẻ đặc thng. Ông cố tôi, đầu vẫn đội nón, mặc áo dài đen, từ một khu rừng hiện ra, tôi có giác như hình bóng đó đã bay xuyên qua một bức tường và tiến tới một căn phòng bỏ trống, đến đây, ông cố tôi dừng chân lại trước một cái bàn thờ, khăn vải vãi đều trong một không khí hết sức tịch mịch. Tôi còn thấy, đi theo ông cố tôi, ngoài con mèo, lần này còn có một người khác, bận áo màu đen. Người này cũng từ khu rừng cách xa Wilbraham không xa đi tới đây. Ông này cùng với nhiều thầy phù thủy khác vừa tổ chức một buổi lễ ma quái giữa khu rừng. Có khi hình ảnh giấc mơ của tôi ít được rõ ràng. Tôi như người được đưa vào một

không gian quá xa lạ. Nơi đây có làn màu sắc huyền ảo, có những âm thanh chói tai, nơi đây dường như không có trọng lượng, tôi chợt thấy những hình ảnh trước mắt nhưng sau đó tôi lại quên hết những gì tôi đã thấy. Nhưng âm thanh lưu lại trong trí tôi một cách dai dẳng, như là những trọng niệm trong suốt buổi lễ, tiếng khóc thét của một đứa trẻ bị thọc huyết, những tiếng hô hoán dữ dằn của mấy thầy cúng...

Trong giai đoạn cuối của giấc mơ, chính tôi lại đóng một vai trò chính. Tôi bị ông cố tôi dắt đến chiếc bàn đen, đứng trước một cuốn sách mở rộng. Trên trang sách có những giòng chữ máu ghi lên nhiều tên. Con mèo mà ông cố tôi gọi nó là Balor, đưa chân cào vào cổ tay tôi làm chảy ra một giòng máu, đoạn con vật vờn quanh mình tôi trong lúc đó ông cố tôi cầm tay tôi đau tôi ký tên vào cuốn sách.

Lạ thay là giấc mơ đó có liên hệ ít nhiều đến sự thực ngoài đời. Gần ngôi nhà cổ có một con đường mòn đi vào rừng. Con

đường này chạy dọc theo một vùng đất bùn, nơi đây suốt năm tháng xông lên một mùi hôi thối khó chịu. Trong giấc mơ tôi thấy rằng tôi đã phải đi qua lại ở đây nhiều lần, có lúc chân tôi bị lún trong bùn trong lúc đó tôi có cảm giác như ông cố tôi và con mèo đã bay lướt trên mặt đất. Sáng mai đến khi thức dậy, tôi nhận thấy ở gót giày của tôi còn dính một ít bùn đen thừ bùn ở vùng đất lầy ở cạnh con đường mòn, và cũng đúng là màu bùn tôi đã thấy rõ trong giấc mơ. Tôi đưa mắt nhìn xuống nền nhà. Những dấu chân vẫn còn hẳn lên khắp cả căn phòng, ở cả cầu thang. Tôi nhìn những dấu chân đó, tưởng chừng như cặp mắt mình đã nhìn lầm. Nhưng sự thật hiện ra trước mắt vẫn là sự thật..

Tôi lão đảo bước ra khỏi căn phòng và mới hiểu là vì sao cha mẹ tôi đã như định từ chối phát mại ngôi nhà. Và lúc này tôi cũng mới biết là vì sao không có một ai dám nhận việc giữ ngôi nhà cổ này, mặc dù giá thuê giữ được rất mĩc.

Tôi mở bản thảo viết tay ra nhưng tôi không có can đảm đọc thêm gì nữa. Bây giờ tôi phải làm gì đây? Tôi tìm đến huyết chung của giòng họ tôi, lấy hết can đảm mở nắp cái quan tài đựng xác ông cố tôi. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy một tấm bằng bằng đồng có khắc tên Asaph Peabody với một câu ngắn: «Ai phá giấc yên nghỉ của ta sẽ chuốc lấy sự thảm hại vào mình».

Nhưng tôi vẫn bạo dạn đẩy nắp quan tài sang một bên. Một hình ảnh kinh hồn hiện ra trước mắt tôi. Xác ông cố tôi mang lên một màu thịt mới! Thịt này lấy ở xác đứa bé bị mất tích trong gia đình George Taylor cách đây lối 10 ngày! Xác này như được ướp không tỏa ra một mùi hôi nào. Tôi vội vàng chạy ra nhưng không phải để chạy trốn mà lo ngay việc chất củi thành một đống. Một mình, tôi hí hục kéo chiếc quan tài ra, đặt quan tài lên đống củi, châm lửa đốt. Trong lúc ngọn lửa liếm vào quan tài, tôi thoáng nghe như có tiếng kêu la «ôi

lên. Suốt đêm đó, qua cửa sổ của phòng tôi, tôi nhìn đồng than cứ tàn dần cho đến lúc trời rạng sáng.

Lúc tôi quay mặt lại định lên giường nằm nghỉ ngơi một vài phút, tôi bỗng bắt gặp con mèo đen ngồi thu mình ở góc phòng.

Tôi nhớ lại con đường mòn dọc vùng sinh lũy, tôi nhớ lại những dấu chân khấp cằn phòng của tôi, vết cào trên cổ tay tôi; cuốn sách trên đó tôi đặt tay ký tên tôi vào...

Tôi lên tiếng gọi tên con vật:

— Balor!

Con mèo chồm lên định thoát ra ở cửa sổ. Tôi kéo ngăn bàn, cầm khẩu súng sáu trong tay lấy cò, không cần suy nghĩ.

Balor!

Thêm một con yêu tinh đến tội!

Đó... tất cả gia sản của giòng họ Peabody...

Đêm chia xac của 2 đứa

Tôi đứng đó người trong đêm nay

Bởi biết ngày mai là xa thật xa rồi

Nước mắt thẳng con trai nào cũng đều thật
hiếm

Tôi khao-khát một lần được đỡ người yêu
khi chia phôi

Tôi xót xa nhiều, nhưng chưa dám khóc

Đề yên cho người run-rẩy trên vai..

Thôi nín đi, người tình muốn đời tôi yêu!

Dù biết rằng chia xa thương nhớ rất nhiều

Dù biết rằng ngày mai là vĩnh-biệt

Dù biết rằng bây giờ mình đang mất nhau

...
Ôi! tình yêu, ôi! tình yêu! ôi tình-yêu!!!

CHÁU GIANG



ĐỌC

HÀNH



● LƯU TRÚC GIANG

Bảo ngồi trầm ngâm, tay mân mê quyển sách. Mặt Bảo ngó xuống trông buồn buồn; tôi chắc Bảo chỉ nhìn vào khoảng không. Căn phòng im lặng, chỉ nghe tiếng đồng hồ gõ tích tắc nhẹ như tiếng đàn. Gió lạnh lạnh lùa vào phòng thổi tóc Bảo bay lòa xòa. Bảo khá đẹp, tóc cắt ngắn, mũi thẳng. Nhưng lúc Bảo nói tôi chẳng thích nhìn Bảo tí nào. Đôi môi Bảo vừa trễ xuống, vừa cong lên có vẻ khinh khỉnh mỉa mai; đôi mắt sắc lại, lạnh lùng khó chịu. Tôi nghĩ vẫn thấy Bảo sẽ mau già vì những nét đó. Tôi nhìn ra sân. Trời đang mưa. Những hạt mưa nhỏ bay lất phất, bám đầy trên bãi cỏ.

— Ngọc...

Bảo gọi nhẹ nhàng. Tôi vẫn nhìn ra ngoài trời. Đột nhiên tôi muốn trêu Bảo.

— Gì?

Chắc Bảo đang khó chịu, tôi nghĩ thế.

— Mày nhìn gì vậy?

— Trời đang mưa. Tôi buồn nhẹ và cười một mình.

— Mặc trời mưa.

— Nhưng chưa xong việc ta chưa đi về... chứ gì?

Bảo có vẻ khó chịu về thái độ của tôi. Tôi quay lại, dương mắt nhìn Bảo.

— Chuyện vớ vẩn. Mày lúc nào cũng mua vớ với gió. Bảo đáp nhẹ nhàng không ngờ. Tôi muốn cười. Bây giờ trông nó ngoan ngoan thùy mị quá. Bảo học cùng lớp với tôi. Những năm đầu hai đứa có vẻ nghịch nhau vì cả hai hay bép xép. Năm nay hai đứa hiền nhau nhiều. Bảo có vẻ thân với tôi và tôi cũng dễ tính. Những bạn thân ngày xưa bây giờ đã xa cả rồi.

ĐỌC HÀNH

Tôi chống tay tựa cằm ngó lên trần nhà.

— Làm sao mày hiểu được tao. Tao là tao mà mày là mày.

Bảo gắt:

— Đừng xạo.

— Xạo thế nào được, Mày đòi tính nhanh như máy bay.

— Tao đòi cái gì?

— Gì? Mới dụi dằm rủ rỉ đó đã gắt được rồi.

— Kệ tao.

— Thì mặc kệ mày.

Tôi hơi tàn nhẫn. Hai đứa vẫn lường hai cãi nhau vì những chuyện không đâu. Giận nhau vài hôm rồi hòa lại như cũ. Cả tôi và nó đều cần có bạn, nhưng những bạn bè trong lớp vẫn thấy có sự gì ngăn cách. Năm đầu tiên ở đệ nhị cấp vẫn thường như thế. Lăm đã bảo tôi một lần tôi thắc mắc vì sao có chuyện chia rẽ trong lớp. Đề ý làm chỉ những chuyện đó, Lăm cười bảo tôi. Sau này ai cũng như ai. Lăm hơn tôi một tuổi

nhưng học hơn tôi đến ba lớp và chín chân như một người trưởng thành. Trông Lăm có vẻ già.

— Ngọc, mày nghĩ gì về gia đình?

Tôi muốn cười. Bảo hay thay đổi dễ tài một cách nhanh chóng trong khi nói chuyện. Tôi nhìn ra trời. Những giọt mưa bây giờ đã nặng hơn. Bầu trời, không u ám hẳn mà chìm trong ánh sáng nhạt nhẽo như căn buồng của một người bệnh. Tôi thích ngồi im nhìn ra trời, ra khoảng trống trước mặt. Ngọc làm ra vẻ thì sĩ lắm. Một lần Lăm nói với tôi. Sao Ngọc lại thích ở một nơi như thế này, không được an ninh. Tôi cười nhẹ. Không được an ninh Ngọc mới thích chứ. Tâm hồn thì sĩ khác người phải không anh? Lăm cười theo không nói gì. Bây giờ tôi còn nhớ đôi mắt Lăm nhìn xa xôi. Đôi mắt thật thu hút. Tôi quay lại, hiếng mắt nhìn Bảo.

— Bảo, mày nghĩ gì về trời mưa?

— Mưa với gió. Mày lúc nào cũng chỉ mưa, mưa, mưa...

Bảo nói gần như hết. Tôi nghe tiếng quyền sách bị ném mạnh xuống bàn. Tôi nghĩ đến gương mặt Bảo có lẽ đang xấu vì nhăn nhó.

— Tao chưa ghét mày mấy chuyện này. Bảo cau có tiếp. Tôi quay nhìn ra sân.

— Mày dân thành phố biết gì Gió thì cát bụi bay mù trời. Mưa thì chuột bọ chạy kêu chí chóc.

— Còn mày ở đây làm gì. Mưa thì đường lầy như gì, còn gió thì đi không nổi, chán ngắt.

— Còn hơn mày không có. Tao thích thiên nhiên.

— Kệ mày.

— Thì kệ tao còn mày thì không thích gì hết. Mày khô khan quá.

— Ừ, tao vậy đó, Bảo trả lời giọng buồn buồn. Tôi thích Bảo trong giọng tâm sự thân mật đó. Nó thường than buồn, khổ tâm. Tôi biết Bảo rất lo cho gia đình nhưng nhiều lúc cũng bất mãn. Nó tự gánh lấy quá nhiều bốn phận để

rồi kể công và ghét mọi người. Tại nó đầy chữ. Tôi thấy nó chẳng có gì để buồn nếu nó biết bỏ qua những chuyện lặt vặt. Nó cũng hay ray rứt vì những chuyện không đâu và tự mâu thuẫn.

— Gia đình bà ? Là một nơi an dưỡng tinh thần những lúc lằm lổ với bạn bè. Tôi quay lại nhìn Bảo. Nó cau có :

— An dưỡng nổi gì, chỉ làm bức mình thêm. Nhiều lúc tao chỉ muốn đi tu.

— Chắc gì mày tu được. Mày có chuyện gì vậy ?

— Chẳng có gì quan trọng. Nhưng đi tu tao nghĩ có lẽ tao sung sướng hơn, ít ra cũng có nguồn an ủi. Mà thôi, khó nói lắm, Bảo nhăn mặt, tôi không thích nhìn Bảo lúc nó nói. — Tao cũng không biết tại sao tại nó ghét tao, gần như thâm thù.

Trong lớp Bảo không được cảm tình của bạn bè. Lúc đầu tôi không hiểu tại sao. Nó hay tìm hiểu và quá nhiều thắc mắc. Thầy cô có cảm tưởng nó giỏi

âm. Một vài đứa bạn bảo tôi. Tôi thích những người hay tìm hiểu nhưng đừng quá điệu hạnh, làm ra vẻ thầy mọi người. (Nhưng có thể họ quá kém nên tự bào chữa, phải không Bảo ?) Bảo hay quan trọng hóa những chuyện vụn vặt, và có lẽ vì thế nên nó khổ. Bỏ qua đi thì hơn Bảo ơi. Những chuyện đó quá tầm thường mà mày cứ để ý. Tôi hay la lên với Bảo. Có lẽ nó cho tôi buồn xuôi và tầm thường. Nếu nó hiểu tôi cũng đã từng ray rứt vì những chuyện như thế. Thời gian giúp mình nhiều mà Bảo. Nhiều lúc nó gay gắt với tôi : Tao muốn thu mình vào vỏ, sống cô độc thì lại bị cho là lập dị, là kiểu cách. Cả tôi và nó. Tôi cũng thắc mắc như nó mà không hiểu sao lại được ưa. Có thể vì tôi hay bất đồng ý kiến với Bảo và vì vậy mà được ủng hộ chẳng. Bảo hay phê bình mọi người. Tôi không chống sự phê bình đó nhưng đừng làm ra vẻ thầy đời.

— Bảo hắt hàm :

— Làm gì mày cứ ngó trời ngó đất vậy ?

— Chẳng có gì cả.

— Mày lúc nào cũng ra vẻ thi sĩ. Mà đúng mày là thi sĩ chứ gì ! Bảo nhìn tôi. Nó lại thay đổi đề tài nữa rồi.

— Mày phê bình tao đó hả ? Tao chẳng bao giờ cho tao là thi sĩ cả. Tôi trả lời chẳng ăn nhập vào đâu. Tôi hay làm thế để chọc Bảo.

— Mày làm bộ Bảo hờ hững, trông nó xấu kinh khủng.

Tôi cười gằn :

— Tao đang thắc mắc không hiểu sao người ta hay khen chê mình những gì mình không có.

— Mày quá lý tưởng.

— Ừ, có lẽ. Tôi hắt hàm im lặng. Tôi hay lý tưởng hóa công việc đề rồi chẳng được gì. Không hiểu Lâm có biết điều này không. Lâm lúc nào cũng muốn tôi thành thật. Tôi thành thật với Lâm để tự dối mình. Bảo có vẻ thực tế hơn tôi. Nhưng đứa nào cũng ray rứt với dĩ vãng. Tôi xem dĩ vãng

như kỷ niệm xấu và đẹp. Còn Bảo nhớ dĩ vãng để biện minh cho hiện tại. — Hồi còn nhỏ tao cũng vậy đó.

— Tao ghét mày quá. Lúc đang nói chuyện này mày xoay ra chuyện khác. Rồi đang nói lại trở lại chuyện cũ.

Tôi cười nhẹ. Mỗi người một ý thích. Mày thì nói quá nhiều về một vấn đề.

— Ủ, tao cũng không hiểu tại sao tao vậy nữa. Nhiều lúc tao cứ thắc mắc : Sao má tao không sanh tao là con trai.

Bảo hay nói với tôi. Tao thích tao là con trai vì con trai không đề ý những chuyện vụn vặt, không nhớ những chuyện nhỏ nhoi. Tao thích bỏ qua tất cả. Bảo nói thế nhưng nó lại ray rứt vì những chuyện chẳng ra gì. Nhiều lúc Bảo tâm sự thật thành thật. Tao nghĩ mình không nên đi học. Càng học tao càng thấy cuộc đời vô lý. Mình làm gì rồi mai chết cũng buông xuôi tất cả. Trái đất này có bao nhiêu người mình vô giá trị. Tôi cũng đồng ý với

Bảo. Nhưng tôi nghĩ, nói ra điều đó chỉ để tự an ủi những khi cảm thấy thua kém. Cả hai đứa đều nghĩ chẳng làm gì cũng chẳng chết nhưng vào lớp vào hăng hái nói hăng hái hỏi, và nhận sự ghét bỏ của mọi người.

— Mày bị họ ghét, lúc đầu tao cũng thắc mắc nhưng sau tao hiểu. Mày hay quan trọng hóa vấn đề và tự mâu thuẫn.

Bảo gật đầu vui vẻ, tôi chợt thấy thích nụ cười của nó. Tôi ít thấy Bảo vui, những khi nó vui là lại sắp buồn.

— Tao không hiểu sao tao cứ hay nói.

— Nếu mày nói những gì mày biết chắc chắn thì không sao. Nhưng tao cũng chỉ như mày.

Tôi cầm quyển sách lên tay xoay xoay nhìn cái bìa. Bìa sách vẽ người con gái có mái tóc dài và rối bời. Tôi nghĩ đến tóc Bảo. Bảo cắt tóc thật ngắn. Nó hay nói với tôi : Tao thích con gái để tóc dài ra vẽ thùy mị, nhưng tao lại cắt tóc ngắn cho giống con trai. Tôi chỉ cười nhìn nó không

nói gì. Đối với Bảo, tôi đóng vai người nghe. Những khi tôi nói thường chỉ để chọc Bảo.

Bảo cầm cây viết vẽ lên ngoằn trên tờ giấy. Giọng nó chợt trầm xuống :

— Có lẽ mỗi người có một nỗi khổ riêng mà chẳng ai hiểu được ai cả, Mày cũng vậy.

— Tao hiểu mày một chút. Nhưng nỗi khổ của mày thì tao chịu thua.

Tôi trả lời dửng dưng. Đầu óc tôi trống rỗng, bình bằng. Giữa tôi và Bảo có sự xa cách. Tôi nhìn ra ngoài trời. Những hạt mưa bầy giờ nhẹ nhàng lay lắt.

— Tao cũng không hiểu nỗi mà. Bảo nói sau một chút im lặng.

— Sao tao thì h con nít ghê đi Bảo. Tự nhiên tôi nói mà không nghĩ gì cả. Giá bây giờ mình nhớ lại như còn tiểu học chắc sướng lắm nhỉ ?

— Để làm gì ? Có lẽ Bảo đang trẻ mọi khi hỏi tôi.

— Để bắt đầu lại.

— Sao mày nghĩ vậy ?

— Vì tao thấy tao có lỗi quá nhiều. Và vì Lâm.

— Tao thấy chẳng lỗi phải gì khi nói những điều mình nghĩ. Còn Lâm ?

— Lâm chưa nói xấu tao điều gì còn tao thì nói xấu Lâm quá nhiều.

Có lẽ Lâm cũng chưa biết điều đó. Tôi có lỗi với Lâm gửi lời xin lỗi Lâm để rồi vẫn như cũ chẳng ? Bây giờ tôi bắt đầu không nói nữa, sau này xin lỗi có lẽ hợp hơn.

— Tao chỉ là một khách độc hành trong sa mạc. Bảo chợt nói Tay nó mân mê quyển Ông Hoàng bé. Còn mày thì...

— ... Tao chỉ là bụi gai bên đường. Tôi ngắt lời. Bảo cười thành tiếng.

— Hay đó, nhưng bụi gai sung sướng hơn khách độc hành nhiều.

— Sao mày biết. Bụi gai có buồn riêng của bụi gai chứ. Buồn

kiếp kiếp. Tôi nói.

— Còn tao thì chốc lát phải không ?

— Tao không biết.

Tôi bẻ viên phấn thành từng cục nhỏ, ném mạnh xuống đất. Tôi chẳng biết nói gì nữa với Bảo. Tôi nghĩ đến sự bình thản của Lâm.

— Mưa tạnh rồi. Bảo chợt lên tiếng. Bảo bỏ ra đứng ngoài hiên. Tôi đi theo. Hai đứa tựa vào hai cây cột im lặng. Đúng đó Bảo. Tao là bụi gai trong bãi cát. Mây là khách lữ hành. Mây buồn vì sự hiu quạnh một chốc. Còn tao thì... Chẳng ai hiểu được ai cả. Nhưng dù sao tao và mây cũng có niềm an ủi để hy vọng phải không Bảo. Tao và mây chỉ gặp nhau một chút thôi rồi ai nấy đi.

— Mây bây giờ có Lâm. Bảo chợt nói.

— Chưa chắc. Lâm đối với tao mơ hồ, tao cũng chẳng hiểu được tình cảm của tao ra sao.

Bảo nhìn tôi nghi ngờ. Tôi

chẳng cần giải thích. Bảo đâu phải là tôi cũng như tôi không phải là Bảo. Nhưng tôi và Bảo giống nhau là quá bảnh diện về mình, về những gì mình không có. Nếu không tôi và Bảo có lẽ đã sung sướng hơn nhiều.

— Chắc sang năm tao chuyển lớp, Bảo nói. Mày ở lại đừng buồn.

— Buồn mà làm gì. Nhưng sao mày lại đi ?

— Tao không thích hợp với lớp này tí nào. Bảo nhăn mặt.

— Chắc gì sang lớp kia mày sống được.

— Biết đâu tao thay đổi.

— Cũng mong cho mày. Tôi nói. Thật sự Bảo đi tôi cũng là tội, tôi chẳng buồn hay vui gì.

Bảo từ già tôi ra về. Tôi hồ hững đưa Bảo ra cổng. Nó quay lại nhìn tôi, cười :

— Bây giờ làm kẻ độc hành đây Đường vắng quá.

LƯU TRÚC GIANG

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★
★ **HỒ-XUÂN-HƯƠNG** ★
★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

XIV — *Hồ-Xuân-Hương bốc thơm Vua
Quang Trung*

3.— So sánh Quang-Trung với Hán
Cao Tổ

(Tiếp theo PT số 243)

Theo ông bạn Thái-Bạch, thì bài «*Ông Lưu Bang*» là một tác-phẩm đã có trong *Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập* của «Tao-Dàn Nhị-Thập Bát-Tứ, thời Lê-Thánh-Tôn, và in vào thời Hậu-

Lê. Nguyên văn có nhiều câu nhiều chữ khác với bài mà tôi thấy trong «*Xuân Hương Thi Tập*» (P.T. số 242).

Bài thơ, theo ông. Thái Bạch, như sau đây :

Vẽ bảy mươi hai mụn nốt
ruồi
Groom thần ba thước vút
trao chuỗi.
Cờ bay đỉnh quỹ hươu co
cổ ;
Trống đánh thành Cai khi
quắp đuôi.
Bái tướng chầu nề anh
xách giỏ ;
Phong hầu đến cả chị khua
môi.
Bốn trăm năm lễ cơ đồ Hán
Cũng bởi ông Cao khéo đãi
buổi.

Tôi chưa được thấy «*Hồng Đức Quốc Âm Thi-tập*», nên chưa thể quyết đoán về xuất-xứ đích thực của bài thơ trên.

Nhưng, sự dè-dặt riêng về bài thơ ấy cũng không làm giảm bớt phần nào giá trị lịch-sử của hai bài «*Vịnh miếu*» và «*Vịnh đấu kỳ*» mà tôi đã trình bày trong mấy số báo trước.

Mối liên hệ tình thần giữa nhà thơ Hồ-xuân-Hương và nhà Võ-tướng Nguyễn Huệ.
— Hai anh em cùng hệ-tộc Hồ-Phi, — càng rõ-rệt hơn

trong quan điểm của hai bậc nhân tài Việt-Nam của thế kỷ XIX đối với Nho-giáo và Phật giáo.

Ai cũng biết rằng Quang-Trung là vị Vua Việt Nam đầu tiên dùng chữ Việt, «*Nôm*», thay cho chữ Hán. Ngài muốn người Việt Nam viết chữ Việt Nam, đề biếu lộ tình thần Việt Nam bất phục tùng Trung-quốc. Các bài Thi Hương Thi Hội dưới đời Quang-Trung Hoàng-đế thường ra bằng chữ Việt, buộc thí sinh cũng phải làm bài bằng chữ Việt. Nhiều giấy tờ hành chánh của Triều-đại Quang-Trung đều sử dụng Việt-ngữ (Chữ Nôm).

Không biết vì một ngẫu-nhiên khá ly-kỳ, hay vì một tương đồng thanh khí do cùng

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

một huyết thống gia tộc tạo nên, mà nữ thi sĩ Hồ-xuân-Hương cũng làm toàn thơ bằng Việt-tự, thỉnh thoảng mới mượn một vài chữ Hán mà thôi. Hồ-xuân-Hương không phải là không giỏi Hán Tự, chứng cứ là cô vẫn dùng một vài điển tích Tàu thích nghi với đề tài của cô (trong những bài *Con Cua*, *Tức cảnh Tề Sở*, bà *Lạng khóc chồng.v.v...*), hoặc một vài lối chơi chữ tế nhị trong Hán tự (*Phận liễu nay đã nẩy nét ngang.v.v...*), nhưng tuyệt nhiên có khinh thường Chữ Nho và các ông đồ Nho. Cô chế diễu cả bọn «*hiền nhân quân tử*», bọn «*tài tử, văn nhân*» của Nho giáo. Cô mắng cả «*bọn đồ đồ*» mà cô gọi là «*phùng*» «*lời tời*». Cô chê «*lũ ngan ngo*» mà cô bảo : Lại đây cho chị dạy làm thơ». Tóm lại, cô không có một chút thiên cảm nào đối với chữ Hán và bọn đồ đệ của Nho-giáo.

Nguyễn Du thì lom khom đi góp nhặt những điển tích Tàu vụn vặt, tạo ra một quyển truyện

Kiều lai căng, kích-cỡm, từ đầu chí cuối toàn những chấp-vá Tống, Đường. Hồ-xuân-Hương, trái lại, coi Hán tự và Nho-học không có một trọng lượng nào. Tập thơ của cô chứa toàn những tiếng nói của dân tộc, những ngôn ngữ thuần khiết, tinh vi của Đất Nước.

Trên quan điểm cao siêu đó, Hồ-xuân-Hương đã gặp Nguyễn Huệ. Con gái của Hồ-Phi-Điều đã cùng đi song hành với con của Hồ-Phi-Phúc, trên con đường phục hồi uy tín và truyền thống của dân tộc Việt Nam tự cường, tự chủ.

Đồng thời, Quang Trung và Hồ-xuân-Hương đều kịch liệt bài trừ những tệ đoan của những

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G.

kẻ giả tu hành Phật giáo. Cả hai đều tôn trọng Phật giáo, nhưng đều khinh ghét bọn «đầu trọc» lợi dụng kinh-kệ, chùa chiền, để lừa bịp đồng bào. Quang Trung đã xuống Chiếu chỉ bắt bỏ những chùa nhỏ ở các làng để xây dựng những chùa lớn mỗi Phủ, Huyện, nơi đây Ngài truyền lệnh tập trung các vị Đại Đức Chân tu để cúng dường Phật, để bảo vệ tôn nghiêm nơi cửa Thiên.

Còn những kẻ giả tu thiếu nhơn đức, không học thức, không đạo hạnh đều bị bắt về làm ăn, y-hệt như bọn «Thầy Chùa trốn lính» ngày nay bị bắt đi quân dịch vậy.

Chánh-sách vô cùng cứng rắn của Quang-Trung Hoàng-đế đối với hàng giả-tăng, cũng lại trùng-hợp với thái-độ của Nữ-Thi-Sĩ Hồ-Xuân-Hương đối với những người «nào nón tu-lờ nào mũ thâm» ấy.

Ngòi bút của Xuân-Hương đậm còn đâu hơn nọc độc của con ong châm vào «đầu ông sư», và «Kiếp tu hành nặng đã

đeo» cho đến nỗi

«Thuyền từ cũng muốn về
Tây-trúc
«Trái gió cho nên phải lộn
leo»

Suốt tập thơ của Nữ-Thi-sĩ họ Hồ đều đầy rẫy những lời châm-biếm tàn-nhẫn, không một chút thương hại, nể-vì, những kẻ «Chẳng phải Ngô mà chẳng phải ta».

Sự tương-đồng tư-tưởng chính trị, Văn-hóa và tôn giáo giữa Hồ-xuân-Hương và Nguyễn Huệ khiến cho chúng ta ngạc nhiên mà tự hỏi: không biết trước kia đôi anh em họ tài ba lỗi lạc của cuối thế-kỷ XVIII đã có hẹn trước với nhau không trên con

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa.Lan

đường phát huy chủ nghĩa Dân tộc ?

Kẻ hậu thế viết những giòng này rất kinh-ngạc và thích thú vô cùng trong lúc đi tìm nhà Nữ-Thi-Sĩ Hồ-Xuân-Hương lại gặp cả Quang Trung Hoàng đế !

Thì ra trước đây hai thế kỷ, hai anh em họ nhà Hồ đồng đôi Hồ-quý-Ly, đã phát động một phong trào vĩ-dại mà họ đã thực hiện được phần lớn, nhằm

Dân-Tộc-hóa chánh trị, văn-học, tôn giáo của Việt-Nam đã bị ngàn năm đô hộ Tàu đến thời Lê-Mạt đã làm mất gốc quá nhiều.

Ý-nghĩa thơ Việt thuần-túy 100% của Hồ-Xuân-Hương, thích-hợp với chánh sách Dân tộc của Quang Trung, là một bằng chứng rõ rệt không thể chối cãi được.

(Còn nữa)

Mộng Thanh Bình

Thơ TÔN NỮ HỖ KHƯƠNG

Vì một nguyên nhân đặc biệt, Mộng Thanh Bình đã phát hành rồi lại phải ngưng .. Tác giả và nhà xuất bản kính gửi lời xin lỗi và thành thực cảm tạ quý độc giả bạn bè đã có thư mua sách hoặc hỏi thăm... Nay đã cho phát hành lại vào ngày 1-5-70. Trân trọng kính mong quý độc-giả và bạn hữu thân mến cảm thông giùm và vui lòng lượng thứ cho.

Chân thành bài tạ



• HOÀNG-THANG

Hội Văn-Thi-Sĩ Việt-Nam mới thành lập

Một Hội mới thành lập tên là «Hội Văn-Thi-Sĩ Việt-Nam, với 9 mục-piêu sinh-hoạt sau đây :

1.— Gây tình thân đoàn-kết và thân-ái giữa các nhà Thơ, nhà Văn Việt-Nam ở quốc-uội và quốc-ngoại.

2.— Phát-huy văn-hóa thuần-túy dân-tộc. Ý-thức trách-nhiệm của văn-hoa trước lịch-sử.

3.— Chống các loại «Văn-chương» vong-bổn đầu-độc tinh-thần dân chúng.

4.— Nêu cao Danh-dự và Uy-tín của Nhà Thơ Nhà Văn Việt-Nam.

5.— Bảo-vệ quyền lợi tinh-thần và vật-chất của nhà thơ nhà văn Việt-Nam, mở nhà xuất bản của Hội để giúp đỡ cụ thể các nhà

INH KHÍ VĂN NGHỆ

thơ nhà văn có chân-tài nhưng thiếu phương tiện.

6.— Soạn một bộ Tự-Điển VN

« « « Văn-Học-Sử

Việt Nam.

« « « Dân-Tộc-Sử

Việt-Nam.

Lập Thư-viện của Hội.

7.— Dịch các tác-phẩm Việt-Nam ra Anh Pháp ngữ để phổ biến ra ngoại-quốc và các tác-phẩm ngoại-quốc ra Việt ngữ để phổ biến trong nước.

8.— Treo giải thưởng Văn-học hằng năm, gọi là «Giải thưởng của Hội Văn-Thi-Sĩ Việt-Nam»

9.— Liên-lạc trong tình thân-bro với các nhà thơ nhà văn quốc tế. Gởi luân-phiên các phái-đoàn văn-thi-sĩ Việt-Nam ra ngoại-quốc, và mời các nhà thơ nhà văn ngoại-quốc đến Việt-Nam, để trao đổi văn-hóa.

Ban Sáng-lập gồm 11 người :

— BÌNH-NGUYỄN-LOC,
VƯƠNG-HỒNG-SỂN, TRẦN-
TUẤT-KIỆT, SƠN-NAM, HÀ-
HUY - HÀ, VŨ - HOÀNG -

CHƯƠNG, VIÊN-LINH, LÊ-
TRĂNG - KIỀU, HOÀNG -
TRÚC - LY, VÕ - PHIÊN,
NGUYỄN-VỸ.

Và sau hai buổi sinh hoạt nhà thơ NGUYỄN-VỸ đã được bầu làm Chủ tịch Ban sáng lập. VIÊN LINH làm Tổng thư ký.

Các bạn văn thơ muốn biết điều kiện gia nhập Hội xin liên lạc tại trụ sở tạm thời của Hội : 231 Phạm-ngũ-Lão Saigon (Tòa soạn Tạp Chí PHỔ THÔNG), Đ.T. 25.861, hoặc tại văn-phòng Tổng Thư-ký, 227 Phạm-ngũ-Lão Saigon (Tòa soạn Báo KHỎI HÀNH) Đ.T. 25.863.

Hội Đồng Quốc gia Báo-chí văn còn lung củng

Sau nhiều buổi họp đề đi tới kết quả là đại diện các báo hàng ngày rút lui... ché, các đại diện báo định kỳ cứ nhất quyết họp tiếp và nhất quyết bầu cho được Hội Đồng Báo Chí với 25 người.

Tuy nhiên, theo ông Ông Ngô công Đức chủ tịch Ủy Ban Thông

tin Hội thi Hội đồng Báo chí này không có giá trị vì còn thiếu các đại diện của 4 hội lớn. Đó là Hội Chủ Báo Việt Nam, Hội Chủ Báo Miền Nam, Nghiệp Đoàn ký giả Việt Nam và Nghiệp đoàn ký giả Nam-Việt.

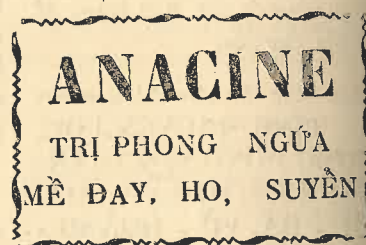
Không hiểu rõ cái Hội Đồng này sẽ đi đến đâu?

Trong số 25 vị có chân trong Hội Đồng Quốc gia Báo chí có cả ký giả Thanh Chiếu Như văn Úy và là chủ nhiệm tuần báo Muối Saigon, nhưng mới đây ký giả Thanh Chiếu đã gửi thư đến các vị trong Hội Đồng để xin... rút lui có trật tự. Chỉ vì «trong Đại Hội Báo Chí ngày 14-4, tôi đã được bầu vào Hội đồng Quốc gia Báo chí. Tiếp theo đó tôi cũng đã được các vị trong HĐQT bầu vào chức vụ Tổng thư ký. Trước cuộc bầu cử vào thành phần Ủy Ban Thường Vụ, tôi đã trình bày với quý vị HĐQT rằng nếu tất cả quan niệm cuộc bầu cử này là một «chiến thắng» để đưa đến việc ngồi chung bàn hội nghị với 4 đoàn thể báo chí ly khai khỏi Đại Hội thì tôi sẵn sàng

nhận nhiệm vụ đó, ngược lại thì tôi không chấp nhận, tất cả đã đồng ý. Nhân danh là Tổng thư ký HĐQT tôi đề nghị ra tuyên cáo là toàn thể hội viên HĐQT cũng như ban thường vụ đều sẵn sàng rút lui khỏi HĐQT để bầu một HĐQT khác đại diện hợp tình và hợp lý cho làng báo hơn, nhưng ý kiến của tôi đã không được chấp thuận.

Tôi thấy rõ một số vị trong HĐQT hiện tại đã không còn coi sự bầu cử vừa qua như một «chiến-thuật» nữa mà họ đã coi như một «chiến thắng» phải bảo vệ. Do đó tôi chánh thức từ chức Tổng thư ký HĐQT đồng thời rút luôn ra khỏi Hội Đồng Q G B C.

Kể từ giờ phút này tôi không còn liên hệ gì với HĐQT BC. bầu cử



ngày 14-4 nữa. Tôi cũng cực lực lên án một số người đã mưu toan biến HĐQT thành một công cụ trên đường danh vọng của cá nhân...»

Thật là... ô hô !!!

● Văn Hóa xuất ngoại

Cuối tháng 4-1970, nhạc sĩ Phạm Mạnh Cương lên đường sang Pháp do lời đề nghị của Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn Hoá, để triển lãm sách báo Việt ngữ tại hội chợ Paris.

Những tác phẩm nổi tiếng của các nhà văn tiền chiến cũng như hiện đại, những nhạc phẩm, đĩa hát, băng nhạc, các bức tranh sơn dầu, tranh lụa, v.v... cũng được trình bày cùng với hình ảnh của các tác giả, các ca sĩ nổi tiếng...

● Diễn thuyết

— Sáng chủ nhật 12/4, nhà văn Vũ Hạnh đã nói chuyện tại trường Quốc gia Âm nhạc Saigon về đề tài «một số hiện tượng trong sinh hoạt văn nghệ hiện nay». Buổi nói chuyện này do Trung Tâm Văn Bút Việt Nam tổ chức.

— Trong buổi thuyết trình về đề tài «ký giả xưa và nay» tại Ban Báo Chí Trường Chính Trị Kinh Doanh thuộc Viện Đại Học Đalat số 118 Hồng thập Tự Saigon, ông Trần tấn Quốc, chủ nhiệm nhật báo Đuốc nhà Nam và là chủ tịch Hội Chủ Báo Việt Nam cho rằng một tình trạng lạm phát báo chí đã xảy ra tại Việt Nam từ năm 1963 tới nay và các báo tại thủ đô đã dùng phương pháp bá đạo đã kích lung tung, nhất là chính quyền, đề nghị lên trong làng báo».

Theo ký giả lão thành Trần tấn Quốc, ngày nay những người làm báo trẻ nếu siêng năng hơn và biết dẹp bớt tự ái, thì với bối cảnh Việt Nam hiện nay có nhiều dịp tiếp xúc các nhà báo ngoại quốc, có sẵn phương tiện truyền tin tiến bộ v.v... sẽ rất dễ dàng tiến bộ trong nghề...

● Nhà văn lên hương

Sau nhà văn Văn Quang với cuốn Chân Trời Tím được quay

thành phim và Nguyễn Thụy Long với cuốn Loạn Mất Nhung. giờ đây nhà văn Viên Linh cũng được một hãng phim thương thuyết để mua bản quyền cuốn Chiêu hồn gió cuốn và cả Lê thị Bích Vân nữa, cô cũng được hãng Cosunam Films «chấm» 1 cuốn.

● **Lễ động thổ Làng Báo Chí của nghiệp Đoàn Ký giả Việt Nam**

Lễ động thổ Làng Báo Chí của ĐKKG VN đã diễn ra trước sự hiện diện của ông Chủ tịch nghiệp đoàn, đại tá chỉ huy trưởng công binh Đại Hàn, thiếu tá đại diện Bộ Quốc Phòng, ông quản đốc trung tâm Báo Chí đại diện ông Tổng Trưởng Thông Tin và trên một trăm anh em ký giả.

Trong diễn văn khai mạc, anh Thanh thương Hoàng đã tỏ lòng tri ân và nhấn mạnh đến sự giúp đỡ của chánh quyền, của ân nhân trong nước và của công binh Đại Hàn.

● **Sách Mới**

— Nhà văn Mai Thảo mới cho ra mắt tập Tuy But Mai Thảo gồm 17 bài :

Bưư Thiếp-Tấm gương trong hành lang — Tình duyên — Sách hồng — Tiếng nổ — Kề nhắc tưởng — Từ hoa từ gió — Quán bệnh — Chuyển tàu chờ tranh — Mưa đêm — Bảo tàng cho mỗi xóm — Số én còn lại — Từ hình cho màu xanh — Ghép cảnh — Hà Nội, một ánh lửa đã tắt — thăm nhà một buổi — Những ngày cuối năm.

— Nhóm Hồn Hoang Phan Thiết đã xuất bản tuyển tập tuơ Hành Trình của các nhà thơ trẻ : Nguyễn Lang — Thương Hà Nguyễn — Thương Hoài Hồng — Thy Thoi Trang-Lê duy Nguyễn Nhị-Hàn tử Tâm — Thụy văn — Thi Linh Thy —

— Mùa xuân trên ghềnh khuôn mặt lang thang, thơ của Nguyệt, Thục Vũ đề tựa, dày 50 trang.



CHỌN LỰA

▲ **NGUYỄN NGỌC ANH**

Không thể kéo dài mãi được ! Hẳn phải chết !

Vợ còn, họ hàng sẽ chẳng có nghĩa gì nữa khi người ta đã thoát khỏi cuộc đời. Thế giới mông-lung của linh hồn mà hẳn trông trọng, sẽ không còn ràng buộc nào nữa.

Làm sao thoát khỏi những hấp-lực khát-khe của vũ-trụ, những níu kéo vô-hình đã diu hẳn xuống hang ổng cuộc đời với bao bất-lực ?

Cha mẹ hẳn đã làm ! Đã làm lớn khi cho hẳn đi học với những hy-vọng huyền-hoặc về công-danh, sự-nghiep.

Cha mẹ hẳn không biết rằng, mồ hôi nước mắt của ông bà kiếm từng vát cơm, manh áo cho hẳn ăn bực chỉ làm những nấc thang dẫn hẳn lên lưng-chùng triền núi. Đứng vậy, hẳn đang bám vào mẫu đá con con

này đây : tiến lên ! không được nữa ! Rút xuống ! lỡ rồi ! — một cái lỡ thật bi thiết mà người ta chẳng giải-nghĩa được gì hơn là đổ cho số mệnh.

Đậu cái bằng Tú-Tài, ở cái xã-hội này, nếu không phải con nhà dư-giả, có thể lực thì khó có chỗ ngồi trên đại học hợp với khả-năng, sở thích hiện thời và khỏi chết đói sau này khi tốt nghiệp.

Hẳn biết vậy, và hẳn đã đi làm công chức, làm công-chức để cha mẹ hẳn bớt một miệng ăn, để các em hẳn khỏi thất học !

Hẳn không muốn nhìn thấy em hẳn phải bơ-vơ như hẳn. Những nỗi dằn vặt nấu cả tâm, tư khi phải tranh đấu và nhìn người ta tranh sống từng hạt cơm, từng khẩu bánh chỉ có thể dành riêng cho con người dày-dạn. Hẳn không muốn em mình phải cúi mình trước những bộ mặt rừng mỡ, cao sang...—

Công chức ! 1 vợ ! 3 con
Hắn đã hy-sinh bao nhiêu mộng
đẹp của đời mình, hắn đã phải
sống một cách bủn-xỉn, đến nỗi
nhiều khi nghĩ lại, hắn cảm thấy
ghê-tởm chính mình.

Ngày, vác lon cơm, vôi vãi
khúc cá kho tới sở để dùng bữa
ăn trưa ! Hắn thấy da mặt càng
ngày càng sạm lại, đôi môi chai
đỏ thêm và con mắt trợn-trưng
uất-nghẹn trước ánh mắt soi
mỏi, điều cốt của bạn bè — thứ
bạn bè có vợ làm sở Mỹ, bán
bar, buôn Mỹ kim xanh đỏ...

Hắn cảm thấy nhỏ bé trước
họ, hắn thực là thằng hèn —
định-mệnh đã tạo ra một thằng
hèn ! — mà cả về phương-diện
xã hội, luân-lý... hắn vẫn là
người có tội.

Hắn đâu có tiền cho con ăn
học trường Pháp, trường Đạo
để tạo cho xã hội những công
dân thức thời, đạo đức...

Nhiều lúc nhìn đứa con đầu
lông mặt mũi mốc meo, không
miếng quạ sáng, thất-thêu vác
túi đi học, hắn thầm nguyện rửa;
Đúng ! Thằng phản đạo thì
con cái có ra gì (lời hàng xóm)

vì «Chúa chỉ ban ơn bội-hậu cho
những người góp công, góp
của...»

Hắn bận công-vụ làm gì có
thì giờ để góp công ; không tiền
lấy đâu góp của ; rước Chúa
vào nhà sao được vì nhà cửa
tối-tàn, không chân đèn nến !

Tội nghiệp con hắn ! Thăng
Tân là đứa trẻ rất linh-hoạt,
ham-thích tham-dự vào những
đoàn-thể như... «Nghĩa-bình
Thánh thể».. mà mọi con nhà
có đạo trong xứ này đều gia-
nhập. Nhưng, ba nó không tiền
may sắm quần áo, giày dép nên
phải đứng ngoài vòng «pháp-
luật».

Các sự trùng hợp đã là đề-tài
cho hàng xứ nguyên-rửa hắn, xã
hội khinh ghét hắn. «Phú quý»
mới sinh «lễ-nghĩa» còn nghèo
như hắn mà chuộng cái đồ thì
ra nghĩa địa sớm.

Hắn đã mang nợ nhiều !...Đám
cưới hắn người ta mừng rất hậu
đám cưới con người ta hắn lại
làm nợ : món nợ thù-tặc thật
nhớ-nhuốc. Đi dự lễ nhà thờ,
đòi ngồi ghế. mà không «góp

công góp của...» thì Chúa cũng
biết cả ! hòng gì lên Thiên đàng
người ta nói thế. Con hắn được
hàng xóm cho kẹo bánh, mà vợ
hắn không có một gáo nước lã
đáp lại. Món nợ duy-nhất được
cha mẹ hắn trả giùm là món nợ
«làm phép cưới».

Những đêm dài như đêm nay,
hắn đã suy nghĩ rất nhiều. Tăm
thần cứng đờ của hắn đã mềm
nhũn, những hàng nước mắt
bất lực ứa ra như tiền đưa nguồn
sinh-lực cuối cùng của thân
thể đang bay vào hư vô... và
bây giờ hắn muốn chết ! Chết đi
để tan biến trong vũ trụ, thành
những cát bụi, lẫn mình trong
sương gió, mây mưa, quên đi
cuộc đời mà chỉ một hạt gạo
cũng mang màu sắc chánh-tr
những hạt gạo tô điểm những
nén xương, nét máu...

Hắn chết đi để khỏi chết nhiều
lần.

Năm năm nay, cuộc đời công
chức đã hiến cho hắn những
giờ chết cũng như những giờ
sống lại.

Những ngày chết đau đớn

bao nhiêu, lúc sống lại lại huy-
hoàng bấy nhiêu.

Hắn từng hãnh diện về sự
sống chết của mình vì nó cao cả
hơn của anh chàng Do thái khi
xưa.

Mỗi tháng hắn phải chết đi
năm mươi bữa, đó là những
ngày cuối tháng không đồng
tiền dính túi, lúc mà một thê
cơm cháy, mầu bánh mì khô
cũng trở nên thần thánh. Hắn
tới sở với thể xác trống rỗng
một thể xác lãnh-toát mồ-hôi
trong khi tâm hồn thật nhay,
biến. Tâm hồn thoát ra khỏi
thể xác, phiêu du trên tấm lịch
để bàn, tâm hồn lao ngược xuống
vực thăm hun-hút để tìm đôi
mắt sâu trũng của người vợ, né
mặt thăm-thiết của ba con.

Những ngày cơm cháo cảm
hơi đã dạy hắn thế năm này
đây, một thể năm tháng căng
như xác chết sắp vô quan-tài.

Ngày mai, lãnh lương ! Đó là
ngày sống lại, ngày sống lại huy-
hoàng nhất của cuộc đời công
chức vào mỗi tháng. Hắn, như
trăm ngàn công chức, cầu xin

CHỌN LỰA

những đêm dài như đêm nay
đừng xảy ra biến-cổ chánh-trị
nào, để họ được sống lại đúng
kỳ-hạn của chu-luân định mệnh.

Ngày mai, người ta mới cảm
thụ được tình thân-yêu, sống
phẳng trong công-sở. Mọi hiểm
khích được dần hòa, các nợ
nần được thanh-toán.

Những khuôn mặt hắc-ám biến
mất, hỉ sắc hiện lên toàn diện
tương như một cuộc đổi đời,
một cuộc giao cảm kỳ diệu giữa
con người và vũ-trụ.

Hắn thấy rõ trên làn da của
vợ hắn đang trở ra những kỳ-
hoa, dị-thảo giống như thảm cỏ
hoa vừa trải ra trên miền cát
mịn sau cơn mưa đầu mùa. Ba
con hắn như ba con chim non
còn ướt át dưới nắng hồng sau
cơn bão táp.

Vui vẻ thực đấy, nhưng nguồn
hạnh-phúc nhỏ bé tàn-lụi
nuông chỗ cho lo âu nợ nần,
đói khát...

Lần này, hắn phải quyết định,
phải giải thoát mình khỏi những
ngày chết cằn lúc càng kéo dài

heo nắc thang vật giá.

★

Thu mến,

Có lẽ em rất ngạc-nhiên về
bữa ăn thịnh-soạn của chúng ta
ngày lãnh lương đầu tháng vừa
rồi lắm nhỉ!

Em luôn nhắc-nhở anh cần
tân-tiện đề khỏi đói vào cuối
tháng. Nhưng em ơi! em có biết
đó là bữa cơm cuối cùng của
tình-nghĩa chúng ta không?

Anh bắt lực! Anh trốn tránh
nhiệm vụ?

Anh đã cố gắng rất nhiều
trong cuộc tranh sống và nay
anh xin đầu hàng, vì anh không
thể làm gì hơn cho em và các
con.

Anh cũng biết anh có thể đi
buôn lậu, dolla-xanh đỏ.



CHỌN LỰA

nhưng không hiểu sao một sự
vô hình đã níu bước anh lại,
một ràng buộc không biết do
bẩm sinh truyền thống hay giáo
dục đã giữ chân anh trong
những nghề mà sự đói khát vẫn
đeo đẳng hoài.

Anh sẽ ra đi thật xa, bắt cứ
nẻo đường nào để tìm cái chết
thật êm thấm, không phiền lụy
tới gia đình, xã hội. Mồ của anh
sẽ do tạo hóa xây đắp, Thượng
đế nếu đã can thiệp vào cuộc
đời anh một cách khắc-nghiệp,
tức nhiên xác chết của anh đời
nào ông ta từ bỏ.

Linh hồn anh sẽ chẳng biết em
là ai, chẳng biết con cái của thể
xác đau khổ thế nào, chỉ thể xác
mới là con nợ của thể xác.

Anh mong rằng thế giới của linh
hồn sẽ trầm-mặc, vô-tư hơn đất
đá. Linh hồn chúng ta đừng bao
giờ gặp nhau nữa. Sự phối-hợp
giữa hai linh-hồn chỉ là sự giao
hợp của hai con thiêu-thân
trong lò-lửa của Thượng-đế!

Vĩnh biệt em.

★

Đoàn người nghiêm trang với

quanh, làm râm cầu nguyện, Vì
linh-mục qui cạnh xác chết. Một
người đàn bà thâm não, một
tay bít vết thương còn ứa máu
tay kia lay đầu chồng, mặt áp-
sát...

— Anh! Anh! tỉnh dậy, lạ
Chúa tôi! sao anh lại làm như
vậy?

Hai tay xác chết bỗng quờ
quạng bối tung đồng tiền 500đ
bê-bết máu xếp bên cạnh, miệng
thì thào:

—Vi...những đôi mắt kỳ-vọng..
ở anh, vì... tiền... nợ... nần...

Trong mắt hắn đảo ngược, lơ
dờ nhìn vị linh-mục mỉm cười,
miệng lầm nhảm điều gì không
ai hiểu.

Chỉ có bạn hắn là biết hắn nói
gì vào giờ chết: «Con thương
cha lắm, nên không muốn xưng
tội, vì làm như vậy, con không
có mặt dưới đó để đón tiếp Cha
ở đời sau».

Phong-hóa Phù-Mỹ gắn liền sinh-hoạt thường - nhật người dân địa - phương.

● THÂN-TRÍ-THIỆN

PHÙ-MỸ là địa-danh, hiện là một trong mười hai Quận của tỉnh Bình-Định.

Phù-Mỹ đang thịnh-hành, cũng như đã mai-một nhiều tục-lệ khá lạ-kỳ, gắn-liền với sinh-hoạt thường-nhật của người dân địa-phương, xin liệt-kê như sau :

1) — Treo Lũ-Long ③

Khi trọng gia đình có người nằm chỗ (sinh, đẻ) thì lấy nhánh lũ-long (bàn-chải), hoặc cây dừa, hòa-hoàn lằm mới dùng nhánh xương-rồng, hoặc cây thơm (ananas) treo tòn-tên, nhong-nha nhong-nhánh trước cửa nhà ra vào, để yếm-trừ Ông Sát (bệnh gây cho trẻ-con mới sinh da bị trầy, bầm, rất nguy-đến tính-mạng).

làm điếm cử-kiêng cho người ngoài (tránh mắc tiêm-long, xui xẻo) hoặc nhắc khéo việc ái-ân cho chính người chồng sản-phụ (chờ khi nào lũ-long héo-khô mới được động-phòng, thời-gian đó kéo dài ngót ba tháng, trở lên !).

2) — Cắm Cùi

Trẻ sơ-sinh ngày đêm năng khóc-la, ré-thét khó dỗ-dành, lấy một thanh tre, chẻ kẹp một khúc cùi-bếp, cắm ngay trước cửa ra vào, người lạ-mặt trông thấy cử-kiêng vào nhà. Riêng cho ai tới thăm, phải mài nút (cúc) áo, hòa một ít nước, nhỏ vào miệng trẻ sơ-sinh làm phép vậy.

3) — Thoa Lọ

Trẻ em dưới hai ba tuổi mỗ-

lần đi xa, thăm quê nội hoặc ngoại chẳng hạn, khi ra khỏi nhà phải lấy lọ (nhỏ) đỉnh-đầu Ông-Táo mà quét một dấu chữ thập ngay trán, giữa hai châu-mày, để làm dấu chính con của mình, dọc đường tránh kẻ khuất-mặt nhận lằm (nhằm) hay quở-trách, vì rằng đã xin phép Ông-Táo nhà chứng-minh ra đi đàng-hoàng. Nếu không làm vậy, trẻ sẽ bị nóng-mình đau-yếu, hoặc trong giấc ngủ thường hay giật mình, khóc thức-giác, sinh bệnh-hoạn.

4) — Dọn cỗ

Sau khi lễ-tất của ngày giỗ-kỵ, cuộc dọn-cỗ (bàn) được bày ra trên chiếc phản hoặc trên chiếu trải giữa nền nhà với một chiếc mâm gỗ sắp-xếp đầy ắp đồ-ăn, quây-quần chõng-chất lên nhau, cao nghều nghều, trông như một cái tháp (tour).

5) — Cúng mía

Hai cây mía, bất kỳ (cứ) loại mía nào cũng được miễn là tốt cây là được (tò, thẳng, cao), chặt sát-gốc, rong sạch (rẽ, bẹ-

lá), ngọn trảy lá chừa để bẹ, dựng đứng hai bên hông bàn thờ, đó là lễ-vật dâng-cúng ông-bà tổ-tiên trong ba ngày Tết.

Truyền rằng : — sau lễ cúng đưa, mía làm gây chống cho ông-bà ra đi được vững-vàng trên lộ-trình di-chuyển.

Lại truyền : — sau một giấc mơ của một người tự đời xa-xưa mà bày lễ cúng mía để làm vật hộ-thân cho ông-bà, dọc đường khỏi bị trộm-cướp giật lấy bánh-trái do con-cháu dâng-cúng trong ba ngày Tết.

6) — Quảy gạo

Sau lễ cúng-đưa trong dịp Tết, con cháu quảy một gánh đồ nhỏ-nhỏ, gồm một đầu bao gạo một đầu bao muối, đi vô ra trước cổng ngõ hai lần ba lượt gọi là đề-tiền-đưa hộ-đỡ ông-bà lên đường nhẹ gánh.

Vài nhận-xét, phân-tích và ký-sự tâm tình của người viết

Do động-cơ tình-cảm riêng-tư cá-nhân thúc-đẩy nên người viết đã đem dụng-công tự-ý

ghi-chép những tục-lệ Phù-Mỹ trên đây. Do đó nó bị giới-hạn trong một địa-vực hạn-hẹp, dĩ-nhiên còn thiếu-sót nhiều lắm chưa phản-ảnh trung-trực trọn-vẹn phong-hóa Phù-Mỹ. Hóa cho nên việc người viết vội-vàng giới-thiệu với độc-giả, tất-nhiên là một sự sơ-hở đáng trách, đáng chê-bai. Nhưng chủ-ý của người viết đem ra trình-làng gọi là đề đánh dấu khoảng thời-gian liên lạc tiếp-xúc với Cô Ng. Thị-Phượng quán ấp Phước-Thọ, hiện là Cô Giáo áp Tân Sinh An-Lạc-Tây, đề thể-hiện một ưu-tư, một cảm-nghĩ tâm-hướng :

*Trăm năm hương-lửa bền
tơ-tóc,
Một tấm chung-tình vẹn
nghĩa yêu.*

(thơ Mai-Dịch, 17-03-68)

Đó cũng là muôn một trong những lý-do gây nên thời-đại triển-khai văn-hóa Phù-Mỹ vậy.

Đây là một duyên-khởi từ ngày 14 tháng 11 năm 69, là một tiêu-mốc ghi-dấu từng

giai-đoạn một, là một khởi-diểm thứ ba đối với người viết khi phát-sinh phong-trào văn-nghệ Phù-Mỹ, là chủ-đề nhấn-mạnh về *Sinh-Hoạt Nông-Thôn* mà đối-tượng như trên đã nói. Ngược lại đồng thời-gian thì hai giai-đoạn kia gồm có giai-đoạn thứ nhất kể từ ngày 21 tháng 03 năm 68 người viết nhắm vào chủ-đề *Người Tàu* mà đối-tượng là Cô HIỆP LỢI-SANH, giai-đoạn thứ hai kể từ ngày 10 tháng 07 năm 69 nghiêng về chủ-đề *Võ-Nghệ* mà đối-tượng là Cô Tuyết mà áp-chót bài-văn này có nhắc đến.

Cho nên lời thành-thật của người viết thưa với độc-giả là Phong-Hóa Phù-Mỹ hãy còn nhiều. Nhiều lắm. Nhiều vô-số-kê. Và lần-lượt người viết sẽ giới-thiệu tiếp. Người viết luôn-luôn tâm-niệm cố-gắng tối-đa vượt-mức đề khảm-phá mờ-xe nhiều tân-kỳ khôi-tú về phong-hóa Phù-Mỹ, tựa ví như nhìn châu-thê-ngọc-ngà-mỹ-nữ này sinh-lâm-nhiều tâm lý lưỡng-hào. Mời độc-giả về sau theo

đôi lần-du tất rõ chân-tình này. Sau đây người viết có một vài nhận-xét, phân-tích và ghi-chú ký-sự tâm-tình cá-nhân trong khi ghi-chép giới-thiệu những tục-lệ Phù-Mỹ đã nêu ở trên.

Tục-lệ TREO LŨ - LONG thịnh-hành ở Phù-Mỹ, nhưng không đặc-biệt lắm vì quận Phù-Cát thịnh-hành đứng vào bậc thứ nhì, và kế-tiếp rải-rác một vài miền quê các quận khác trong tỉnh Bình-Định cũng đều có vậy.

Tục-lệ CẨM CUI do Ông Nhơn-An Phan-văn-Châu, 44 tuổi, kể cho nghe vào ngày 11.03.70 (04-04-02 Canh-Tuất). Ông cho biết thêm tục-lệ này đã mai-một, ngày nay không còn lặn-truyền nữa.

Tục-lệ THOA LỘ hẳn nhiên vẫn còn, thật phổ-thông. Phổ-thông cho cả các nơi trong toàn tỉnh Bình-Định.

Tục-lệ DỌN CỒ thật đặc-biệt của xứ Phù-Mỹ, nhưng chỉ lưu-truyền rải-rác, thật khác-biệt với các nơi trong tỉnh Bình-Định.

Chúng-tôi nghĩ rằng có lẽ

vì nơi ngụ-cư của người Phù-Mỹ quá ư chật-hẹp nên dọn ăn bằng cách chõng-chất đồ cao nghêu-ngheo với mục đích không gì hơn là cho bớt.đỡ choán chỗ, cho được tiện-lợi gọn-gàng thể thối, chứ chắc không mang một ý-nghĩa nào khác ?

Tục-lệ CÙNG MÍA chúng-tôi được biết do sự khai-mào của Đại-Đức THÍCH-NGUYỄN-LAI (Trưởng-Ban Tuyên-Uỷ Phật-Giáo Trung-Đoàn 41 Bộ-Binh) và được chứng-kiến vào trong dịp những phiên-chợ áp Tết năm Canh-Tuất 1970 tại chợ Phù-Mỹ (thuộc ấp Trà-Quang, xã Mỹ-Quang, thị-trấn Phù-Mỹ, bên phải quốc-lộ số 1 hướng Bắc-Nam). Chợ bán đầy mía ván, gia mỗi cây 25đ. Người mua kẻ bán tấp-nập rộn-ràng. Dọc các ngã đường già-trẻ lớn bé nghênh-ngang ôm-vác mía mua về nhà. Được biết mía trồng tại vườn các làng-mạc xã Mỹ-Hòa, Mỹ-Chánh đem về chợ thị-trấn Phù-Mỹ bán.

Đồng tương-hợp, hao-hao

như tục-lệ Cúng-Mía, Ông TRẦN-THANH-QUẢNG, 35 tuổi, có kể cho chúng tôi nghe tại Từ Đường Ông Tám-Quảng Tịnh-Giang nơi hai bên hương-án (bàn thờ) có cắm thờ hai cây-roi mây to bằng ngón chân cái người lớn, cao khoảng 01 mét 60, bóng láng, rất đẹp. Đầu cây mây bịt ngù-đồng, đỉnh nhọn. Xung-quanh vòng-khoen ngù-đồng có lỗ xâu chỉ ngũ-sắc, phân làm ba chùm. Chùm thứ nhất (tính từ trên tính xuống) gồm một tua, chùm thứ hai gồm hai ba tua, chùm thứ ba gồm bốn-năm tua.

Tục-lệ QUẦY GẠO chúng-tôi được Cụ Hương-Mục Cầm Phước-Thọ, khoảng trên 82 tuổi, kể cho tôi nghe vào ngày 15-03-70. Tục-lệ này thịnh-hành tại Phù-Mỹ ngọt hơn cả trăm-năm về trước, ngày nay không còn nữa.

Hôm 08 tháng 03 năm 70 Ông Cửu-Diêm Tri-Thiện, 60 tuổi, có cho chúng tôi biết là tục-lệ Cúng-Mía, cũng như Quầy Gạo, ngày xưa cũng có lưu-hành tại Từ-Đường Trần-

Tri-Thiện, nhưng về sau vì không sẵn vật-dụng, làm biếng, nên dần-dần bỏ hẳn từ lâu.

Với sáu tục-lệ Phù-Mỹ nêu trên người viết ghi chép vô-tư, nhưng với hai tục-lệ CÚNG-MÍA và QUẦY-GẠO người viết xin đặc-biệt có đôi dòng nhận-xét, phân-tích.

Xuyên qua tục-lệ Cúng-Mía và Quầy-Gạo người bình-tâm cho là một sự vô-bồ, song với kẻ hữu-tâm thì nghĩ khác-tâm-trưởng nghĩ rằng thể-hiện tinh-thần thượng-võ cao-độ, tinh-thần ái-quốc cách-mạng bất-khuất.

Là vì như chúng ta thừa biết là người Bình-Định có võ-nghệ cao-cường, võ từ đàn bà con-gái, không riêng gì cho đàn ông con trai. Bình-Định chính là nơi địa-linh nhân-kiệt, lâm nhân-tài làm nên lịch-sử tất-nhiên Phù-Mỹ hiện là một trong mười-hai Quận của tỉnh Bình-Định cũng thừa-hưởng và hàm-chứa điều ấy.

Ngày xưa và ngày nay cũng vậy, người Phù-Mỹ tiềm-ân

một dòng máu võ-nghệ trong mỗi một con người địa-phương Tinh-thần võ-nghệ gắn liền với tinh nước non đậm-dà. Mời độc-giả tìm-hiểu tinh-thần ấy trong hai bản văn của THU - TIẾN mang tựa - đề HUYỀN - THOẠI VỀ VÕ BÌNH-ĐỊNH đăng trên bán-nguyệt-san Thời-Nay (Sài-Gòn) số 131 ra ngày 01-03-65 và của THÂN-TRI-THIỆN mang tựa-đề NON-NUỚC BÌNH-ĐỊNH: PHÙ - MỸ đăng trên bán-nguyệt-san Pnò-Thông (Sài-Gòn) số 218 ra ngày 01-03-69

Còn với những người du-quan muốn sờ tận tay thấy (trông) tận mắt thì xin mời tìm đến nhà Cô Phạm-Thị-Tuyết.

Cô Tuyết là một Huynh-Trưởng Phật-Tử thuộc Gia-Đình Mỹ-Quang, tuổi trên 20, quán tại Chợ thị-trấn Phù-Mỹ, có võ-nghệ tuyệt-luân. Cô đi một thể võ nhanh đến nỗi bát nước tạt vào mình không dính-ướt, huống-hồ chi đòi được cái cảnh:

Vú em chum-chúm chũm cau,

Chợ anh bóp cái có đau anh đèn!

(ca-dao Việt-Nam)

Mẹ cô Tuyết cũng có võ. Chắc cha cô Tuyết cũng vậy. Bởi vì chúng-tôi nhận thấy nơi thờ-phượng thân-phụ cô Tuyết có cắm thờ hai thanh (cây) kiếm bên bàn thờ, thiếp vàng, trông thật uy-nghi lâm-liệt. Trong một hoàn-cảnh đặc-biệt, chúng-tôi chưa có dịp kiểm-chứng gia-tộc Cô-Tuyết có truyền-thống võ-nghệ hay không, và nếu có thì bắt nguồn từ đâu, thời-đại nào. Xin có lời bộc-bạch trước cùng độc-giả và xin hẹn vào một dịp khác có thể thuận-lợi hơn.

Mía ví như là một ngọn roi, một cây côn,.. tất như là một vật dụng võ-nghệ, để mà Múa Roi Đi Quyền (ca-dao Bình-Định), để mà biểu-diễn thể võ Roi Thuận - Truyền, Quyền An - Vinh (CDBĐ).

Trẻ con Bình-Định rất thích ăn mía. Mà người lớn cũng vậy. Mía ngọt thanh-tao, làm dịu mát láng-láng tâm-hồn và

Thề-xác. Cho nên mĩa cúng
xong, trẻ-con tươm-tuốt tranh
lấy phần, giành nhau ăn, như
gọi lại hình-ảnh hào-hùng
thích-thú của trẻ-con năm-xưa
reo hò vội-vã cướp lấy những
xác pháo mừng chiến-thắng rơi
tơi-tả trên Gò Đống-Đa năm
Kỷ-Dậu 1789-

Tục-lệ Quây-Gạo như nhắc
lại hình-ảnh năm xưa, như
un-đúc lại khung - cảnh năm
xưa. Năm xưa chính là năm
Kỷ-Dậu 1789 vậy. Nó làm tâm-
can người Bình - Định tăng -
rường khắc - phục mọi hiểm
nguy gian-khổ. Nó làm người
Bình - Định vọng tưởng lại
công - lao khó - nhọc của tiền-
nhân trong công-cuộc bảo-vệ
gìn - giữ non - sông đất nước
Việt-Nam mến-yêu nói rộng,
Bình-Định nói hẹp.

Tiếng ai than-khóc nỉ non,
Phải chăng chủ lĩnh trên hòn
Cù-Mông ?
Công tôi gánh - gánh gồng
gồng,
Trở ra theo chồng bấy bĩ, còn
ba.
Tiếng đồn Gò-Duối gạo cao,

Bồng Sơn gạo sứt bán sao có
lời.

Đường (đàng) đi cách biên
(bề) chân-trời

Biết đâu mà nói thật (thiệt)
lời với anh.
(CDBĐ)

Đôi bao gạo - muối là một
trong những quân-lượng thiết-
yếu nhất, nuôi quân-binh đánh
ngoại-xâm chống tà-ngụy, một
nguyên-sản (gạo) mà Tây Sơn
Tam-Kiệt biến-chế thành Bánh
Tráng (Đa), Bánh Tét (Tết) để
tiện-dụng cho quân-binh thuở
ấy kéo ra thành Thăng-Long
Đất Bắc để rồi tạo nên một
Mùa Xuân Kỷ-Dậu 1789 le-lói
rạng-rỡ sử-sách !

Tục-Lệ Quây-Gạo ngày nay
không còn nữa. Tục lệ Cúng-
Mĩa hãy còn thịnh-hành. Thi
đó là một dịp mỗi năm một
lần trong khi tưởng-nhớ tiền-
nhân trong ba ngày Tết để
người Bình-Định nhớ lại hào-
khí, sung - sướng hãnh - diện
được làm con-dân Bình-Định
thân-yêu nói chung, Phù-Mỹ
nói riêng.

THÂN-TRI-THIỆN
KBC 4093, 02-03-70

PHỒ-THÔNG - 24



● Thêm bạn bớt thù

của Hoàng xuân Việt một tập sách rất cần ích cho những người
biết xử-thế, muốn gây cảm tình chung quanh mình, thay vì thù
oán. Một quyển sách đáng xem kỹ.

Trung tâm Nhân Xã xuất bản.

★ Trung Tâm Nhân Xã giới thiệu :

Khóa học đặc biệt mà các bạn yêu Nghệ Thuật mong đợi :

THƠ và SÁO

do Nguyễn đình Nghĩa và Phồ-Đức hướng dẫn

Qua hai giờ đầu chắc chắn quý bạn sẽ hài lòng vì đã hiểu
rõ ràng về kỹ thuật xử dụng Sáo và có ý niệm tổng quát về THƠ.
Sau đó tự tạo cho mình một hướng đi riêng rất cần cho sự
nhận thức và sáng tạo nghệ thuật.

★ Hãy ghi tên tại số 2 — Nguyễn văn Thịnh SAIGON.

Hè 70 — lớp HOA Phồ-thông

KHÓA MỚI

4-5

● tại Trường KIẾN-THIỆT

223/4 Ph-đình-Phùng (Sg)

● Trường BÌNH DÂN HỌC HỘI

(ngang Tiểu học Ph-đình-Phùng)

G.S. HÒA-THANH hướng dẫn — Khóa 3 tháng

Đã HOẠT-ĐỘNG được 8 Khóa qua.

trị: **ỈA CHẬY. NHỄM ĐỘC**
Ở RUỘT
KIỆT-LY CỎ ĐÀM MAU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

PHONG PHÚ

*Thuốc viên cho người lớn
 Thuốc bột cho trẻ em.*

*Hợp với
 người lớn
 trẻ em*



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 206c/BTT/17-18-19

(100-110) 100-110

100-110 100-110

100-110 100-110

NƯỚC NGỌT "CON CỌP"



**Ở mọi nơi,
 Thôn quê,
 Thành thị.**

*Nước ngọt Con Cọp
 ở dân,
 Đây là Khỏe Mạnh,
 Sống lâu, Yếu Đủ.*

**Brasseries et Glacières
 de l'Indochine**

6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél. 20.311

Nhà hàng Đại-La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- * Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- * Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dưng hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lôi Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9-5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hề'. Uống Giải
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3—9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVTT/ND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại nhà in riêng của PHỒ-THÔNG

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ
Công sở : gấp đôi